

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

V. Lĩnh vực tần số vô tuyến điện

A. Thủ tục hành chính cấp trung ương

41. Thủ tục gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh

Trình tự thực hiện	- Trước khi hết hạn ít nhất 30 ngày, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Tần số vô tuyến điện). - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ hoặc có nội dung cần bổ sung, làm rõ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện thông báo, hướng dẫn phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn khách nước ngoài bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, đồng thời thông báo cho cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Ngoại giao để phối hợp; trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Cục Tần số vô tuyến điện gửi thông báo, phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn khách nước ngoài phải hoàn thiện và nộp đủ hồ sơ theo quy định; + Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Tần số vô tuyến điện gửi văn bản kèm theo bản sao hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép của phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn khách nước ngoài đến cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an; + Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Cục Tần số vô tuyến điện gửi văn bản, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an có ý kiến bằng văn bản gửi Cục Tần số vô tuyến điện; + Trong trường hợp cần phải có thêm thời gian xem xét, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an có văn bản thông báo gửi Cục Tần số vô tuyến điện, nhưng tổng thời hạn xử lý không quá 14 ngày; + Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu 1m quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định
--------------------	---

	63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do, đồng thời thông báo kết quả cho cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an và Bộ Ngoại giao. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; (Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ: + Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội; + Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh; + Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng). - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP; - Bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ Đoàn khách nước ngoài, Cơ quan đại diện nước ngoài có đoàn hoặc cơ quan chủ quản đón đoàn làm thủ tục đề nghị cấp giấy phép
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (theo Mẫu 1m tại Phụ lục III của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP).
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP; - Bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

	- Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. - Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022.
--	---

Mẫu bản khai thông tin chung, Phụ lục II

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

CHÚ Ý:

1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện/ Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực...

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1 Số Căn cước công dân/ Định danh cá nhân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày sinh: Địa chỉ thường trú:	
1.2 Mã số thuế (đối với tổ chức):..... Địa chỉ trụ sở chính:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại/ Email:.....	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Công dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định. 4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện. 4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan. 4.5. kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.
- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.
- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,

115 Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: 024.35564919;

Fax: 024.35564913

Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lựu, phường Bình Trưng, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.37404179;

Fax: 028.37404966

Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.3933545;

Fax: 0236.3933707

Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: 0292.3832760;

Fax: 0292.3887087

Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0225.3827857/

Fax: 0225.3827420

Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0238.3833511;

Fax: 0238.3849518

Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258.3892567;

Fax: 0258.3824410.

Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/

0210.3840504 Fax: 0210. 3840504.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Bản khai thông tin chung Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuê của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai chính xác theo thông tin trên Căn cước công dân/Căn cước đối với cá nhân người Việt Nam/Hộ chiếu đối với cá nhân người nước ngoài.

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuê của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để cơ quan

quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại/email liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.

Mục 3. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

Đánh dấu "X" vào ô "01 lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính.

đóng dấu + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh.

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép.

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ GIA HẠN
GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

1. GIA HẠN

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Thời gian đề nghị gia hạn ⁽³⁾	Số giấy phép viễn thông/ Số giấy phép hoạt động báo chí ⁽⁴⁾
...	...	...	

2. CẤP ĐỔI

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Lý do cấp đổi ⁽⁵⁾
...		

Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép

(1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn, cấp đổi.

(2). Mẫu giấy phép: là mẫu theo quy định trên giấy phép đã được cấp (ví dụ: Mẫu 1a; Mẫu 1b, Mẫu 1c,...).

(3). Thời gian đề nghị gia hạn: kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).

(4). Số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí: kê khai số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí nếu giấy phép viễn thông/giấy phép hoạt động được cấp trước đây có thay đổi.

(5). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,...).

42. Thủ tục sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh

Trình tự thực hiện	- Khi giấy phép còn hiệu lực, tổ chức, cá nhân có nhu cầu sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng) thì phải hoàn thiện hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh phép theo quy định tại khoản 5 Điều 13 và khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i> và nộp hồ sơ đến <i>Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> (Cục Tần số vô tuyến điện). - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ hoặc có nội dung cần bổ sung, làm rõ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện thông báo, hướng dẫn phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn khách nước ngoài bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, đồng thời thông báo cho cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Ngoại giao để phối hợp; trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Cục Tần số vô tuyến điện gửi thông báo, phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn khách nước ngoài phải hoàn thiện và nộp đủ hồ sơ theo quy định; + Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Tần số vô tuyến điện gửi văn bản kèm theo bản sao hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép của phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn khách nước ngoài đến cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an; + Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Cục Tần số vô tuyến điện gửi văn bản, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an có ý kiến bằng văn bản gửi Cục Tần số vô tuyến điện; + Trong trường hợp cần phải có thêm thời gian xem xét, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an có văn bản thông báo gửi Cục Tần số vô tuyến điện, nhưng tổng thời hạn xử lý không quá 14 ngày; + Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu 1m quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định</i>
--------------------	--

	số 15/2026/NĐ-CP hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do, đồng thời thông báo kết quả cho cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an và Bộ Ngoại giao. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i> - <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai thông tin chung và bản khai thông số kỹ thuật, khai thác đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển) theo Mẫu 1m quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP. - Tài liệu liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp phép (Trong trường hợp cơ quan cấp giấy phép cần phải xác minh lại thông tin trong bản khai đề nghị cấp phép để ấn định tần số vô tuyến điện và sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép) theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời hạn giải quyết	- 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ Đoàn khách nước ngoài, Cơ quan đại diện nước ngoài có đoàn hoặc cơ quan chủ quản đón đoàn làm thủ tục đề nghị cấp giấy phép
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (theo Mẫu 1m tại Phụ lục III của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP).
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP. - Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển) theo Mẫu 1m quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô

	tuyên điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. - Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022.
--	---

Mẫu bản khai thông tin chung, Phụ lục II

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý:**
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện/ Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực...

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1 Số Căn cước công dân/ Định danh cá nhân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày sinh: Địa chỉ thường trú:	
1.2 Mã số thuế (đối với tổ chức):..... Địa chỉ trụ sở chính:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại/ Email:.....	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Công dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định. 4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện. 4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan. 4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.
- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.
- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,

115 Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: 024.35564919;

Fax: 024.35564913

Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lựu, phường Bình Trưng, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.37404179;

Fax: 028.37404966

Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.3933545;

Fax: 0236.3933707

Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: 0292.3832760;

Fax: 0292.3887087

Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0225.3827857/

Fax: 0225.3827420

Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0238.3833511;

Fax: 0238.3849518

Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258.3892567;

Fax: 0258.3824410.

Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/

0210.3840504 Fax: 0210. 3840504.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Bản khai thông tin chung Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai chính xác theo thông tin trên Căn cước công dân/Căn cước đối với cá nhân người Việt Nam/Hộ chiếu đối với cá nhân người nước ngoài.

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để cơ quan

quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại/email liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.

Mục 3. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

Đánh dấu "X" vào ô "01 lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính.

đóng dấu + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh.

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép.

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1m

Áp dụng đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển)

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số
 Tờ số:/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG THEO QUY ĐỊNH		Số		Ngày cấp	
		Thời hạn sử dụng	từ ngày:..... đến ngày:		
2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG		☐ Thiết lập mạng viễn thông công cộng ☐ Thiết lập mạng viễn thông dùng riêng ☐ Thiết lập mạng truyền dẫn phát sóng PTTH ☐ Khác:.....			
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)					
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:.....					
4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN					
4.1. Hồ hiệu (tên/mã đài)					
4.2. Loại đài:		☐ Đài trái đất đặt trên tàu bay ☐ Đài trái đất di động ☐ Đài trái đất đặt trên tàu biển ☐ Đài trái đất cố định ☐ Khác:.....			
4.3. Loại thiết bị		☐ Cả phát và thu ☐ Chỉ phát ☐ Chỉ thu			
4.4. Tên thiết bị/Hãng sản xuất		 /			
4.5. Tần số phát đề nghị/dải tần phát (MHz)		 / từ đến (MHz)			
4.6. Tần số thu đề nghị/dải tần thu (MHz)		 / từ đến (MHz)			
4.7. Công suất phát (W)					
4.8. Ký hiệu phát xạ		Phát:..... / Thu:.....			
4.9. Địa điểm đặt thiết bị	Cố định	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:			
		Tỉnh/thành phố:			
	Di động	Tỉnh/thành phố/khu vực:.....			
5. ĂNG-TEN					
5.1. Tên (nhãn hiệu)/ Hãng sản xuất				5.2. Đường kính (m)	
5.2. Vị trí (tọa độ)		Kính độ:.....E/ Vĩ độ:.....N			
5.3. Độ rộng búp sóng (°)		Phát:..... / Thu:.....			
5.4. Hệ số khuếch đại (dBi)		Phát:..... / Thu:.....			
5.5. Góc phương vị lớn nhất / nhỏ nhất (°)		/		5.7. Góc ngẩng (°)	
5.6. Độ cao so với mặt đất (m)					
5.7. Phân cực phát		Tuyến tính: ☐ Đứng và/hoặc ☐ Ngang Tròn : ☐ Trái và/hoặc ☐ Phải			

5.8. Phân cực thu	Tuyến tính: ☐ Đứng và/hoặc ☐ Ngang Tròn : ☐ Trái và/hoặc ☐ Phải
5.9. Giảm đồ bức xạ phát	☐ REC-580 (ITU) ☐ REC-465 (ITU) ☐ AP28 hoặc AP29 ☐ Khác:
5.10. Giảm đồ bức xạ thu	☐ REC-580 (ITU) ☐ REC-465 (ITU) ☐ AP28 hoặc AP29 ☐ Khác:
6. VỊ TRÍ (TỌA ĐỘ) CỦA ĐÀI TRÁI ĐẤT LIÊN LẠC (nếu có)	Kính độ:.....E/ Vĩ độ:.....N
7. THÔNG TIN VỀ QUẢ VỆ TINH VÀ PHỐI HỢP TẦN SỐ QUỐC TẾ (bổ sung các thông tin khác theo quy định của Liên minh Viễn thông quốc tế - ITU khi có yêu cầu của Cơ quan quản lý)	
7.1. Tên đăng ký của vệ tinh với ITU (hoặc tên thương mại của vệ tinh)	
7.2. Vị trí quỹ đạo của vệ tinh (°)	
7.3. Độ rộng băng thông của bộ phát đáp	
7.4. Thông tin chi tiết về thiết bị phát của đài trái đất	Công suất đỉnh cực đại (dBW) Công suất đỉnh cực tiểu (dBW).....
7.5. Thông tin chi tiết về thiết bị thu của đài trái đất	Tỷ số C/N: Nhiệt độ tạp âm máy thu (⁰ K):
7.6. Ký hiệu búp sóng vệ tinh	Phát:..... /Thu.....
8. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)	

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép đã được cấp đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên đài tàu).

- Đánh dấu “X” vào ô “Cấp” nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép hoặc đánh dấu “X” vào ô “Sửa đổi, bổ sung” và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m khi đề nghị cấp. Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m được dùng để kê khai cho một loại thiết bị (kê khai tên thiết bị). Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều loại thiết bị. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ và tổng số tờ của từng Bản khai thông số kỹ thuật khai thác.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m khi bổ sung, sửa đổi theo từng giấy phép. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG

Kê khai số giấy phép thiết lập mạng viễn thông, ngày cấp và thời hạn sử dụng của giấy phép nếu thuộc đối tượng phải có giấy phép viễn thông theo quy định về viễn thông.

2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Đánh dấu “X” vào các mục đích tương ứng.

3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026” (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

4.1. Kê khai tên/mã trạm mặt đất.

4.2. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng (đài trái đất đặt trên tàu bay/ đài trái đất di động/đài trái đất đặt trên mặt đất/đài trái đất đặt trên tàu biển/khác: ghi cụ thể)

4.3. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng (cả thu và phát, chỉ phát, chỉ thu)

4.4. Kê khai tên thiết bị hoặc ký hiệu (model) của thiết bị/ Hãng sản xuất thiết bị.

4.5. Kê khai tần số phát đề nghị và ghi dải tần phát của đài (là dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo) theo đơn vị MHz.

4.6. Kê khai tần số thu đề nghị và ghi dải tần thu của đài (là dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo) theo đơn vị MHz.

4.7. Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo của thiết bị như: công suất lớn nhất, công suất nhỏ nhất, các mức công suất khác,...

4.8. Kê khai các ký hiệu phát xạ đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E; 304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E;...

4.9. Địa điểm đặt thiết bị:

Đối với thiết bị đặt cố định: kê khai đầy đủ địa chỉ số nhà, đường phố, phường (xã), thành phố (tỉnh).

Đối với thiết bị di động khi hoạt động: kê khai phạm vi di động của thiết bị theo địa chỉ hành chính. ví dụ: di động trên địa bàn tỉnh A hoặc huyện B tỉnh A, xã C huyện B tỉnh A, lưu động trên biển,...

5. ĂNG-TEN

5.1. Kê khai tên, ký hiệu ăng-ten theo tài liệu kỹ thuật. Trong trường hợp trên ăng-ten không hiển thị rõ tên ăng-ten thì phải ghi rõ loại ăng-ten (ví dụ: Parabol trụ, Parabol tròn xoay,...), khai tên hãng sản xuất ăng-ten.

5.2. Kê khai đường kính của ăng-ten theo thiết kế chế tạo, tính bằng mét (m).

5.3. Kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt đối với trạm đặt cố định.

5.4. Khai độ rộng của búp sóng phát và độ rộng của búp sóng thu theo đơn vị độ ($^{\circ}$), ví dụ: độ rộng của búp sóng phát là 10 độ và độ rộng của búp sóng thu là 11 độ, ghi là: 10/11.

5.5. Khai hệ số khuếch đại phát và ghi hệ số khuếch đại thu của ăng-ten theo đơn vị dBi, ví dụ: 10/9.

5.6. Góc phương vị là góc được tạo bởi đường tâm của búp sóng chính với phương bắc của trái đất theo chiều kim đồng hồ. Khai góc phương vị lớn nhất và góc phương vị nhỏ nhất trong trường hợp ăng-ten quay, ví dụ: 15 / 10.

5.7. Khai góc giữa hướng của ăng-ten với phương thẳng đứng (phương vuông góc với trái đất).

5.8. Độ cao so với mặt đất: là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất nơi đặt ăng-ten (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo đơn vị mét (m).

5.9. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với phân cực của ăng-ten. Với phân cực tuyến tính, đánh dấu “X” vào ô tương ứng “đứng” hoặc “ngang”; với phân cực tròn, đánh dấu “X” vào ô “trái” hoặc “phải”.

5.10. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với phân cực của ăng-ten. Với phân cực tuyến tính, đánh dấu “X” vào ô tương ứng “đứng” hoặc “ngang”; với phân cực tròn, đánh dấu “X” vào ô “trái” hoặc “phải”.

5.11. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với giản đồ bức xạ phát của ăng-ten (ví dụ: AP28, REC – 580...); đối với ăng-ten không theo khuyến nghị của ITU, đề nghị cung cấp giản đồ bức xạ của ăng-ten và Tài liệu kỹ thuật mô tả các đặc tính kỹ thuật của ăng-ten.

5.12. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với giản đồ bức xạ thu của ăng-ten (ví dụ: AP28, REC – 580...); đối với ăng-ten không theo khuyến nghị của ITU, đề nghị cung cấp giản đồ bức xạ của ăng-ten và Tài liệu kỹ thuật mô tả các đặc tính kỹ thuật của ăng-ten.

6. VỊ TRÍ CỦA ĐÀI TRÁI ĐẤT LIÊN LẠC

Khai vị trí tọa độ của trạm vệ tinh liên lạc (đối với trạm vệ tinh VSAT liên lạc 2 chiều – nếu có): khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt.

7. THÔNG TIN VỀ QUẢ VỆ TINH VÀ PHỐI HỢP TẦN SỐ QUỐC TẾ

7.1. Tên đăng ký của vệ tinh với ITU (hoặc tên thương mại): khai tên đăng ký của vệ tinh với ITU là tên của vệ tinh (satellite network) đã được đăng ký với ITU hoặc khai tên thương mại là tên của vệ tinh mà nhà cung cấp dung lượng vệ tinh hay sử dụng khi làm việc với đối tác. Ví dụ: vệ tinh ở vị trí 174 $^{\circ}$ E của Intelsat có tên đã đăng ký với ITU là INTELSAT8 174E và tên thương mại là IS802@174 $^{\circ}$ E thì cách ghi một trong hai tên: INTELSAT8 174E hoặc IS802@174 $^{\circ}$ E.

7.2. Vị trí quỹ đạo: ghi rõ vị trí quỹ đạo của vệ tinh theo độ, phút, giây

7.3. Độ rộng băng thông của bộ phát đáp: khai độ rộng băng thông (ví dụ: 8 MHz)

7.4. Thông tin chi tiết về thiết bị phát: khai công suất đỉnh lớn nhất theo đơn vị dBW và công suất đỉnh nhỏ nhất theo đơn vị dBW.

7.5. Thông tin chi tiết về thiết bị thu: khai tỷ số C/N (là tỷ số giữa công suất sóng mang và tạp âm) và khai nhiệt độ tạp âm máy thu (độ K), ghi nhiệt độ tạp âm (noise temperature) hoặc hệ số tạp âm (noise figure) của máy thu.

7.6. Ký hiệu búp sóng vệ tinh: trước khi khai cần trao đổi với phía đối tác cung cấp dung lượng vệ tinh để ghi chính xác ký hiệu búp sóng phát và búp sóng thu vệ tinh (associated satellite receiving designation/associated satellite receiving designation). Ký hiệu này dài không quá 4 ký tự, được ghi trong hồ sơ đăng ký của vệ tinh với ITU. Lưu ý: búp sóng phát của vệ tinh là búp sóng phát của đài trái đất và ngược lại.

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên (nếu có).

43. Thủ tục cấp đổi Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh

Trình tự thực hiện	- Trường hợp hồ sơ bị mất, bị hư hỏng, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh theo quy định tại khoản 4 Điều 13 và khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến <i>Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> (Cục Tần số vô tuyến điện). - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Cục Tần số vô tuyến điện gửi thông báo, phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn khách nước ngoài phải hoàn thiện và nộp đủ hồ sơ theo quy định; + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Cục Tần số vô tuyến điện cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh hoặc từ chối cấp đổi giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 8 của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i>

	- Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; (Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ: + Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đối mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội; + Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh; + Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng). - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: Bản khai thông tin chung và bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ Đoàn khách nước ngoài, Cơ quan đại diện nước ngoài có đoàn hoặc cơ quan chủ quản đón đoàn làm thủ tục đề nghị cấp giấy phép
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (theo Mẫu 1m tại Phụ lục III của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP).
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP. - Bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm

	theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.

Mẫu bản khai thông tin chung, Phụ lục II

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý:**
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện/ Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực...

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1 Số Căn cước công dân/ Định danh cá nhân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày sinh: Địa chỉ thường trú:	
1.2 Mã số thuế (đối với tổ chức):..... Địa chỉ trụ sở chính:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại/ Email:.....	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Công dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định. 4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện. 4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan. 4.5. kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.
- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.
- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,

115 Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

- | | |
|---|--|
| <p>Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Tp. Hà Nội.
Điện thoại: 024.35564919;
Fax: 024.35564913</p> <p>Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lựu, phường Bình Trưng, Tp. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.37404179;
Fax: 028.37404966</p> <p>Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.
Điện thoại: 0236.3933545;
Fax: 0236.3933707</p> <p>Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.
Điện thoại: 0292.3832760;
Fax: 0292.3887087</p> | <p>Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.
Điện thoại: 0225.3827857/
Fax: 0225.3827420</p> <p>Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.
Điện thoại: 0238.3833511;
Fax: 0238.3849518</p> <p>Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.
Điện thoại: 0258.3892567;
Fax: 0258.3824410.</p> <p>Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.
Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/
0210.3840504 Fax: 0210. 3840504.</p> |
|---|--|

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

- Bản khai thông tin chung** Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.
- Số:** Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.
- Mục 1.** Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.
Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.
Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.
- Mục 1.1.** Kê khai chính xác theo thông tin trên Căn cước công dân/Căn cước đối với cá nhân người Việt Nam/Hộ chiếu đối với cá nhân người nước ngoài.
- Mục 1.2.** Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.
- Mục 1.3.** Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để cơ quan

quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại/email liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.

Mục 3. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

Đánh dấu "X" vào ô "01 lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính.

đóng dấu + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh.

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép.

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

**BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI, GIA HẠN
GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

1. GIA HẠN

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Thời gian đề nghị gia hạn ⁽³⁾	Số giấy phép viễn thông/ Giấy phép hoạt động báo chí ⁽⁴⁾
...	...	...	

2. CẤP ĐỔI

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Lý do cấp đổi ⁽⁵⁾
...		

Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép

- (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn, cấp đổi
- (2). Mẫu giấy phép: Là mẫu theo quy định trên giấy phép đã được cấp (ví dụ: Mẫu 1a; Mẫu 1b, Mẫu 1c,...)
- (3). Thời gian đề nghị gia hạn: kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).
- (4). Số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí: kê khai số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí nếu giấy phép viễn thông/giấy phép hoạt động được cấp trước đây có thay đổi.
- (5). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,...)

44. Thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (thiết bị phát thanh, truyền hình; tuyến truyền dẫn viba; mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất; mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ, các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1i, 1m) đối với cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn

Trình tự thực hiện	- Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (thiết bị phát thanh, truyền hình; tuyến truyền dẫn viba; mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất; mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ, các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1i, 1m) đối với cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn theo quy định tại khoản 1 và điểm c, d, đ khoản 3 Điều 6 và khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến <i>Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> (Cục Tần số vô tuyến điện). - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (thiết bị phát thanh, truyền hình; tuyến truyền dẫn viba; mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất; mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ, các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1i, 1m) đối với cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 8 của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu tương ứng hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng.
--------------------	--

Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i> - <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai thông tin chung và bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu 1a, 1d, 1e, 1g1 quy định tại Phụ lục II (tương ứng với các trường hợp đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đối với các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1i, 1m, 1l; đối với thiết bị phát thanh, truyền hình; đối với tuyến truyền dẫn viba; đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất; đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ) ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP; - Văn bản đề nghị của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Ngoại giao (áp dụng đối với đài vô tuyến điện của đoàn khách nước ngoài thăm, làm việc tại Việt Nam theo lời mời của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ); hoặc + Văn bản đề nghị của cơ quan chuyên môn thuộc Văn phòng Quốc hội (áp dụng đối với đài vô tuyến điện của đoàn khách nước ngoài thăm, làm việc tại Việt Nam theo lời mời của lãnh đạo Quốc hội); hoặc + Văn bản đề nghị của cơ quan chủ quản đón đoàn (áp dụng đối với đài vô tuyến điện của đoàn khách nước ngoài khác);; - Tài liệu liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp phép (Trong trường hợp cơ quan cấp giấy phép cần phải xác minh lại thông tin trong bản khai đề nghị cấp phép để ấn định tần số vô tuyến điện và sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép) theo quy định tại khoản 4

	Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- 22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Cơ quan đại diện nước ngoài có đoàn hoặc cơ quan chủ quản đón đoàn, phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn khách nước ngoài làm thủ tục đề nghị cấp giấy phép.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (tương ứng theo Mẫu 1a, 1d, 1e, 1g1 tại Phụ lục III của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP).
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP. - Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác (tương ứng theo Mẫu 1a, 1d, 1e, 1g1 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP), cụ thể: - Mẫu 1a: Đối với các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1i, 1m, 1l; - Mẫu 1d: Đối với thiết bị phát thanh, truyền hình; - Mẫu 1e: Đối với tuyến truyền dẫn viba; - Mẫu 1g1: Đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện;

	- Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết khiếu nại có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15; - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016;

Mẫu bản khai thông tin chung, Phụ lục II

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý:**
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện/ Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực...

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1 Số Căn cước công dân/ Định danh cá nhân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày sinh: Địa chỉ thường trú:	
1.2 Mã số thuế (đối với tổ chức):..... Địa chỉ trụ sở chính:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại/ Email:.....	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Công dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định. 4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện. 4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan. 4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.
- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.
- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,

115 Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: 024.35564919;

Fax: 024.35564913

Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lựu, phường Bình Trưng, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.37404179;

Fax: 028.37404966

Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.3933545;

Fax: 0236.3933707

Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: 0292.3832760;

Fax: 0292.3887087

Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0225.3827857/

Fax: 0225.3827420

Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0238.3833511;

Fax: 0238.3849518

Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258.3892567;

Fax: 0258.3824410.

Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/

0210.3840504 Fax: 0210. 3840504.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Bản khai thông tin chung Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai chính xác theo thông tin trên Căn cước công dân/Căn cước đối với cá nhân người Việt Nam/Hộ chiếu đối với cá nhân người nước ngoài.

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để cơ quan

quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại/email liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.

Mục 3. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

Đánh dấu "X" vào ô "01 lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính.

đóng dấu + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh.

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép.

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

Các mẫu bản khai thông số, kỹ thuật khai thác, Phụ lục II

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1a

Áp dụng đối với các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1i, 1m

☐ **Cấp** ☐ **Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số**
Tờ số:/tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG THEO QUY ĐỊNH		Số		Ngày cấp	
		Thời hạn	từ ngày	đến ngày	
2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG					
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)					
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác					
4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN					
4.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất					
4.2. Các mức công suất phát (W)					
4.3. Ký hiệu phát xạ					
4.4. Độ rộng kênh (nếu có)					
4.5. Dải tần thiết bị	Phát				
	Thu				
4.6. Tần số phát/thu đề nghị (nếu có)					
4.7. Độ nhạy máy thu (dBm) (nếu có)					
4.8. Tên/mã trạm đề nghị (nếu có)					
4.9. Đối tượng liên lạc (nếu có)					
4.10. Địa điểm đặt		☐ Di động ☐ Cố định: Kinh độ:..... E/ Vĩ độ :N			
		Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:			
		Tỉnh/thành phố:			
4.11. Thiết bị trong mạng (đối với Đài bờ)		Số lượng thiết bị chính			
		Số lượng thiết bị dự phòng			
4.12. Thông tin sửa đổi, bổ sung		☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị			
5. ĂNG-TEN					
5.1. Kiểu (Nhãn hiệu)			5.2. Dải tần làm việc		
5.2. Hệ số khuếch đại (dBi)			5.4. Phân cực		
5.3. Hướng tính		☐ ND ☐ D Góc phương vị của hướng bức xạ chính (°):	5.6. Độ cao so với mặt đất (m)		

6. TỔN HAO (dB) (nếu có)	
7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)	

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1a

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp đối với các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1i, 1m.

- Đánh dấu “X” vào ô “Cấp” nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép lần đầu hoặc không đủ điều kiện gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép. Đánh dấu “X” vào ô “Sửa đổi, bổ sung” và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1a khi đề nghị cấp. Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1a được dùng để kê khai cho 01 (một) loại thiết bị (kê khai tên thiết bị). Có thể dùng nhiều tờ bản khai nếu cần kê khai nhiều loại thiết bị khác nhau. Các thiết bị cùng loại, có thông số giống nhau kê khai 01 (một) lần và ghi rõ số lượng thiết bị bên cạnh. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ và tổng số tờ của từng Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1a khi bổ sung, sửa đổi theo từng giấy phép. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG

Kê khai số giấy phép thiết lập mạng viễn thông, ngày cấp và thời hạn sử dụng của giấy phép nếu thuộc đối tượng phải có giấy phép viễn thông theo quy định về viễn thông.

2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Kê khai rõ sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện cho mục đích: Phục vụ sản xuất, kinh doanh, học tập, nghiên cứu, dự phòng,...

3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026” (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

4.1. Kê khai tên thiết bị phát hoặc ký hiệu (model) của thiết bị, hãng sản xuất thiết bị.

4.1 Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo của thiết bị như: công suất lớn nhất, công suất nhỏ nhất, các mức công suất khác,...

4.2 Kê khai các ký hiệu phát xạ đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E; 304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E;...

4.3 Kê khai độ rộng kênh tần số mà thiết bị có thể hoạt động (không bắt buộc).

4.4 Kê khai dải tần số phát, thu mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

4.5 Kê khai tần số phát/ thu theo mong muốn được sử dụng (không bắt buộc).

4.6 Kê khai độ nhạy máy thu đối với thiết bị thu hoặc thiết bị thu phát theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Không bắt buộc.

4.7 Kê khai tên/mã trạm do tổ chức, cá nhân tự đề nghị để thuận tiện trong công việc, hoặc đề nghị theo dãy hô hiệu được Quốc tế phân chia cho Việt Nam sử dụng. Trường hợp không đề nghị tên/mã trạm sẽ do cơ quan cấp giấy phép quy định.

4.8 Kê khai tên/mã trạm của các đài vô tuyến điện có truyền thông tin vô tuyến điện với thiết bị vô tuyến điện/ đài vô tuyến điện đang đề nghị cấp phép.

4.9 Địa điểm đặt thiết bị:

- Đánh dấu “X” vào ô “Cố định” đối với thiết bị đặt cố định. Khai đầy đủ địa chỉ số nhà, đường phố, phường (xã), thành phố (tỉnh) và kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt.

- Đánh dấu “X” vào ô “Di động” đối với thiết bị di động khi hoạt động. Kê khai phạm vi di động của thiết bị theo địa chỉ hành chính ví dụ di động trên địa bàn tỉnh A hoặc huyện B tỉnh A, xã C huyện B tỉnh A,...

4.11. Chỉ kê khai đối với đài bờ

- Số lượng thiết bị chính: kê khai số lượng thiết bị chính trong mạng

- Số lượng thiết bị dự phòng: kê khai số lượng thiết bị dự phòng trong mạng

4.12. Chỉ kê khai đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép liên quan đến các trường thông tin thuộc Mục 4

- Đánh dấu “X” vào ô “Bổ sung” đối với trường hợp thêm thiết bị mới vào mạng và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 4.

- Đánh dấu “X” vào ô “Huỷ bỏ” đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ tên thiết bị, đặt tại đâu theo quy định của giấy phép đã được cấp.

- Đánh dấu “X” vào ô “Thay thế cho thiết bị” và điền tên thiết bị cũ đã được cấp phép và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 4.

5 ĂNG-TEN

Kê khai tất cả các Mục từ 5.1 đến 5.6 đối với thiết bị vô tuyến điện có ăng-ten rời, không tích hợp trên thiết bị. Đối với ăng-ten tích hợp cùng thiết bị chỉ yêu cầu kê khai Mục 5.2 và 5.6 các mục khác không bắt buộc.

5.1 Kê khai tên, ký hiệu theo tài liệu kỹ thuật (VD: DB404, AD-22/C, ...). Trong trường hợp trên ăng - ten không hiển thị rõ tên ăng-ten thì phải ghi rõ loại ăng - ten (ví dụ: Loga-chu kỳ, Yagi, Dipole, ăng-ten khe nửa sóng, dàn chân tử đồng pha, v.v...)

5.2 Kê khai dải tần số mà trong giới hạn đó, ăng-ten làm việc được theo thiết kế.

5.3 Kê khai hệ số khuếch đại theo thiết kế tính theo đơn vị dBi.

5.4 Kê khai phân cực của ăng-ten theo thiết kế. Ví dụ: thẳng, đứng, ngang, tròn,...

5.5 Đánh dấu “X” vào các ô tương ứng: ND là ăng-ten với vô hướng, D là ăng-ten có hướng và kê khai là góc được tạo bởi đường tâm của búp sóng chính với phương bắc của trái đất theo chiều kim đồng hồ

5.6 Độ cao so với mặt đất: là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất nơi đặt ăng-ten (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo đơn vị mét (m).

6 TỔN HAO

Kê khai tổn hao của hệ thống tính theo đơn vị dB bao gồm tổn hao phi đơ (fider) của hệ thống ăng-ten, tổn hao của kết nối (connector). Mặc định là 0 dB nếu không kê khai.

7 CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên nếu có.

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1d

Áp dụng đối với thiết bị phát thanh, truyền hình

☐ Cấp☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số

Tờ số:/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. LOẠI ĐÀI:	☐ Phát thanh tương tự ☐ Phát thanh số ☐ Truyền hình số ☐ Khác:.....		
1.1. Giấy phép hoạt động báo chí theo quy định đối với Cơ quan báo chí.	Số		Ngày cấp
	Thời hạn	từ ngày	đến ngày
1.2. Giấy phép viễn thông theo quy định	Số		Ngày cấp
	Thời hạn	từ ngày	đến ngày
1.3. Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình (nếu có)	Số		Ngày cấp
	Thời hạn	từ ngày	đến ngày
2. LOẠI MẠNG	☐ Đơn tần ☐ Đa tần ☐ Khác:.....		
3. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG			
4. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)			
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:.....			
5. DANH MỤC KÊNH CHƯƠNG TRÌNH PHÁT SÓNG TRÊN KÊNH TẦN SỐ ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP			
Tên kênh chương trình		Tốc độ bit tối đa/tối thiểu (Mbit/s)	
6. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN			
6.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất			
6.2. Công suất danh định (W)		6.3. Công suất phát sóng đề nghị (W)	
6.3. Băng tần thiết bị phát		6.5. Hệ - tiêu chuẩn	
6.4. Kênh/tần số phát đề nghị (nếu có)		6.7. Ký hiệu phát xạ	
6.5. Tên/ Mã trạm			
6.6. Địa điểm đặt	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:		
	Tỉnh/thành phố:		
7. ĂNG-TEN			
7.1. Kiểu (Nhãn hiệu)		7.2. Phân cực	

7.2. Hướng tính	☐ ND ☐ D Góc phương vị của hướng bức xạ chính (°):		
7.3. Hệ số khuếch đại (dBi)		7.5. Độ cao so với mặt đất (m)	
7.4. Vị trí (tọa độ)	Kinh độ:..... E / Vĩ độ:N		
7.5. Cấu trúc bố trí			
8. TỶ LỆ HAO (dB) (nếu có)			
9. GIỜ HOẠT ĐỘNG			
10. ĐỐI VỚI THIẾT BỊ PHÁT THANH SỐ MẶT ĐẤT VÀ TRUYỀN HÌNH SỐ MẶT ĐẤT			
10.1. Khoảng bảo vệ (Guard interval)			
10.2. Số lượng sóng mang (Number of carrier)			
10.3. Chế độ thu (Reception mode)			
10.4. Kiểu điều chế			
10.5. Tỷ lệ mã			
10.6. Pilot pattern			
11. PHẦN KHAI BỔ SUNG ĐỐI VỚI THIẾT BỊ PHÁT THANH AM BẰNG TẦN MF CẦN ĐĂNG KÝ QUỐC TẾ (BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN KHÁC THEO QUY ĐỊNH CỦA LIÊN MINH VIỄN THÔNG QUỐC TẾ - ITU KHI CÓ YÊU CẦU CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ).			
11.1. Độ dẫn điện đất (Ground conductivity- mS/m)			
11.2. Hệ số bảo vệ kênh lân cận (Adjacent channel protection radio – dB)			
11.3. Tăng ích ăng-ten theo các hướng: 0, 10, 20, ..., 350 ⁰ (cung cấp đối với ăng-ten có hướng)			
12. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)			

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1d

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp đối với thiết bị phát thanh truyền hình.

- Đánh dấu “X” vào ô “Cấp” nếu tổ chức đề nghị cấp giấy phép hoặc đánh dấu “X” vào ô “Sửa đổi, bổ sung” và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1d nếu đề nghị cấp. Mỗi thiết bị khai vào một tờ khai. Ghi rõ số thứ tự của tờ khai và tổng số tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1d.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1d khi bổ sung, sửa đổi. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai. Mỗi giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung khai vào một tờ khai. Ghi rõ số thứ tự của tờ khai và tổng số tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

1. LOẠI ĐÀI

- Đánh dấu "X" vào ô "Phát thanh tương tự" nếu bản khai này được dùng để đề nghị cấp giấy phép cho đài phát thanh FM.

- Đánh dấu "X" vào ô "Phát thanh số" nếu bản khai này được dùng để đề nghị cấp giấy phép cho đài phát thanh số.

- Đánh dấu "X" vào ô "Truyền hình số" nếu bản khai này được dùng để đề nghị cấp giấy phép cho đài truyền hình số.

- Đánh dấu "X" vào ô "Khác" nếu chưa thuộc các loại trên và kê khai rõ loại đài phát sóng.

1.1. Áp dụng đối với tổ chức là cơ quan báo chí, đài truyền thanh cấp huyện

Đối với tổ chức là cơ quan báo chí: Ghi số, cơ quan cấp, ngày cấp, thời hạn sử dụng theo Giấy phép hoạt động báo chí đối với nội dung kênh chương trình phát sóng (không áp dụng đối với việc phát lại các chương trình phát thanh, truyền hình của Trung ương);

1.2. Áp dụng đối với tổ chức là cơ quan báo chí, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình:

Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình: Ghi số, cơ quan cấp, ngày cấp, thời hạn sử dụng theo Giấy phép thiết lập mạng viễn thông theo quy định.

1.3. Kê khai giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình được phép phát sóng (nếu có).

2. LOẠI MẠNG

- Đánh dấu "X" vào ô "Đơn tần" nếu bản khai này được dùng để đề nghị cấp giấy phép cho mạng đơn tần.

- Đánh dấu "X" vào ô "Đa tần" nếu bản khai này được dùng để đề nghị cấp giấy phép cho mạng đa tần.

- Khác: ghi rõ nếu không phải đơn tần, không phải đa tần.

3. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

- Đối với phát thanh tương tự: ghi rõ phát sóng, phát lại kênh chương trình nào (ví dụ: phát lại kênh chương trình VOV1 của Đài Tiếng nói Việt Nam).

- Đối với phát thanh số: ghi rõ phát sóng, phát lại kênh chương trình nào (ví dụ: phát lại kênh chương trình VOV1 của Đài Tiếng nói Việt Nam).

- Đối với truyền hình số:

+ Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp truyền dẫn phát sóng truyền hình quảng bá: Ghi phát sóng các kênh chương trình quảng bá (đảm bảo các kênh chương trình được phép phát sóng quảng bá theo quy định).

+ Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền: Ghi phát sóng theo Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số

4. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026” (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung

nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

5. DANH MỤC KÊNH CHƯƠNG TRÌNH PHÁT SÓNG TRÊN KÊNH TẦN SỐ ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Kê khai danh sách các kênh chương trình phát sóng trên kênh tần số đề nghị cấp phép. Đối với phát thanh số/ truyền hình số kê khai thêm tốc độ bit tối đa/tối thiểu (tính theo Mbit/s)

6. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

- a. Kê khai đầy đủ tên thiết bị phát hoặc ký hiệu (model) của thiết bị/ Hãng sản xuất thiết bị.
- b. Kê khai công suất phát thiết kế của thiết bị.
- c. Kê khai mức công suất phát sóng đề nghị cấp phép (mức công suất trước khi đưa vào ăng-ten, nhỏ hơn hoặc bằng công suất danh định)
- d. Kê khai dải tần số hoặc các kênh tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.
- e. Kê khai hệ tiêu chuẩn của đài do thiết kế chế tạo, ví dụ: DVB-T/T2; DAB+, DRM...
- f. Kê khai kênh phát đề nghị được sử dụng hoặc tần số phát đề nghị được sử dụng (nếu có)
- g. Ký hiệu phát xạ:
 - Đối với phát thanh tương tự: Ví dụ: 180KF3EGN (mono); 300KF3EHN (stereo).
 - Đối với phát thanh số: kê khai theo quy định. Ví dụ: 1M54X7EXF.
 - Đối với truyền hình số: kê khai chung cho cả hình và tiếng. Ví dụ: 8M00X7FXF.
- h. Kê khai Tên/mã trạm đề nghị sử dụng cho đài phát thanh, truyền hình trong khi hoạt động. Trường hợp không kê khai hoặc kê khai thiếu, hồ hiệu sẽ do Cơ quan quản lý quy định.
- i. Địa điểm đặt: kê khai đầy đủ địa chỉ đặt thiết bị, tên trụ sở đặt thiết bị, địa chỉ thường trú tại nơi đặt thiết bị (số nhà, đường phố, phường (xã), thành phố (tỉnh)).

7. ĂNG-TEN

7.1. Kiểu (Nhãn hiệu): kê khai tên, ký hiệu và hãng sản xuất của ăng-ten theo Tài liệu kỹ thuật (Ví dụ: Dipole, 759101195, Kathrein). Trong trường hợp trên ăng-ten không hiển thị rõ tên ăng-ten thì phải ghi rõ loại ăng-ten (ví dụ: Dipole, Panel, lồng, chữ V, tháp, v.v...)

7.2. Phân cực: kê khai loại phân cực của ăng-ten (ví dụ: thẳng đứng, nằm ngang, phân cực tròn,...)

7.3. Hướng tính: kê khai ăng-ten có hướng (D) hay vô hướng (ND) bằng cách đánh dấu "X" vào ô tương ứng. Đối với ăng-ten có hướng (D) kê khai góc phương vị của hướng bức xạ chính (là góc được tạo bởi đường tâm của búp sóng chính với phương bắc của trái đất theo chiều kim đồng hồ).

7.4. Hệ số khuếch đại (dBi): kê khai rõ hệ số khuếch đại của ăng-ten theo đơn vị dBi.

7.5. Độ cao so với mặt đất (m): là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo mét (m).

7.6. Vị trí (tọa độ): kê khai độ chính xác của kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân.

7.7. Cấu trúc bố trí: kê khai việc bố trí ăng-ten theo thực tế triển khai.

8. TỔN HAO

Kê khai tổn hao của hệ thống tính theo đơn vị dB bao gồm tổn hao phi đơ (fider) của hệ thống ăng-ten, tổn hao của kết nối (connector). Mặc định là 0 dB nếu không kê khai.

9. GIỜ HOẠT ĐỘNG

Kê khai giờ hoạt động đề nghị. Đối với các Cơ quan báo chí giờ hoạt động kê khai theo Giấy phép hoạt động báo chí. Trường hợp hoạt động vào giờ bất kỳ trong ngày thì ghi "Hx".

10. THIẾT BỊ PHÁT THANH SỐ MẶT ĐẤT VÀ TRUYỀN HÌNH SỐ MẶT ĐẤT

10.1. Khoảng bảo vệ (Guard interval): 1/4; 1/8; 1/16 ...

10.2. Số lượng sóng mang (Number of carrier): 2k; 8k...

10.3. Chế độ thu (Reception mode): kê khai chế độ thu theo quy định: F - thu cố định, M - thu lưu động; A - thu trong nhà; B - thu ngoài trời.

10.4. Kiểu điều chế: kê khai kiểu điều chế của thiết bị (ví dụ: 256-QAM, 64-QAM...).

10.5. Tỷ lệ mã: kê khai tỷ lệ mã của thiết bị.

10.6. Pilot pattern: kê khai mẫu hình tín hiệu Pilot.

11. THIẾT BỊ PHÁT THANH AM BĂNG TẦN MF (Chỉ áp dụng cho các thiết bị cần đăng ký quốc tế).

11.1. Độ dẫn điện đất: kê khai độ dẫn điện đất theo đơn vị mS/m.

11.2. Hệ số bảo vệ kênh lân cận: kê khai rõ hệ số bảo vệ kênh lân cận theo đơn vị dB.

11.3. Tăng ích ăng-ten theo các hướng: kê khai tăng ích ăng-ten theo các hướng 0, 10, 20, ...350⁰: áp dụng đối với ăng-ten có hướng

12. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên nếu có.

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1e

Áp dụng đối với tuyến truyền dẫn vi ba

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số

Tờ số:/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG THEO QUY ĐỊNH	Số		Ngày cấp	
	Thời hạn sử	từ ngày	đến ngày	
2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG				
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)				
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:.....				
4. THÔNG SỐ CỦA TRẠM	TRẠM “THỨ NHẤT”	TRẠM “THỨ HAI”		
4.1. Tên/mã trạm đề nghị				
4.2. Kinh độ	E	E		
4.3. Vĩ độ	N	N		
4.4. Cự ly tuyến (km)				
4.5. Địa điểm đặt				
Số nhà, đường phố (thôn xóm), Phường/xã				
Tỉnh/thành phố				
5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN				
5.1. Tên thiết bị				
5.2. Hãng sản xuất				
5.3. Dải tần số thu (MHz)				
5.4. Dải tần số phát (MHz)				
5.5. Tần số phát đề nghị (MHz)				
5.6. Băng thông (MHz)				
5.7. Công suất phát (dBm)				
5.8. Kiểu điều chế				
5.9. Hệ số tạp âm (dB) (nếu có)				
5.10. Độ nhạy máy thu (dBm) (nếu				
5.11. Suy hao Tx (dB) (nếu có)				
5.12. Fade margin (dB) (nếu có)				
6. ĂNG-TEN				
6.1. Tên				
6.2. Hãng sản xuất				
6.3. Hướng tính				
6.4. Kích thước				
6.5. Độ cao so với mặt đất (m)				
6.6. Phân cực				
6.7. Hệ số khuếch đại (dBi)				
6.8. Giảm đồ bức xạ ăng-ten (nếu có)				
7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu				

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1e

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung một số nội dung giấy phép đã được cấp đối với tuyến truyền dẫn vi ba.

- Đánh dấu “X” vào ô “cấp” nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép hoặc đánh dấu “X” vào ô “sửa đổi, bổ sung” và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1e khi đề nghị cấp. Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1e được dùng để kê khai cho một tuyến truyền dẫn vi ba. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều tuyến vi ba hoặc một tuyến vi ba dùng nhiều tần số hoặc phân cực khác nhau. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ và tổng số tờ của từng Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1e khi bổ sung, sửa đổi theo từng giấy phép. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG

Kê khai số giấy phép thiết lập mạng viễn thông, ngày cấp và thời hạn sử dụng của giấy phép nếu thuộc đối tượng phải có giấy phép viễn thông theo quy định về viễn thông.

2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Kê khai rõ sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện cho mục đích gì. Ví dụ: truyền dẫn nội tỉnh, truyền dẫn trong mạng thông tin di động,....

3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026” (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

4. THÔNG SỐ CỦA TRẠM

- 4.1. Tên/mã trạm đề nghị được sử dụng cho tuyến vi ba.
- 4.2. Kê khai Kinh độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân.
- 4.3. Kê khai Vĩ độ của theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân.
- 4.4. Là khoảng cách (tính theo đường thẳng) giữa hai trạm.
- 4.5. Ghi tên trụ sở đặt thiết bị; địa chỉ nơi đặt thiết bị, khai đầy đủ số nhà, đường phố (thôn, xóm), phường (xã), thành phố (tỉnh).

5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

- 5.1. Kê khai đầy đủ tên thiết bị, gồm cả nhãn hiệu và model của thiết bị.
- 5.2. Kê khai tên hãng sản xuất của thiết bị.
- 5.3. Kê khai dải tần số thu mà thiết bị cho phép lựa chọn (tính từ tần số thấp nhất đến tần số cao nhất).
- 5.4. Kê khai dải tần số phát mà thiết bị cho phép lựa chọn (tính từ tần số thấp nhất đến tần số cao nhất).
- 5.5. Kê khai tần số phát đề nghị (MHz).
- 5.6. Kê khai băng thông của thiết bị (MHz), là độ chiếm dụng băng tần của thiết bị khi khai thác ở tốc độ truyền.
- 5.7. Kê khai công suất phát (dBm).
- 5.8. Kê khai các kiểu điều chế mà thiết bị cho phép chọn lựa. Ví dụ: QPSK, BPSK...
- 5.9. Kê khai hệ số tạp âm (dB) của máy thu.
- 5.10. Kê khai độ nhạy của máy thu (dBm).
- 5.11. Kê khai suy hao trên đường truyền ra ăng-ten của máy phát. Mặc định bằng 0 nếu không kê khai.
- 5.12. Kê khai dự trữ pha-đỉnh theo đơn vị dB. Mặc định bằng 0 nếu không kê khai.

6. THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA ĂNG-TEN

- 6.1. Khai tên, ký hiệu và hãng sản xuất của ăng-ten theo tài liệu kỹ thuật (VD: Loga-chu kỳ, AD-22/C, Trival).
- 6.2. Trong trường hợp không có tên ăng-ten thì phải ghi rõ loại ăng-ten (ví dụ: Parabol, Yagi, Dipole, ăng-ten khe nửa sóng, v.v...)
- 6.3. Hướng tính của ăng-ten: có hướng (D) hay vô hướng (ND).
- 6.4. Kích thước của ăng-ten là độ dài của ăng-ten hoặc đường kính của ăng-ten theo thiết kế chế tạo, tính bằng mét (m).
- 6.5. Độ cao so với mặt đất (m): là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo đơn vị mét (m).
- 6.6. Khai phân cực của ăng-ten theo thiết kế. Ví dụ: thẳng, đứng, ngang, tròn,...
- 6.7. Khai hệ số khuếch đại theo thiết kế tính theo đơn vị dBi
- 6.8. Giảm đồ bức xạ: đối với ăng-ten theo chuẩn của ITU khai ký hiệu của giảm đồ; đối với ăng-ten không theo khuyến nghị của ITU, cung cấp giảm đồ bức xạ của ăng-ten và tài liệu kỹ thuật mô tả các đặc tính kỹ thuật của ăng-ten.

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC: Khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên (nếu có).

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1g1

Áp dụng đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số

Tờ số:/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG THEO QUY ĐỊNH		Số		Ngày cấp	
		Thời hạn sử dụng	từ ngày đến ngày		
2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG					
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP (đối với cấp)					
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:.....					
4. TỔNG SỐ THIẾT BỊ TRONG MẠNG					
5. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG					
6. CẤU HÌNH MẠNG		☐ Đơn công			
		☐ Song công/ Bán song công	Khoảng cách thu/phát (MHz):		
7. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN DI ĐỘNG					
7.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất					
7.2. Các mức công suất phát (W)					
7.3. Ký hiệu phát xạ					
7.4. Dải tần thiết bị (MHz)					
7.5. Anten	Hệ số khuếch đại (dBi)				
	Độ cao sử dụng tối đa so với mặt đất (m)				
7.6. Thông tin sửa đổi, bổ sung (nếu có)		☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị	☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị	☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị	
8. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN CỐ ĐỊNH (nếu có)					
8.1. Tên Thiết bị/Hãng sản xuất					
8.2. Các mức công suất phát (W)					
8.3. Ký hiệu phát xạ					
8.4. Dải tần thiết bị (MHz)					
8.5. Địa điểm đặt		Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:			
		Tỉnh/thành phố:			
8.6. Tên/mã trạm (nếu có)					
8.7.	a. Tên (nhãn hiệu)				
	b. Dải tần làm việc				
	c. Hệ số khuếch đại (dBi)				

Ăn g- ten	d. Độ cao so với mặt đất (m)	
	đ. Vị trí (tọa độ)	Kinh độ:.....E/ Vĩ độ:.....
8.8. Thông tin sửa đổi, bổ sung (nếu có)	☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị	
9. TẦN SỐ PHÁT/THU ĐỀ NGHỊ (nếu có)	Tần số phát (MHz):..... Tần số thu (MHz):.....	
10. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)		

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g1

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất.

- Đánh dấu “X” vào ô “Cấp” nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép hoặc đánh dấu “X” vào ô “Sửa đổi, bổ sung” và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g1 dùng để kê khai cho một mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều mạng. Lưu ý ghi rõ số thứ tự tờ khai, tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

- Kê khai tất cả các thông số trong Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g1 khi đề nghị cấp.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g1 khi bổ sung, sửa đổi. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG

Kê khai số giấy phép thiết lập mạng viễn thông, ngày cấp và thời hạn sử dụng của giấy phép nếu thuộc đối tượng phải có giấy phép viễn thông theo quy định về viễn thông.

2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Kê khai rõ sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện cho mục đích: Phục vụ sản xuất, kinh doanh, học tập, nghiên cứu, dự phòng,...

3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026” (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

4. TỔNG SỐ THIẾT BỊ TRONG MẠNG

Kê khai tổng số thiết bị trong mạng

3. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

Kê khai phạm vi hoạt động của mạng theo địa chỉ hành chính. Trường hợp phạm vi trong cả tỉnh/thành phố thì kê khai tên tỉnh/thành phố, hoặc hoạt động trong phạm vi phường/xã thì phải ghi địa chỉ phường/xã A, tỉnh/thành phố B. Trường hợp, hoạt động từ hai tỉnh trở lên thì phải liệt kê cụ thể từng tỉnh/thành phố.

6. CẤU HÌNH MẠNG

Đánh dấu “X” vào ô “Đơn công” nếu mạng hoạt động ở chế độ liên lạc thu/phát trên cùng một tần số hoặc “Song công/Bán song công” nếu mạng hoạt động ở chế độ liên lạc thu/phát trên hai tần số khác nhau và ghi khoảng cách thu phát tối thiểu, khoảng cách thu phát tối đa theo đơn vị MHz.

7. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN DI ĐỘNG

7.1. Kê khai tên thiết bị phát hoặc ký hiệu (model) của thiết bị, hãng sản xuất thiết bị.

7.2. Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo của thiết bị như: công suất lớn nhất, công suất nhỏ nhất, các mức công suất khác,...

7.3. Kê khai các ký hiệu phát xạ đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 4K00F1E; 7K60FXE; 11K0F3E; ...

7.4. Kê khai dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

7.5. Kê khai hệ số khuếch đại theo thiết kế tính theo đơn vị dBi và độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất nơi đặt ăng-ten (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo đơn vị mét (m)

7.6. Chỉ kê khai đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép liên quan đến các trường thông tin thuộc mục 7

- Đánh dấu “X” vào ô “Bổ sung” đối với trường hợp thêm thiết bị mới vào mạng và khai đầy đủ các thông số thuộc mục 7.

- Đánh dấu “X” vào ô “Huỷ bỏ” đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ tên thiết bị.

- Đánh dấu “X” vào ô “Thay thế cho thiết bị” và điền tên thiết bị cũ đã được cấp phép và khai đầy đủ các thông số thuộc mục 7.

8. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN CỐ ĐỊNH (chỉ kê khai đối với mạng có thiết bị cố định)

8.1. Kê khai tên thiết bị phát hoặc ký hiệu (model) của thiết bị/ Hãng sản xuất thiết bị.

8.2. Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo của thiết bị như: công suất lớn nhất, công suất nhỏ nhất, các mức công suất khác,...

8.3. Kê khai các ký hiệu phát xạ đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 4K00F1E; 7K60FXE; 11K0F3E; ...

8.4. Kê khai dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

8.5. Khai đầy đủ địa chỉ số nhà, đường phố, phường (xã), thành phố (tỉnh).

8.6. Kê khai tên/mã trạm đề nghị sử dụng để thuận tiện cho công việc (lưu ý: khi mạng hoạt động sẽ phải sử dụng các hô hiệu đã được ghi trong giấy phép, trường hợp không kê khai thì hô hiệu sẽ do cơ quan cấp phép quy định).

8.7. Kê khai các thông tin của ăng-ten:

a. Kê khai tên, ký hiệu theo tài liệu kỹ thuật (VD: DB404, AD-22/C, ...). Trong trường hợp trên ăng-ten không hiển thị rõ tên ăng-ten thì phải ghi rõ loại ăng-ten (ví dụ: Loga-chu kỳ, Yagi, Dipole, ăng-ten khe nửa sóng, dàn chân từ đồng pha, v.v...)

b. Dải tần làm việc là dải tần số mà trong giới hạn đó, ăng-ten làm việc được với các chỉ tiêu kỹ thuật đã cho.

c. Kê khai hệ số khuếch đại của ăng-ten theo thiết kế tính theo đơn vị dBi.

d. Độ cao (so với mặt đất) (m): là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten), tính theo mét (m).

đ. Kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt ăng-ten.

8.8. Chỉ kê khai đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép liên quan đến các trường thông tin thuộc mục 8.

- Đánh dấu “X” vào ô “Bổ sung” đối với trường hợp thêm thiết bị mới vào mạng và khai đầy đủ các thông số thuộc mục 8.

- Đánh dấu “X” vào ô “Huỷ bỏ” đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ tên thiết bị, đặt tại đâu theo quy định của giấy phép đã được cấp.

- Đánh dấu “X” vào ô “Thay thế cho thiết bị” và điền tên thiết bị cũ đã được cấp phép và khai đầy đủ các thông số thuộc mục 8.

9. TẦN SỐ PHÁT/ THU ĐỀ NGHỊ

Kê khai tần số phát/ thu theo mong muốn được sử dụng tương ứng với cấu hình mạng tại mục 6 (không bắt buộc).

10. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin cần bổ sung chưa có trong bản khai nếu có.

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1g2

Áp dụng đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số

Tờ số: .../ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG		☐ Liên lạc nội bộ ☐ Điều hành sản xuất ☐ Bảo vệ ☐ Liên lạc trong nhà hàng, khách sạn ☐ Khác:.....	
2. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)			
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:.....			
3. TỔNG SỐ THIẾT BỊ			
4. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG	Địa chỉ	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:	
		Tỉnh/thành phố:	
	Vị trí (tọa độ)	Kinh độ:E	Vĩ độ:N
5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN			
5.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất			
5.2. Các mức công suất phát (W)			
5.3. Ký hiệu phát xạ			
5.4. Dải tần thiết bị (MHz)			
5.5. Độ cao sử dụng tối đa so với mặt đất (m)			
5.6. Thông tin sửa đổi, bổ sung	☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị.....	☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị.....	☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị.....
4. TẦN SỐ ĐỀ NGHỊ (nếu có)			
5. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)			

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g2

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ.

- Đánh dấu “X” vào ô “Cấp” nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp hoặc đánh dấu “X” vào ô “Sửa đổi, bổ sung” và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g2 dùng để kê khai cho một mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều mạng. Lưu ý ghi rõ số thứ tự tờ khai, tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

- Kê khai tất cả các thông số trong Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g2 khi đề nghị cấp.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g2 khi bổ sung, sửa đổi. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Đánh dấu “X” mục đích sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện tương ứng hoặc ghi rõ mục đích sử dụng mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ nếu khác với các lựa chọn đã có.

2. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026” (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

3. TỔNG SỐ THIẾT BỊ

Kê khai tổng số thiết bị trong mạng.

4. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

Khai đầy đủ địa chỉ số nhà, đường phố, phường (xã), thành phố (tỉnh) và kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt.

5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

5.1. Kê khai tên thiết bị hoặc ký hiệu (model) của thiết bị, hãng sản xuất thiết bị.

5.2. Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo của thiết bị như: công suất lớn nhất, công suất nhỏ nhất, các mức công suất khác,...

5.3. Kê khai các ký hiệu phát xạ đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 4K00F1E; 7K60FXE; 11K0F3E; ...

5.4. Kê khai dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

5.5. Kê khai độ cao lớn nhất so với mặt đất khi sử dụng thiết bị, tính theo mét (m).

5.6. Chỉ kê khai đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép liên quan đến các trường thông tin thuộc Mục 5

- Đánh dấu “X” vào ô “Bổ sung” đối với trường hợp thêm thiết bị mới vào mạng và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 5.

- Đánh dấu “X” vào ô “Huỷ bỏ” đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ tên thiết bị.

- Đánh dấu “X” vào ô “Thay thế cho thiết bị” và điền tên thiết bị cũ đã được cấp phép và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 5.

6. TẦN SỐ ĐỀ NGHỊ

Kê khai tần số theo mong muốn được sử dụng (không bắt buộc).

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin khác chưa có trong bản khai (nếu có).

45. Thủ tục gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (thiết bị phát thanh, truyền hình; tuyến truyền dẫn viba; mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất; mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ, các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1i, 1m) đối với cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn

Trình tự thực hiện	- Trước khi hết hạn ít nhất 30 ngày, tổ chức hoàn thiện hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (thiết bị phát thanh, truyền hình; tuyến truyền dẫn viba; mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất; mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ, các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1i, 1m) đối với cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn, tổ chức, cá nhân làm thủ tục đề nghị cấp giấy phép theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Tần số vô tuyến điện). - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (thiết bị phát thanh, truyền hình; tuyến truyền dẫn viba; mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất; mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ, các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1i, 1m) đối với cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 8 của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu tương ứng hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng.
--------------------	---

Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i> - <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP; - Bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- <i>07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.</i> - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Cơ quan đại diện nước ngoài có đoàn hoặc cơ quan chủ quản đón đoàn, phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn khách nước ngoài làm thủ tục đề nghị cấp giấy phép
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (tương ứng theo Mẫu 1a, 1d, 1e, 1g) tại Phụ lục III của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP).
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP; - Bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. - Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

	- Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của <i>Bộ trưởng</i> Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. - Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm tiếp tục tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.
--	---

Mẫu bản khai thông tin chung, Phụ lục II

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý:**
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện/ Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực...

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1 Số Căn cước công dân/ Định danh cá nhân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày sinh: Địa chỉ thường trú:	
1.2 Mã số thuế (đối với tổ chức):..... Địa chỉ trụ sở chính:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại/ Email:.....	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Công dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định. 4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện. 4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan. 4.5. kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.
- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.
- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,

115 Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

- | | |
|---|--|
| <p>Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Tp. Hà Nội.
Điện thoại: 024.35564919;
Fax: 024.35564913</p> <p>Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lựu, phường Bình Trưng, Tp. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.37404179;
Fax: 028.37404966</p> <p>Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.
Điện thoại: 0236.3933545;
Fax: 0236.3933707</p> <p>Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.
Điện thoại: 0292.3832760;
Fax: 0292.3887087</p> | <p>Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.
Điện thoại: 0225.3827857/
Fax: 0225.3827420</p> <p>Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.
Điện thoại: 0238.3833511;
Fax: 0238.3849518</p> <p>Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.
Điện thoại: 0258.3892567;
Fax: 0258.3824410.</p> <p>Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.
Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/
0210.3840504 Fax: 0210. 3840504.</p> |
|---|--|

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

- Bản khai thông tin chung** Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.
- Số:** Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.
- Mục 1.** Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.
Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.
Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.
- Mục 1.1.** Kê khai chính xác theo thông tin trên Căn cước công dân/Căn cước đối với cá nhân người Việt Nam/Hộ chiếu đối với cá nhân người nước ngoài.
- Mục 1.2.** Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.
- Mục 1.3.** Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để cơ quan

quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại/email liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.

Mục 3. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

Đánh dấu "X" vào ô "01 lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính.

đóng dấu + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh.

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép.

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

**BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI, GIA HẠN
GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

1. GIA HẠN

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Thời gian đề nghị gia hạn ⁽³⁾	Số giấy phép viễn thông/ Số giấy phép hoạt động báo chí ⁽⁴⁾
...	...	...	

2. CẤP ĐỔI

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Lý do cấp đổi ⁽⁵⁾
...		

Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép

- (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn, cấp đổi.
- (2). Mẫu giấy phép: là mẫu theo quy định trên giấy phép đã được cấp (ví dụ: Mẫu 1a; Mẫu 1b, Mẫu 1c,...).
- (3). Thời gian đề nghị gia hạn: kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).
- (4). Số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí: kê khai số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí nếu giấy phép viễn thông/giấy phép hoạt động được cấp trước đây có thay đổi.
- (5). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,...).

46. Thủ tục sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (thiết bị phát thanh, truyền hình; tuyến truyền dẫn viba; mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất; mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ, các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1i, 1m) đối với cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn.

Trình tự thực hiện	- Khi giấy phép còn hiệu lực, tổ chức có nhu cầu sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng) thì phải hoàn thiện hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (thiết bị phát thanh, truyền hình; tuyến truyền dẫn viba; mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất; mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ, các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1i, 1m) đối với cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn, tổ chức, cá nhân làm thủ tục đề nghị cấp giấy phép theo quy định khoản 2 Điều 7 và khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i> và nộp hồ sơ đến <i>Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> (Cục Tần số vô tuyến điện) - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (thiết bị phát thanh, truyền hình; tuyến truyền dẫn viba; mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất; mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ, các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1i, 1m) đối với cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 8 của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i>. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần
--------------------	--

	số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu tương ứng hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i> - <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - <i>Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP;</i> - <i>Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu 1a, 1d, 1e, 1g1 quy định tại Phụ lục II (tương ứng với các trường hợp đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đối với các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1i, 1m, 1l; đối với thiết bị phát thanh, truyền hình; đối với tuyến truyền dẫn viba; đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất; đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ) ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP;</i> - <i>Tài liệu liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp phép (Trong trường hợp cơ quan cấp giấy phép cần phải xác minh lại thông tin trong bản khai đề nghị cấp phép để ấn định tần số vô tuyến điện và sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép) theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.</i> 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- <i>22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.</i> - <i>03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt</i>

	quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Cơ quan đại diện nước ngoài có đoàn hoặc cơ quan chủ quản đón đoàn, phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn khách nước ngoài làm thủ tục đề nghị cấp giấy phép
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (tương ứng theo Mẫu 1a, 1d, 1e, 1g1 tại Phụ lục III của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP).
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP; - Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác (tương ứng theo Mẫu 1a, 1d, 1e, 1g1 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP), cụ thể: - Mẫu 1a: Đối với các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1i, 1m, 1l; - Mẫu 1d: Đối với thiết bị phát thanh, truyền hình; - Mẫu 1e: Đối với tuyến truyền dẫn viba; - Mẫu 1g1: Đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất;
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.
--	--

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: **BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG**

- CHÚ Ý:**
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện/ Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực...

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1 Số Căn cước công dân/ Định danh cá nhân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày sinh: Địa chỉ thường trú:	
1.2 Mã số thuế (đối với tổ chức):..... Địa chỉ trụ sở chính:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại/ Email:.....	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Công dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định. 4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện. 4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan. 4.5. kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.
- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.
- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,

115 Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: 024.35564919;

Fax: 024.35564913

Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lựu, phường Bình Trưng, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.37404179;

Fax: 028.37404966

Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.3933545;

Fax: 0236.3933707

Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: 0292.3832760;

Fax: 0292.3887087

Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0225.3827857/

Fax: 0225.3827420

Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0238.3833511;

Fax: 0238.3849518

Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258.3892567;

Fax: 0258.3824410.

Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/

0210.3840504 Fax: 0210. 3840504.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Bản khai thông tin chung Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai chính xác theo thông tin trên Căn cước công dân/Căn cước đối với cá nhân người Việt Nam/Hộ chiếu đối với cá nhân người nước ngoài.

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để cơ quan

quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại/email liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.

Mục 3. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

Đánh dấu "X" vào ô "01 lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính.

đóng dấu + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh.

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép.

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

Các mẫu bản khai thông số, kỹ thuật khai thác, Phụ lục II

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1a

Áp dụng đối với các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1i, 1m

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số
 Tờ số:/tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG THEO QUY ĐỊNH		Số		Ngày cấp	
		Thời hạn	từ ngày	đến ngày	
2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG					
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)					
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác					
4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN					
4.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất					
4.2. Các mức công suất phát (W)					
4.3. Ký hiệu phát xạ					
4.4. Độ rộng kênh (nếu có)					
4.5. Dải tần thiết bị	Phát				
	Thu				
4.6. Tần số phát/thu đề nghị (nếu có)					
4.7. Độ nhạy máy thu (dBm) (nếu có)					
4.8. Tên/mã trạm đề nghị (nếu có)					
4.9. Đối tượng liên lạc (nếu có)					
4.10. Địa điểm đặt		☐ Di động ☐ Cố định: Kinh độ:..... E/ Vĩ độ :N			
		Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:			
		Tỉnh/thành phố:			
4.11. Thiết bị trong mạng (đối với Đài bờ)		Số lượng thiết bị chính			
		Số lượng thiết bị dự phòng			
4.12. Thông tin sửa đổi, bổ sung		☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị			
5. ĂNG-TEN					
5.1. Kiểu (Nhãn hiệu)				5.2. Dải tần làm việc	
5.2. Hệ số khuếch đại (dBi)				5.4. Phân cực	
5.3. Hướng tính		☐ ND ☐ D Góc phương vị của hướng bức xạ chính (°):		5.6. Độ cao so với mặt đất (m)	

6. TỔN HAO (dB) (nếu có)	
7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)	

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1a

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp đối với các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1i, 1m.

- Đánh dấu “X” vào ô “Cấp” nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép lần đầu hoặc không đủ điều kiện gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép. Đánh dấu “X” vào ô “Sửa đổi, bổ sung” và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1a khi đề nghị cấp. Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1a được dùng để kê khai cho 01 (một) loại thiết bị (kê khai tên thiết bị). Có thể dùng nhiều tờ bản khai nếu cần kê khai nhiều loại thiết bị khác nhau. Các thiết bị cùng loại, có thông số giống nhau kê khai 01 (một) lần và ghi rõ số lượng thiết bị bên cạnh. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ và tổng số tờ của từng Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1a khi bổ sung, sửa đổi theo từng giấy phép. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG

Kê khai số giấy phép thiết lập mạng viễn thông, ngày cấp và thời hạn sử dụng của giấy phép nếu thuộc đối tượng phải có giấy phép viễn thông theo quy định về viễn thông.

2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Kê khai rõ sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện cho mục đích: Phục vụ sản xuất, kinh doanh, học tập, nghiên cứu, dự phòng,...

3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026” (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

4.1. Kê khai tên thiết bị phát hoặc ký hiệu (model) của thiết bị, hãng sản xuất thiết bị.

4.1 Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo của thiết bị như: công suất lớn nhất, công suất nhỏ nhất, các mức công suất khác,...

4.2 Kê khai các ký hiệu phát xạ đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E; 304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E;...

4.3 Kê khai độ rộng kênh tần số mà thiết bị có thể hoạt động (không bắt buộc).

4.4 Kê khai dải tần số phát, thu mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

4.5 Kê khai tần số phát/ thu theo mong muốn được sử dụng (không bắt buộc).

4.6 Kê khai độ nhạy máy thu đối với thiết bị thu hoặc thiết bị thu phát theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Không bắt buộc.

4.7 Kê khai tên/mã trạm do tổ chức, cá nhân tự đề nghị để thuận tiện trong công việc, hoặc đề nghị theo dãy hô hiệu được Quốc tế phân chia cho Việt Nam sử dụng. Trường hợp không đề nghị tên/mã trạm sẽ do cơ quan cấp giấy phép quy định.

4.8 Kê khai tên/mã trạm của các đài vô tuyến điện có truyền thông tin vô tuyến điện với thiết bị vô tuyến điện/ đài vô tuyến điện đang đề nghị cấp phép.

4.9 Địa điểm đặt thiết bị:

- Đánh dấu “X” vào ô “Cố định” đối với thiết bị đặt cố định. Khai đầy đủ địa chỉ số nhà, đường phố, phường (xã), thành phố (tỉnh) và kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt.

- Đánh dấu “X” vào ô “Di động” đối với thiết bị di động khi hoạt động. Kê khai phạm vi di động của thiết bị theo địa chỉ hành chính ví dụ di động trên địa bàn tỉnh A hoặc huyện B tỉnh A, xã C huyện B tỉnh A,...

4.11. Chỉ kê khai đối với đài bờ

- Số lượng thiết bị chính: kê khai số lượng thiết bị chính trong mạng
- Số lượng thiết bị dự phòng: kê khai số lượng thiết bị dự phòng trong mạng

4.12. Chỉ kê khai đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép liên quan đến các trường thông tin thuộc Mục 4

- Đánh dấu “X” vào ô “Bổ sung” đối với trường hợp thêm thiết bị mới vào mạng và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 4.

- Đánh dấu “X” vào ô “Huỷ bỏ” đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ tên thiết bị, đặt tại đâu theo quy định của giấy phép đã được cấp.

- Đánh dấu “X” vào ô “Thay thế cho thiết bị” và điền tên thiết bị cũ đã được cấp phép và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 4.

5 ĂNG-TEN

Kê khai tất cả các Mục từ 5.1 đến 5.6 đối với thiết bị vô tuyến điện có ăng-ten rời, không tích hợp trên thiết bị. Đối với ăng-ten tích hợp cùng thiết bị chỉ yêu cầu kê khai Mục 5.2 và 5.6 các mục khác không bắt buộc.

5.1 Kê khai tên, ký hiệu theo tài liệu kỹ thuật (VD: DB404, AD-22/C, ...). Trong trường hợp trên ăng - ten không hiển thị rõ tên ăng-ten thì phải ghi rõ loại ăng - ten (ví dụ: Loga-chu kỳ, Yagi, Dipole, ăng-ten khe nửa sóng, dàn chấn tử đồng pha, v.v...)

5.2 Kê khai dải tần số mà trong giới hạn đó, ăng-ten làm việc được theo thiết kế.

5.3 Kê khai hệ số khuếch đại theo thiết kế tính theo đơn vị dBi.

5.4 Kê khai phân cực của ăng-ten theo thiết kế. Ví dụ: thẳng, đứng, ngang, tròn,...

5.5 Đánh dấu “X” vào các ô tương ứng: ND là ăng-ten với vô hướng, D là ăng-ten có hướng và kê khai là góc được tạo bởi đường tâm của búp sóng chính với phương bắc của trái đất theo chiều kim đồng hồ

5.6 Độ cao so với mặt đất: là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất nơi đặt ăng-ten (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo đơn vị mét (m).

6 TỔN HAO

Kê khai tổn hao của hệ thống tính theo đơn vị dB bao gồm tổn hao phi đơ (fider) của hệ thống ăng-ten, tổn hao của kết nối (connector). Mặc định là 0 dB nếu không kê khai.

7 CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên nếu có.

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1d

Áp dụng đối với thiết bị phát thanh, truyền hình

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số

Tờ số:/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. LOẠI ĐÀI:	☐ Phát thanh tương tự ☐ Phát thanh số ☐ Truyền hình số ☐ Khác:.....		
1.1. Giấy phép hoạt động báo chí theo quy định đối với Cơ quan báo chí.	Số		Ngày cấp
	Thời hạn	từ ngày	đến ngày
1.2. Giấy phép viễn thông theo quy định	Số		Ngày cấp
	Thời hạn	từ ngày	đến ngày
1.3. Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình (nếu có)	Số		Ngày cấp
	Thời hạn	từ ngày	đến ngày
2. LOẠI MẠNG	☐ Đơn tần ☐ Đa tần ☐ Khác:.....		
3. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG			
4. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)			
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:.....			
5. DANH MỤC KÊNH CHƯƠNG TRÌNH PHÁT SÓNG TRÊN KÊNH TẦN SỐ ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP			
Tên kênh chương trình		Tốc độ bit tối đa/tối thiểu (Mbit/s)	
6. THIẾT BỊ VỎ TUYẾN ĐIỆN			
6.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất			
6.2. Công suất danh định (W)		6.3. Công suất phát sóng đề nghị (W)	
6.3. Băng tần thiết bị phát		6.5. Hệ - tiêu chuẩn	
6.4. Kênh/tần số phát đề nghị (nếu có)		6.7. Ký hiệu phát xạ	
6.5. Tên/ Mã trạm			
6.6. Địa điểm đặt	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:		
	Tỉnh/thành phố:		
7. ĂNG-TEN			
7.1. Kiểu (Nhãn hiệu)		7.2. Phân cực	

7.2. Hướng tính	☐ ND ☐ D Góc phương vị của hướng bức xạ chính (°):		
7.3. Hệ số khuếch đại (dBi)		7.5. Độ cao so với mặt đất (m)	
7.4. Vị trí (tọa độ)	Kinh độ:..... E / Vĩ độ:N		
7.5. Cấu trúc bố trí			
8. TỔN HAO (dB) (nếu có)			
9. GIỜ HOẠT ĐỘNG			
10. ĐỐI VỚI THIẾT BỊ PHÁT THANH SỐ MẶT ĐẤT VÀ TRUYỀN HÌNH SỐ MẶT ĐẤT			
10.1. Khoảng bảo vệ (Guard interval)			
10.2. Số lượng sóng mang (Number of carrier)			
10.3. Chế độ thu (Reception mode)			
10.4. Kiểu điều chế			
10.5. Tỷ lệ mã			
10.6. Pilot pattern			
11. PHẦN KHAI BỔ SUNG ĐỐI VỚI THIẾT BỊ PHÁT THANH AM BẰNG TẦN MF CẦN ĐĂNG KÝ QUỐC TẾ (BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN KHÁC THEO QUY ĐỊNH CỦA LIÊN MINH VIỄN THÔNG QUỐC TẾ - ITU KHI CÓ YÊU CẦU CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ).			
11.1. Độ dẫn điện đất (Ground conductivity- mS/m)			
11.2. Hệ số bảo vệ kênh lân cận (Adjacent channel protection radio – dB)			
11.3. Tăng ích ăng-ten theo các hướng: 0, 10, 20, ..., 350 ⁰ (cung cấp đối với ăng-ten có hướng)			
12. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)			

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1d

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp đối với thiết bị phát thanh truyền hình.

- Đánh dấu “X” vào ô “Cấp” nếu tổ chức đề nghị cấp giấy phép hoặc đánh dấu “X” vào ô “Sửa đổi, bổ sung” và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1d nếu đề nghị cấp. Mỗi thiết bị khai vào một tờ khai. Ghi rõ số thứ tự của tờ khai và tổng số tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1d.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1d khi bổ sung, sửa đổi. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai. Mỗi giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung khai vào một tờ khai. Ghi rõ số thứ tự của tờ khai và tổng số tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

1. LOẠI ĐÀI

- Đánh dấu "X" vào ô "Phát thanh tương tự" nếu bản khai này được dùng để đề nghị cấp giấy phép cho đài phát thanh FM.

- Đánh dấu "X" vào ô "Phát thanh số" nếu bản khai này được dùng để đề nghị cấp giấy phép cho đài phát thanh số.

- Đánh dấu "X" vào ô "Truyền hình số" nếu bản khai này được dùng để đề nghị cấp giấy phép cho đài truyền hình số.

- Đánh dấu "X" vào ô "Khác" nếu chưa thuộc các loại trên và kê khai rõ loại đài phát sóng.

1.1. Áp dụng đối với tổ chức là cơ quan báo chí, đài truyền thanh cấp huyện

Đối với tổ chức là cơ quan báo chí: Ghi số, cơ quan cấp, ngày cấp, thời hạn sử dụng theo Giấy phép hoạt động báo chí đối với nội dung kênh chương trình phát sóng (không áp dụng đối với việc phát lại các chương trình phát thanh, truyền hình của Trung ương);

1.2. Áp dụng đối với tổ chức là cơ quan báo chí, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình:

Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình: Ghi số, cơ quan cấp, ngày cấp, thời hạn sử dụng theo Giấy phép thiết lập mạng viễn thông theo quy định.

1.3. Kê khai giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình được phép phát sóng (nếu có).

2. LOẠI MẠNG

- Đánh dấu "X" vào ô "Đơn tần" nếu bản khai này được dùng để đề nghị cấp giấy phép cho mạng đơn tần.

- Đánh dấu "X" vào ô "Đa tần" nếu bản khai này được dùng để đề nghị cấp giấy phép cho mạng đa tần.

- Khác: ghi rõ nếu không phải đơn tần, không phải đa tần.

3. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

- Đối với phát thanh tương tự: ghi rõ phát sóng, phát lại kênh chương trình nào (ví dụ: phát lại kênh chương trình VOV1 của Đài Tiếng nói Việt Nam).

- Đối với phát thanh số: ghi rõ phát sóng, phát lại kênh chương trình nào (ví dụ: phát lại kênh chương trình VOV1 của Đài Tiếng nói Việt Nam).

- Đối với truyền hình số:

+ Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp truyền dẫn phát sóng truyền hình quảng bá: Ghi phát sóng các kênh chương trình quảng bá (đảm bảo các kênh chương trình được phép phát sóng quảng bá theo quy định).

+ Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền: Ghi phát sóng theo Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số

4. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026” (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung

nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

5. DANH MỤC KÊNH CHƯƠNG TRÌNH PHÁT SÓNG TRÊN KÊNH TẦN SỐ ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Kê khai danh sách các kênh chương trình phát sóng trên kênh tần số đề nghị cấp phép. Đối với phát thanh số/ truyền hình số kê khai thêm tốc độ bit tối đa/tối thiểu (tính theo Mbit/s)

6. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

- a. Kê khai đầy đủ tên thiết bị phát hoặc ký hiệu (model) của thiết bị/ Hãng sản xuất thiết bị.
- b. Kê khai công suất phát thiết kế của thiết bị.
- c. Kê khai mức công suất phát sóng đề nghị cấp phép (mức công suất trước khi đưa vào ăng-ten, nhỏ hơn hoặc bằng công suất danh định)
- d. Kê khai dải tần số hoặc các kênh tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.
- e. Kê khai hệ tiêu chuẩn của đài do thiết kế chế tạo, ví dụ: DVB-T/T2; DAB+, DRM...
- f. Kê khai kênh phát đề nghị được sử dụng hoặc tần số phát đề nghị được sử dụng (nếu có)
- g. Ký hiệu phát xạ:
 - Đối với phát thanh tương tự: Ví dụ: 180KF3EGN (mono); 300KF3EHN (stereo).
 - Đối với phát thanh số: kê khai theo quy định. Ví dụ: 1M54X7EXF.
 - Đối với truyền hình số: kê khai chung cho cả hình và tiếng. Ví dụ: 8M00X7FXF.
- h. Kê khai Tên/mã trạm đề nghị sử dụng cho đài phát thanh, truyền hình trong khi hoạt động. Trường hợp không kê khai hoặc kê khai thiếu, hồ hiệu sẽ do Cơ quan quản lý quy định.
- i. Địa điểm đặt: kê khai đầy đủ địa chỉ đặt thiết bị, tên trụ sở đặt thiết bị, địa chỉ thường trú tại nơi đặt thiết bị (số nhà, đường phố, phường (xã), thành phố (tỉnh)).

7. ĂNG-TEN

7.1. Kiểu (Nhãn hiệu): kê khai tên, ký hiệu và hãng sản xuất của ăng-ten theo Tài liệu kỹ thuật (Ví dụ: Dipole, 759101195, Kathrein). Trong trường hợp trên ăng-ten không hiển thị rõ tên ăng-ten thì phải ghi rõ loại ăng-ten (ví dụ: Dipole, Panel, lồng, chữ V, tháp, v.v...)

7.2. Phân cực: kê khai loại phân cực của ăng-ten (ví dụ: thẳng đứng, nằm ngang, phân cực tròn,...)

7.3. Hướng tính: kê khai ăng-ten có hướng (D) hay vô hướng (ND) bằng cách đánh dấu "X" vào ô tương ứng. Đối với ăng-ten có hướng (D) kê khai góc phương vị của hướng bức xạ chính (là góc được tạo bởi đường tâm của búp sóng chính với phương bắc của trái đất theo chiều kim đồng hồ).

7.4. Hệ số khuếch đại (dBi): kê khai rõ hệ số khuếch đại của ăng-ten theo đơn vị dBi.

7.5. Độ cao so với mặt đất (m): là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo mét (m).

7.6. Vị trí (tọa độ): kê khai độ chính xác của kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân.

7.7. Cấu trúc bố trí: kê khai việc bố trí ăng-ten theo thực tế triển khai.

8. TỔN HAO

Kê khai tổn hao của hệ thống tính theo đơn vị dB bao gồm tổn hao phi đơ (fider) của hệ thống ăng-ten, tổn hao của kết nối (connector). Mặc định là 0 dB nếu không kê khai.

9. GIỜ HOẠT ĐỘNG

Kê khai giờ hoạt động đề nghị. Đối với các Cơ quan báo chí giờ hoạt động kê khai theo Giấy phép hoạt động báo chí. Trường hợp hoạt động vào giờ bất kỳ trong ngày thì ghi "Hx".

10. THIẾT BỊ PHÁT THANH SỐ MẶT ĐẤT VÀ TRUYỀN HÌNH SỐ MẶT ĐẤT

10.1. Khoảng bảo vệ (Guard interval): 1/4; 1/8; 1/16 ...

10.2. Số lượng sóng mang (Number of carrier): 2k; 8k...

10.3. Chế độ thu (Reception mode): kê khai chế độ thu theo quy định: F - thu cố định, M - thu lưu động; A - thu trong nhà; B - thu ngoài trời.

10.4. Kiểu điều chế: kê khai kiểu điều chế của thiết bị (ví dụ: 256-QAM, 64-QAM...).

10.5. Tỷ lệ mã: kê khai tỷ lệ mã của thiết bị.

10.6. Pilot pattern: kê khai mẫu hình tín hiệu Pilot.

11. THIẾT BỊ PHÁT THANH AM BĂNG TẦN MF (Chỉ áp dụng cho các thiết bị cần đăng ký quốc tế).

11.1. Độ dẫn điện đất: kê khai độ dẫn điện đất theo đơn vị mS/m.

11.2. Hệ số bảo vệ kênh lân cận: kê khai rõ hệ số bảo vệ kênh lân cận theo đơn vị dB.

11.3. Tăng ích ăng-ten theo các hướng: kê khai tăng ích ăng-ten theo các hướng 0, 10, 20, ...350⁰: áp dụng đối với ăng-ten có hướng

12. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên nếu có.

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1e

Áp dụng đối với tuyến truyền dẫn vi ba

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số

Tờ số:/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG THEO QUY ĐỊNH	Số		Ngày cấp	
	Thời hạn sử	từ ngày	đến ngày	
2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG				
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)				
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:.....				
4. THÔNG SỐ CỦA TRẠM	TRẠM “THỨ NHẤT”		TRẠM “THỨ HAI”	
4.1. Tên/mã trạm đề nghị				
4.2. Kinh độ	E		E	
4.3. Vĩ độ	N		N	
4.4. Cụ ly tuyến (km)				
4.5. Địa điểm đặt				
Số nhà, đường phố (thôn xóm), Phường/xã				
Tỉnh/thành phố				
5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN				
5.1. Tên thiết bị				
5.2. Hãng sản xuất				
5.3. Dải tần số thu (MHz)				
5.4. Dải tần số phát (MHz)				
5.5. Tần số phát đề nghị (MHz)				
5.6. Băng thông (MHz)				
5.7. Công suất phát (dBm)				
5.8. Kiểu điều chế				
5.9. Hệ số tạp âm (dB) (nếu có)				
5.10. Độ nhạy máy thu (dBm) (nếu có)				
5.11. Suy hao Tx (dB) (nếu có)				
5.12. Fade margin (dB) (nếu có)				
6. ĂNG-TEN				
6.1. Tên				
6.2. Hãng sản xuất				
6.3. Hướng tính				
6.4. Kích thước				
6.5. Độ cao so với mặt đất (m)				
6.6. Phân cực				
6.7. Hệ số khuếch đại (dBi)				
6.8. Giảm đồ bức xạ ăng-ten (nếu có)				
7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)				

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1e

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung một số nội dung giấy phép đã được cấp đối với tuyến truyền dẫn vi ba.

- Đánh dấu “X” vào ô “cấp” nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép hoặc đánh dấu “X” vào ô “sửa đổi, bổ sung” và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1e khi đề nghị cấp. Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1e được dùng để kê khai cho một tuyến truyền dẫn vi ba. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều tuyến vi ba hoặc một tuyến vi ba dùng nhiều tần số hoặc phân cực khác nhau. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ và tổng số tờ của từng Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1e khi bổ sung, sửa đổi theo từng giấy phép. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG

Kê khai số giấy phép thiết lập mạng viễn thông, ngày cấp và thời hạn sử dụng của giấy phép nếu thuộc đối tượng phải có giấy phép viễn thông theo quy định về viễn thông.

2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Kê khai rõ sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện cho mục đích gì. Ví dụ: truyền dẫn nội tỉnh, truyền dẫn trong mạng thông tin di động,....

3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026” (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

4. THÔNG SỐ CỦA TRẠM

- 4.1. Tên/mã trạm đề nghị được sử dụng cho tuyến vi ba.
- 4.2. Kê khai Kinh độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân.
- 4.3. Kê khai Vĩ độ của theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân.
- 4.4. Là khoảng cách (tính theo đường thẳng) giữa hai trạm.
- 4.5. Ghi tên trụ sở đặt thiết bị; địa chỉ nơi đặt thiết bị, khai đầy đủ số nhà, đường phố (thôn, xóm), phường (xã), thành phố (tỉnh).

5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

- 5.1. Kê khai đầy đủ tên thiết bị, gồm cả nhãn hiệu và model của thiết bị.
- 5.2. Kê khai tên hãng sản xuất của thiết bị.
- 5.3. Kê khai dải tần số thu mà thiết bị cho phép lựa chọn (tính từ tần số thấp nhất đến tần số cao nhất).
- 5.4. Kê khai dải tần số phát mà thiết bị cho phép lựa chọn (tính từ tần số thấp nhất đến tần số cao nhất).
- 5.5. Kê khai tần số phát đề nghị (MHz).
- 5.6. Kê khai băng thông của thiết bị (MHz), là độ chiếm dụng băng tần của thiết bị khi khai thác ở tốc độ truyền.
- 5.7. Kê khai công suất phát (dBm).
- 5.8. Kê khai các kiểu điều chế mà thiết bị cho phép chọn lựa. Ví dụ: QPSK, BPSK...
- 5.9. Kê khai hệ số tạp âm (dB) của máy thu.
- 5.10. Kê khai độ nhạy của máy thu (dBm).
- 5.11. Kê khai suy hao trên đường truyền ra ăng-ten của máy phát. Mặc định bằng 0 nếu không kê khai.
- 5.12. Kê khai dự trữ pha-đỉnh theo đơn vị dB. Mặc định bằng 0 nếu không kê khai.

6. THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA ĂNG-TEN

- 6.1. Khai tên, ký hiệu và hãng sản xuất của ăng-ten theo tài liệu kỹ thuật (VD: Loga-chu kỳ, AD-22/C, Trival).
- 6.2. Trong trường hợp không có tên ăng-ten thì phải ghi rõ loại ăng-ten (ví dụ: Parabol, Yagi, Dipole, ăng-ten khe nửa sóng, v.v...)
- 6.3. Hướng tính của ăng-ten: có hướng (D) hay vô hướng (ND).
- 6.4. Kích thước của ăng-ten là độ dài của ăng-ten hoặc đường kính của ăng-ten theo thiết kế chế tạo, tính bằng mét (m).
- 6.5. Độ cao so với mặt đất (m): là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo đơn vị mét (m).
- 6.6. Khai phân cực của ăng-ten theo thiết kế. Ví dụ: thẳng, đứng, ngang, tròn,...
- 6.7. Khai hệ số khuếch đại theo thiết kế tính theo đơn vị dBi
- 6.8. Giảm đồ bức xạ: đối với ăng-ten theo chuẩn của ITU khai ký hiệu của giảm đồ; đối với ăng-ten không theo khuyến nghị của ITU, cung cấp giảm đồ bức xạ của ăng-ten và tài liệu kỹ thuật mô tả các đặc tính kỹ thuật của ăng-ten.

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC: Khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên (nếu có).

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1g1

Áp dụng đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số

Tờ số:/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG THEO QUY ĐỊNH		Số		Ngày cấp	
		Thời hạn sử dụng	từ ngày đến ngày		
2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG					
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP (đối với cấp)					
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:.....					
4. TỔNG SỐ THIẾT BỊ TRONG MẠNG					
5. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG					
6. CẤU HÌNH MẠNG		☐ Đơn công			
		☐ Song công/ Bán song công	Khoảng cách thu/phát (MHz):		
7. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN DI ĐỘNG					
7.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất					
7.2. Các mức công suất phát (W)					
7.3. Ký hiệu phát xạ					
7.4. Dải tần thiết bị (MHz)					
7.5. Anten	Hệ số khuếch đại (dBi)				
	Độ cao sử dụng tối đa so với mặt đất (m)				
7.6. Thông tin sửa đổi, bổ sung (nếu có)		☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị	☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị	☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị	
8. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN CỐ ĐỊNH (nếu có)					
8.1. Tên Thiết bị /Hãng sản xuất					
8.2. Các mức công suất phát (W)					
8.3. Ký hiệu phát xạ					
8.4. Dải tần thiết bị (MHz)					
8.5. Địa điểm đặt		Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:			
		Tỉnh/thành phố:			
8.6. Tên/mã trạm (nếu có)					
8.7. Anten	a. Tên (nhãn hiệu)				
	b. Dải tần làm việc				
	c. Hệ số khuếch đại (dBi)				
	d. Độ cao so với mặt đất (m)				

	đ. Vị trí (tọa độ)	Kinh độ:.....E/ Vĩ độ:.....
8.8. Thông tin sửa đổi, bổ sung (nếu có)	☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị	
9. TẦN SỐ PHÁT/THU ĐỀ NGHỊ (nếu có)	Tần số phát (MHz):..... Tần số thu (MHz):.....	
10. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)		

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g1

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất.

- Đánh dấu “X” vào ô “Cấp” nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép hoặc đánh dấu “X” vào ô “Sửa đổi, bổ sung” và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g1 dùng để kê khai cho một mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều mạng. Lưu ý ghi rõ số thứ tự tờ khai, tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

- Kê khai tất cả các thông số trong Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g1 khi đề nghị cấp.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g1 khi bổ sung, sửa đổi. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG

Kê khai số giấy phép thiết lập mạng viễn thông, ngày cấp và thời hạn sử dụng của giấy phép nếu thuộc đối tượng phải có giấy phép viễn thông theo quy định về viễn thông.

2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Kê khai rõ sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện cho mục đích: Phục vụ sản xuất, kinh doanh, học tập, nghiên cứu, dự phòng,...

3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026” (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

4. TỔNG SỐ THIẾT BỊ TRONG MẠNG

Kê khai tổng số thiết bị trong mạng

6. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

Kê khai phạm vi hoạt động của mạng theo địa chỉ hành chính. Trường hợp phạm vi trong cả tỉnh/thành phố thì kê khai tên tỉnh/thành phố, hoặc hoạt động trong phạm vi phường/xã thì phải ghi địa chỉ phường/xã A, tỉnh/thành phố B. Trường hợp, hoạt động từ hai tỉnh trở lên thì phải liệt kê cụ thể từng tỉnh/thành phố.

6. CẤU HÌNH MẠNG

Đánh dấu “X” vào ô “Đơn công” nếu mạng hoạt động ở chế độ liên lạc thu/phát trên cùng một tần số hoặc “Song công/Bán song công” nếu mạng hoạt động ở chế độ liên lạc thu/phát trên hai tần số khác nhau và ghi khoảng cách thu phát tối thiểu, khoảng cách thu phát tối đa theo đơn vị MHz.

7. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN DI ĐỘNG

7.1. Kê khai tên thiết bị phát hoặc ký hiệu (model) của thiết bị, hãng sản xuất thiết bị.

7.2. Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo của thiết bị như: công suất lớn nhất, công suất nhỏ nhất, các mức công suất khác,...

7.3. Kê khai các ký hiệu phát xạ đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 4K00F1E; 7K60FXE; 11K0F3E; ...

7.4. Kê khai dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

7.5. Kê khai hệ số khuếch đại theo thiết kế tính theo đơn vị dBi và độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất nơi đặt ăng-ten (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo đơn vị mét (m)

7.6. Chỉ kê khai đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép liên quan đến các trường thông tin thuộc mục 7

- Đánh dấu “X” vào ô “Bổ sung” đối với trường hợp thêm thiết bị mới vào mạng và khai đầy đủ các thông số thuộc mục 7.

- Đánh dấu “X” vào ô “Huỷ bỏ” đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ tên thiết bị.

- Đánh dấu “X” vào ô “Thay thế cho thiết bị” và điền tên thiết bị cũ đã được cấp phép và khai đầy đủ các thông số thuộc mục 7.

8. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN CỐ ĐỊNH (chỉ kê khai đối với mạng có thiết bị cố định)

8.1. Kê khai tên thiết bị phát hoặc ký hiệu (model) của thiết bị/ Hãng sản xuất thiết bị.

8.2. Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo của thiết bị như: công suất lớn nhất, công suất nhỏ nhất, các mức công suất khác,...

8.3. Kê khai các ký hiệu phát xạ đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 4K00F1E; 7K60FXE; 11K0F3E; ...

8.4. Kê khai dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

8.5. Khai đầy đủ địa chỉ số nhà, đường phố, phường (xã), thành phố (tỉnh).

8.6. Kê khai tên/mã trạm đề nghị sử dụng để thuận tiện cho công việc (lưu ý: khi mạng hoạt động sẽ phải sử dụng các hô hiệu đã được ghi trong giấy phép, trường hợp không kê khai thì hô hiệu sẽ do cơ quan cấp phép quy định).

8.7. Kê khai các thông tin của ăng-ten:

a. Kê khai tên, ký hiệu theo tài liệu kỹ thuật (VD: DB404, AD-22/C, ...). Trong trường hợp trên ăng-ten không hiển thị rõ tên ăng-ten thì phải ghi rõ loại ăng-ten (ví dụ: Loga-chu kỳ, Yagi, Dipole, ăng-ten khe nửa sóng, dàn chân từ đồng pha, v.v...)

b. Dải tần làm việc là dải tần số mà trong giới hạn đó, ăng-ten làm việc được với các chỉ tiêu kỹ thuật đã cho.

c. Kê khai hệ số khuếch đại của ăng-ten theo thiết kế tính theo đơn vị dBi.

d. Độ cao (so với mặt đất) (m): là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten), tính theo mét (m).

đ. Kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt ăng-ten.

8.8. Chỉ kê khai đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép liên quan đến các trường thông tin thuộc mục 8.

- Đánh dấu “X” vào ô “Bổ sung” đối với trường hợp thêm thiết bị mới vào mạng và khai đầy đủ các thông số thuộc mục 8.

- Đánh dấu “X” vào ô “Huỷ bỏ” đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ tên thiết bị, đặt tại đâu theo quy định của giấy phép đã được cấp.

- Đánh dấu “X” vào ô “Thay thế cho thiết bị” và điền tên thiết bị cũ đã được cấp phép và khai đầy đủ các thông số thuộc mục 8.

9. TẦN SỐ PHÁT/ THU ĐỀ NGHỊ

Kê khai tần số phát/ thu theo mong muốn được sử dụng tương ứng với cấu hình mạng tại mục 6 (không bắt buộc).

10. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin cần bổ sung chưa có trong bản khai nếu có.

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1g2

Áp dụng đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số

Tờ số: .../ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG		☐ Liên lạc nội bộ ☐ Điều hành sản xuất ☐ Bảo vệ ☐ Liên lạc trong nhà hàng, khách sạn ☐ Khác:.....	
2. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)			
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:.....			
3. TỔNG SỐ THIẾT BỊ			
4. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG	Địa chỉ	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:	
		Tỉnh/thành phố:	
	Vị trí (tọa độ)	Kinh độ:E	Vĩ độ:N
5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN			
5.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất			
5.2. Các mức công suất phát			
5.3. Ký hiệu phát xạ			
5.4. Dải tần thiết bị (MHz)			
5.5. Độ cao sử dụng tối đa so với mặt đất (m)			
5.6. Thông tin sửa đổi, bổ sung	☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị.....	☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị.....	☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị.....
7. TẦN SỐ ĐỀ NGHỊ (nếu có)			
8. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)			

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g2

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ.

- Đánh dấu “X” vào ô “Cấp” nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp hoặc đánh dấu “X” vào ô “Sửa đổi, bổ sung” và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g2 dùng để kê khai cho một mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều mạng. Lưu ý ghi rõ số thứ tự tờ khai, tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

- Kê khai tất cả các thông số trong Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g2 khi đề nghị cấp.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g2 khi bổ sung, sửa đổi. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Đánh dấu “X” mục đích sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện tương ứng hoặc ghi rõ mục đích sử dụng mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ nếu khác với các lựa chọn đã có.

2. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026” (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

3. TỔNG SỐ THIẾT BỊ

Kê khai tổng số thiết bị trong mạng.

4. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

Khai đầy đủ địa chỉ số nhà, đường phố, phường (xã), thành phố (tỉnh) và kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt.

5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

5.1. Kê khai tên thiết bị hoặc ký hiệu (model) của thiết bị, hãng sản xuất thiết bị.

5.2. Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo của thiết bị như: công suất lớn nhất, công suất nhỏ nhất, các mức công suất khác,...

5.3. Kê khai các ký hiệu phát xạ đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 4K00F1E; 7K60FXE; 11K0F3E; ...

5.4. Kê khai dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

5.5. Kê khai độ cao lớn nhất so với mặt đất khi sử dụng thiết bị, tính theo mét (m).

5.6. Chỉ kê khai đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép liên quan đến các trường thông tin thuộc Mục 5

- Đánh dấu “X” vào ô “Bổ sung” đối với trường hợp thêm thiết bị mới vào mạng và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 5.

- Đánh dấu “X” vào ô “Huỷ bỏ” đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ tên thiết bị.

- Đánh dấu “X” vào ô “Thay thế cho thiết bị” và điền tên thiết bị cũ đã được cấp phép và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 5.

6. TẦN SỐ ĐỀ NGHỊ

Kê khai tần số theo mong muốn được sử dụng (không bắt buộc).

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin khác chưa có trong bản khai (nếu có).

47. Thủ tục cấp đổi Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (thiết bị phát thanh, truyền hình; tuyến truyền dẫn viba; mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất; mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ, các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1i, 1m) đối với cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn.

Trình tự thực hiện	- Trường hợp hồ sơ bị mất, bị hư hỏng, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1i, 1m; thiết bị phát thanh, truyền hình; tuyến truyền dẫn viba; mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất; mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ) theo quy định tại khoản 1 Điều 7 và khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến <i>Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> (Cục Tần số vô tuyến điện). - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (thiết bị phát thanh, truyền hình; tuyến truyền dẫn viba; mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất; mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ, các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1i, 1m) đối với cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 8 của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu tương ứng hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i>

	- Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; (Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ: + Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đối mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội; + Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh; + Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng). - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP; - Bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Cơ quan đại diện nước ngoài có đoàn hoặc cơ quan chủ quản đón đoàn, phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn khách nước ngoài làm thủ tục đề nghị cấp giấy phép
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (tương ứng theo Mẫu 1a, 1d, 1e, 1g tại Phụ lục III của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP).
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ	- Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP;

khai (nếu có và đính kèm)	- Bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.

Mẫu bản khai thông tin chung, Phụ lục II

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý:**
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện/ Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực...

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1 Số Căn cước công dân/ Định danh cá nhân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày sinh: Địa chỉ thường trú:	
1.2 Mã số thuế (đối với tổ chức):..... Địa chỉ trụ sở chính:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại/ Email:.....	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Cổng dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định. 4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết khiếu nại, tố cáo và an toàn bức xạ vô tuyến điện. 4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan. 4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.
- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.
- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,

115 Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: 024.35564919;

Fax: 024.35564913

Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lựu, phường Bình Trưng, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.37404179;

Fax: 028.37404966

Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.3933545;

Fax: 0236.3933707

Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: 0292.3832760;

Fax: 0292.3887087

Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0225.3827857/

Fax: 0225.3827420

Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0238.3833511;

Fax: 0238.3849518

Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258.3892567;

Fax: 0258.3824410.

Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/

0210.3840504 Fax: 0210. 3840504.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Bản khai thông tin chung Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuê của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai chính xác theo thông tin trên Căn cước công dân/Căn cước đối với cá nhân người Việt Nam/Hộ chiếu đối với cá nhân người nước ngoài.

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuê của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để cơ quan

quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại/email liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.

Mục 3. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

Đánh dấu "X" vào ô "01 lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính.

đóng dấu + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh.

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép.

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

**BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI, GIA HẠN
GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

1. GIA HẠN

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Thời gian đề nghị gia hạn ⁽³⁾	Số giấy phép viễn thông/ Số giấy phép hoạt động báo chí ⁽⁴⁾
...	...	...	

2. CẤP ĐỔI

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Lý do cấp đổi ⁽⁵⁾
...		

Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép

- (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn, cấp đổi.
- (2). Mẫu giấy phép: là mẫu theo quy định trên giấy phép đã được cấp (ví dụ: Mẫu 1a; Mẫu 1b, Mẫu 1c,...).
- (3). Thời gian đề nghị gia hạn: kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).
- (4). Số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí: kê khai số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí nếu giấy phép viễn thông/giấy phép hoạt động được cấp trước đây có thay đổi.
- (5). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,...).

48. Thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài truyền thanh không dây

Trình tự thực hiện	- Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài truyền thanh không dây theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 6 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến <i>Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> (Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực). - Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài truyền thanh không dây hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân, Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài truyền thanh không dây hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i> - <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>

Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai thông tin chung và bản khai thông số kỹ thuật, khai thác đối với đài truyền thanh không dây theo Mẫu 1đ quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.</i> - Tài liệu liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp phép (Trong trường hợp cơ quan cấp giấy phép cần phải xác minh lại thông tin trong bản khai đề nghị cấp phép đề ấn định tần số vô tuyến điện và cấp giấy phép) theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.</i> 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- 22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1đ Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i>)
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP;</i> - Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác đối với đài truyền thanh không dây theo Mẫu 1đ quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện;

	- Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP của chính phủ ngày 14 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.

Mẫu bản khai thông tin chung, Phụ lục II

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý:**
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện/ Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực...

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1 Số Căn cước công dân/ Định danh cá nhân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày sinh: Địa chỉ thường trú:	
1.2 Mã số thuế (đối với tổ chức):..... Địa chỉ trụ sở chính:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại/ Email:.....	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Cổng dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định. 4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết khiếu nại, tố cáo và an toàn bức xạ vô tuyến điện. 4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan. 4.5. kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.
- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.
- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,

115 Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: 024.35564919;

Fax: 024.35564913

Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lữ, phường Bình Trưng, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.37404179;

Fax: 028.37404966

Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.3933545;

Fax: 0236.3933707

Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: 0292.3832760;

Fax: 0292.3887087

Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0225.3827857/

Fax: 0225.3827420

Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0238.3833511;

Fax: 0238.3849518

Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258.3892567;

Fax: 0258.3824410.

Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/

0210.3840504 Fax: 0210. 3840504.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Bản khai thông tin chung Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuê của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai chính xác theo thông tin trên Căn cước công dân/Căn cước đối với cá nhân người Việt Nam/Hộ chiếu đối với cá nhân người nước ngoài.

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuê của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để cơ quan

quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại/email liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.

Mục 3. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

Đánh dấu "X" vào ô "01 lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính.

đóng dấu + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh.

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép.

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1đ

Áp dụng đối với đài truyền thanh không dây

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số

Tờ số:/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG			
2. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)			
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ Khác:.....			
3. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN			
3.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất			
3.2. Công suất máy phát (W)			
3.3. Băng tần phát (MHz)		TừMHz đếnMHz	
3.4. Ký hiệu phát xạ		☐ 100KF3E ☐ Khác:.....	
3.5. Tần số phát đề nghị (MHz) (nếu có)			
3.6. Địa điểm đặt		Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:	
		Tỉnh/thành phố:	
4. ĂNG-TEN			
4.1. Kiểu		4.2. Phân cực	
4.2. Hệ số khuếch đại (dBi)		4.4. Độ cao so với mặt đất (m)	
4.3. Hướng tính		☐ ND ☐ D Góc phương vị của hướng bức xạ chính	
4.4. Vị trí (toạ độ)		Kinh độ:.....E/ Vĩ độ :N	
5. TỶ LỆ MẤT (dB) (nếu có)			
6. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)			

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1đ

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp đối với đài truyền thanh không dây.

- Đánh dấu “X” vào ô “Cấp” nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép hoặc đánh dấu “X” vào ô “Sửa đổi, bổ sung” và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1đ khi đề nghị cấp. Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1đ được dùng để kê khai cho 1 loại thiết bị (kê khai tên thiết bị). Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều loại thiết bị. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ và tổng số tờ của từng Bản khai thông số kỹ thuật khai thác.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1đ khi sửa đổi, bổ sung theo từng giấy phép. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Kê khai rõ sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện cho mục đích: ghi rõ phát sóng/ phát lại chương trình phát thanh

2. THỜI HẠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)

Đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026” (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

3. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

3.1. Kê khai tên thiết bị phát hoặc ký hiệu (model) của thiết bị, hãng sản xuất thiết bị.

3.2. Kê khai công suất phát thiết kế của thiết bị.

3.3. Kê khai dải tần số hoặc các kênh tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

3.4. Ký hiệu phát xạ: 100KF3E.

3.5. Tần số phát đề nghị: Kê khai tần số phát đề nghị cấp phép (nếu có).

3.6. Địa điểm đặt: Kê khai tên trụ sở đặt thiết bị; địa chỉ thường trú tại nơi đặt thiết bị (số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/ xã, thành phố (tỉnh)).

4. ĂNG-TEN:

4.1 . Kiểu: kê khai tên, ký hiệu của ăng-ten theo tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất (Ví dụ: Dipole, 759101195, Kathrein). Trong trường hợp trên ăng-ten không hiển thị rõ tên ăng-ten thì phải ghi rõ loại ăng-ten (ví dụ: Dipole, Panel, lồng, chữ V, tháp, v.v...)

4.2 . Phân cực: Kê khai loại phân cực của ăng-ten (ví dụ: đứng, ngang, tròn,...).

4.3 . Hệ số khuếch đại (dBi): kê khai rõ hệ số khuếch đại của ăng-ten theo đơn vị dBi.

4.4 . Độ cao so với mặt đất (m): là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo mét (m).

4.5. Hướng tính: kê khai ăng-ten có hướng (D) hay vô hướng (ND) bằng cách đánh dấu "X" vào ô cho trước. Đối với ăng-ten có hướng (D) kê khai góc phương vị của hướng bức xạ chính (là góc được tạo bởi đường tâm của búp sóng chính với phương bắc của trái đất theo chiều kim đồng hồ).

4.6. Vị trí (tọa độ): kê khai độ chính xác của kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân.

5. TỔN HAO (DB) (nếu có):

Kê khai tổn hao của hệ thống tính theo đơn vị dB bao gồm tổn hao phi đơ (fider) của hệ thống ăng-ten, tổn hao của kết nối (connector). Mặc định là 0 dB nếu không kê khai.

6. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có): kê khai các thông tin cần bổ sung chưa có trong bản khai (nếu có).

49. Thủ tục gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài truyền thanh không dây

Trình tự thực hiện	- Trước khi hết hạn ít nhất 30 ngày, tổ chức hoàn thiện hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài truyền thanh không dây theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực). - Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài truyền thanh không dây hoặc từ chối gia hạn giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài truyền thanh không dây hoặc từ chối gia hạn giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; (Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ: + Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đối mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội; + Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh; + Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).

	- <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ Bản khai thông tin chung và bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.</i> 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- <i>07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.</i> - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1đ Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i>)
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP;</i> - Bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ;

	- Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG**

- CHÚ Ý:**
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện/ Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực...

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1 Số Căn cước công dân/ Định danh cá nhân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày sinh: Địa chỉ thường trú:	
1.2 Mã số thuế (đối với tổ chức):..... Địa chỉ trụ sở chính:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại/ Email:.....	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Công dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định. 4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện. 4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan. 4.5. kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.
- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.
- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,

115 Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

- | | |
|---|--|
| <p>Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Tp. Hà Nội.
Điện thoại: 024.35564919;
Fax: 024.35564913</p> <p>Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lựu, phường Bình Trưng, Tp. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.37404179;
Fax: 028.37404966</p> <p>Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.
Điện thoại: 0236.3933545;
Fax: 0236.3933707</p> <p>Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.
Điện thoại: 0292.3832760;
Fax: 0292.3887087</p> | <p>Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.
Điện thoại: 0225.3827857/
Fax: 0225.3827420</p> <p>Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.
Điện thoại: 0238.3833511;
Fax: 0238.3849518</p> <p>Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.
Điện thoại: 0258.3892567;
Fax: 0258.3824410.</p> <p>Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.
Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/
0210.3840504 Fax: 0210. 3840504.</p> |
|---|--|

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

- Bản khai thông tin chung** Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.
- Số:** Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.
- Mục 1.** Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.
Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.
Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.
- Mục 1.1.** Kê khai chính xác theo thông tin trên Căn cước công dân/Căn cước đối với cá nhân người Việt Nam/Hộ chiếu đối với cá nhân người nước ngoài.
- Mục 1.2.** Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.
- Mục 1.3.** Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để cơ quan

quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại/email liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.

Mục 3. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

Đánh dấu "X" vào ô "01 lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính.

đóng dấu + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh.

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép.

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

**BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI, GIA HẠN
GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

1. GIA HẠN

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Thời gian đề nghị gia hạn ⁽³⁾	Số giấy phép viễn thông/ Số giấy phép hoạt động báo chí ⁽⁴⁾
...	...	...	

2. CẤP ĐỔI

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Lý do cấp đổi ⁽⁵⁾
...		

Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép

- (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn, cấp đổi
- (2). Mẫu giấy phép: Là mẫu theo quy định trên giấy phép đã được cấp (ví dụ: Mẫu 1a; Mẫu 1b, Mẫu 1c,...)
- (3). Thời gian đề nghị gia hạn: kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).
- (4). Số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí: kê khai số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí nếu giấy phép viễn thông/giấy phép hoạt động được cấp trước đây có thay đổi.
- (5). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,...)

50. Thủ tục sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài truyền thanh không dây

Trình tự thực hiện	- Khi giấy phép còn hiệu lực, tổ chức, cá nhân có nhu cầu sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng) thì phải hoàn thiện hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài truyền thanh không dây theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến <i>Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> (Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực). - Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài truyền thanh không dây hoặc từ chối sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân, Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài truyền thanh không dây hoặc từ chối sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đối mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i>

	- <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai thông tin chung và bản khai thông số kỹ thuật, khai thác đối với đài truyền thanh không dây theo Mẫu 1đ quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.</i> - Tài liệu liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp phép (Trong trường hợp cơ quan cấp giấy phép cần phải xác minh lại thông tin trong bản khai đề nghị cấp phép để ấn định tần số vô tuyến điện và sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép) theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.</i> 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- <i>22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.</i> - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1đ Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i>)
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP; - Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác đối với đài truyền thanh không dây theo Mẫu 1đ quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm;

	- Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết khiếu nại có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.

Mẫu bản khai thông tin chung, Phụ lục II

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý:**
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện/ Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực...

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1 Số Căn cước công dân/ Định danh cá nhân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày sinh: Địa chỉ thường trú:	
1.2 Mã số thuế (đối với tổ chức):..... Địa chỉ trụ sở chính:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại/ Email:.....	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Cổng dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định. 4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện. 4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan. 4.5. kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.
- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.
- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,

115 Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

- | | |
|---|--|
| <p>Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Tp. Hà Nội.
Điện thoại: 024.35564919;
Fax: 024.35564913</p> <p>Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lựu, phường Bình Trưng, Tp. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.37404179;
Fax: 028.37404966</p> <p>Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.
Điện thoại: 0236.3933545;
Fax: 0236.3933707</p> <p>Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.
Điện thoại: 0292.3832760;
Fax: 0292.3887087</p> | <p>Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.
Điện thoại: 0225.3827857/
Fax: 0225.3827420</p> <p>Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.
Điện thoại: 0238.3833511;
Fax: 0238.3849518</p> <p>Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.
Điện thoại: 0258.3892567;
Fax: 0258.3824410.</p> <p>Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.
Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/
0210.3840504 Fax: 0210. 3840504.</p> |
|---|--|

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

- Bản khai thông tin chung** Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.
- Số:** Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.
- Mục 1.** Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.
Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.
Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.
- Mục 1.1.** Kê khai chính xác theo thông tin trên Căn cước công dân/Căn cước đối với cá nhân người Việt Nam/Hộ chiếu đối với cá nhân người nước ngoài.
- Mục 1.2.** Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.
- Mục 1.3.** Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để cơ quan

quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại/email liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.

Mục 3. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

Đánh dấu "X" vào ô "01 lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính.

đóng dấu + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh.

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép.

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1đ

Áp dụng đối với đài truyền thanh không dây

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số
 Tờ số:/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG			
2. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)			
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ Khác:.....			
3. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN			
3.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất			
3.2. Công suất máy phát (W)			
3.3. Băng tần phát (MHz)		TừMHz đếnMHz	
3.4. Ký hiệu phát xạ		☐ 100KF3E ☐ Khác:.....	
3.5. Tần số phát đề nghị (MHz) (nếu có)			
3.6. Địa điểm đặt		Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:	
		Tỉnh/thành phố:	
4. ĂNG-TEN			
4.1. Kiểu		4.2. Phân cực	
4.3. Hệ số khuếch đại (dBi)		4.4. Độ cao so với mặt đất (m)	
4.5. Hướng tính		☐ ND ☐ D Góc phương vị của hướng bức xạ chính	
4.6. Vị trí (toạ độ)		Kinh độ:.....E/ Vĩ độ :N	
5. TỶ LỆ HAO (dB) (nếu có)			
6. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)			

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1đ

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp đối với đài truyền thanh không dây.

- Đánh dấu “X” vào ô “Cấp” nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép hoặc đánh dấu “X” vào ô “Sửa đổi, bổ sung” và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1đ khi đề nghị cấp. Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1đ được dùng để kê khai cho 1 loại thiết bị (kê khai tên thiết bị). Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều loại thiết bị. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ và tổng số tờ của từng Bản khai thông số kỹ thuật khai thác.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1đ khi sửa đổi, bổ sung theo từng giấy phép. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Kê khai rõ sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện cho mục đích: ghi rõ phát sóng/ phát lại chương trình phát thanh

2. THỜI HẠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)

Đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026” (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

3. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

- 3.1. Kê khai tên thiết bị phát hoặc ký hiệu (model) của thiết bị, hãng sản xuất thiết bị.
- 3.2. Kê khai công suất phát thiết kế của thiết bị.
- 3.3. Kê khai dải tần số hoặc các kênh tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.
- 3.4. Ký hiệu phát xạ: 100KF3E.
- 3.5. Tần số phát đề nghị: Kê khai tần số phát đề nghị cấp phép (nếu có).
- 3.6. Địa điểm đặt: Kê khai tên trụ sở đặt thiết bị; địa chỉ thường trú tại nơi đặt thiết bị (số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/ xã, thành phố (tỉnh)).

4. ĂNG-TEN:

4.1. Kiểu: kê khai tên, ký hiệu của ăng-ten theo tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất (Ví dụ: Dipole, 759101195, Kathrein). Trong trường hợp trên ăng-ten không hiển thị rõ tên ăng-ten thì phải ghi rõ loại ăng-ten (ví dụ: Dipole, Panel, lồng, chữ V, tháp, v.v...)

4.2. Phân cực: Kê khai loại phân cực của ăng-ten (ví dụ: đứng, ngang, tròn,...).

4.3. Hệ số khuếch đại (dBi): kê khai rõ hệ số khuếch đại của ăng-ten theo đơn vị dBi.

4.4. Độ cao so với mặt đất (m): là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo mét (m).

4.5. Hướng tính: kê khai ăng-ten có hướng (D) hay vô hướng (ND) bằng cách đánh dấu "X" vào ô cho trước. Đối với ăng-ten có hướng (D) kê khai góc phương vị của hướng bức xạ chính (là góc được tạo bởi đường tâm của búp sóng chính với phương bắc của trái đất theo chiều kim đồng hồ).

4.6. Vị trí (tọa độ): kê khai độ chính xác của kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân.

5. TỔN HAO (DB) (nếu có):

Kê khai tổn hao của hệ thống tính theo đơn vị dB bao gồm tổn hao phi đơ (fider) của hệ thống ăng-ten, tổn hao của kết nối (connector). Mặc định là 0 dB nếu không kê khai.

6. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có): kê khai các thông tin cần bổ sung chưa có trong bản khai (nếu có).

51. Thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu có hoạt động tuyến quốc tế

Trình tự thực hiện:	- Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu có hoạt động tuyến quốc tế theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và điểm b khoản 3 tại Điều 6 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực). - Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu có hoạt động tuyến quốc tế hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân, Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (hoạt động tuyến quốc tế) hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng.
Cách thức thực hiện:	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i>

	- <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ:	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai thông tin chung và Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác đối với đài tàu theo Mẫu 1h quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP; - Bản sao hợp pháp hoặc bản sao điện tử hợp pháp Căn cước công dân hoặc Căn cước (đối với cá nhân là người Việt Nam đề nghị cấp giấy phép) hoặc Hộ chiếu còn thời hạn (đối với cá nhân là người nước ngoài đề nghị cấp giấy phép) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (đối với hộ kinh doanh đề nghị cấp giấy phép). Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ là Căn cước công dân, Căn cước, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh. Đối với căn cước công dân hoặc căn cước thì cơ quan giải quyết thủ tục hành chính thực hiện việc khai thác các thông tin, giấy tờ này từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính. - Tài liệu liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp phép (Trong trường hợp cơ quan cấp giấy phép cần phải xác minh lại thông tin trong bản khai đề nghị cấp phép để ấn định tần số vô tuyến điện và cấp giấy phép) theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết:	- 11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:	Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1h quy định tại Phụ lục III của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP)
Lệ phí (nếu có):	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục):	Bản khai thông tin chung và Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác đối với đài tàu theo Mẫu 1h quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP;
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện; - Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải theo quy định.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-

	BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.
--	---

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: **BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG**

- CHÚ Ý:**
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện/ Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực...

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
4.7. Số Căn cước công dân/ Định danh cá nhân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày sinh: Địa chỉ thường trú:	
4.8. Mã số thuế (đối với tổ chức):..... Địa chỉ trụ sở chính:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại/ Email:.....	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Cổng dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng) ☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định. 4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện. 4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan. 4.5. kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.
- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.
- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,

115 Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: 024.35564919;

Fax: 024.35564913

Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lựu, phường Bình Trưng, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.37404179;

Fax: 028.37404966

Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.3933545;

Fax: 0236.3933707

Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: 0292.3832760;

Fax: 0292.3887087

Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0225.3827857/

Fax: 0225.3827420

Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0238.3833511;

Fax: 0238.3849518

Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258.3892567;

Fax: 0258.3824410.

Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/

0210.3840504 Fax: 0210. 3840504.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Bản khai thông tin chung Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai chính xác theo thông tin trên Căn cước công dân/Căn cước đối với cá nhân người Việt Nam/Hộ chiếu đối với cá nhân người nước ngoài.

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để cơ quan

quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại/email liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.

Mục 3. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

Đánh dấu "X" vào ô "01 lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính.

đóng dấu + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh.

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép.

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1h

Áp dụng đối với đài tàu

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số
 Tờ số:/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. TÊN CHỦ TÀU					
2. TÊN TÀU					
3. SỐ GỌI CHỌN (nếu có)					
4. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)					
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:.....					
5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN ĐẶT TRÊN TÀU					
LOẠI THIẾT BỊ (MF, HF, VHF,...)	TÊN THIẾT BỊ	CÔNG SUẤT PHÁT (W)	DẢI TẦN HOẠT ĐỘNG từ... đến... (kHz/MHz)	PHƯƠNG THỨC PHÁT	THÔNG TIN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
					☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị
					☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị
					☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị
					☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị
					☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị
					☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị
6. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)					

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật khai thác 1h

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp đối với đài tàu.

- Đánh dấu “X” vào ô “Cấp” nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép tần số vô tuyến điện hoặc đánh dấu “X” vào ô “Sửa đổi, bổ sung” và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1h dùng để kê khai cho một đài tàu. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều đài tàu. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ khai và tổng số tờ ở từng Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1h nếu đề nghị cấp. Các thiết bị cùng loại có thông số giống nhau có thể kê khai một lần và ghi rõ số lượng thiết bị.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1h sửa đổi, bổ sung.

1. TÊN CHỦ TÀU

Kê khai tên của chủ sở hữu (khuyến khích viết chữ in hoa, ví dụ: NGUYỄN VĂN A).

2. TÊN TÀU

Kê khai tên của đài tàu (khuyến khích viết chữ in hoa, ví dụ: VINALINES).

3. SỐ GỌI CHỌN

Kê khai dãy số gồm 9 chữ số do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp cho tàu.

4. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026” (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN ĐẶT TRÊN TÀU

Kê khai theo từng loại thiết bị, mỗi loại thiết bị kê khai vào một dòng

- Loại thiết bị: (ví dụ: HF, MF, VHF...)
- Tên thiết bị: kê khai đầy đủ tên thiết bị, gồm cả nhãn hiệu và model của thiết bị.
- Công suất phát (W): kê khai mức công suất phát của thiết bị
- Dải tần hoạt động: kê khai dải tần hoạt động của thiết bị (ví dụ: từ 5 MHz đến 10 MHz).
- Phương thức phát: Kê khai tất cả các phương thức phát đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo. Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E; 304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E;....

- Thông tin sửa đổi, bổ sung: chỉ kê khai đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép liên quan đến các trường thông tin thuộc Mục 5

+ Đánh dấu X vào ô “Bổ sung” đối với trường hợp thêm thiết bị mới vào giấy phép và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 5.

+ Đánh dấu X vào ô “Huỷ bỏ” đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ tên thiết bị, đặt tại đâu theo quy định của giấy phép đã được cấp.

+ Đánh dấu X vào ô “Thay thế” và điền tên thiết bị cũ đã được cấp phép và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 5.

6. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên (nếu có).

52. Thủ tục gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu có hoạt động tuyến quốc tế

Trình tự thực hiện:	Trước khi hết hạn ít nhất 30 ngày, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu có hoạt động tuyến quốc tế theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến <i>Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> (Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực). - Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu có hoạt động tuyến quốc tế hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân, Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (hoạt động tuyến quốc tế) hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng.
Cách thức thực hiện:	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đối mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i>

	- <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ:	1. Thành phần hồ sơ Bản khai thông tin chung và bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết:	- 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:	Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1h quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP)
Lệ phí (nếu có):	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:	Bản khai thông tin chung và bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện;

	- Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải theo quy định.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****Số:****BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG**

- CHÚ Ý:**
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện/ Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực...

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
4.9. Số Căn cước công dân/ Định danh cá nhân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày sinh: Địa chỉ thường trú:	
4.10. Mã số thuế (đối với tổ chức):..... Địa chỉ trụ sở chính:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại/ Email:.....	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Công dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY:	
4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.	
4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	
4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.	
4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.	
4.5. kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,

115 Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: 024.35564919;

Fax: 024.35564913

Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lựu, phường Bình Trưng, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.37404179;

Fax: 028.37404966

Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.3933545;

Fax: 0236.3933707

Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: 0292.3832760;

Fax: 0292.3887087

Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0225.3827857/

Fax: 0225.3827420

Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0238.3833511;

Fax: 0238.3849518

Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258.3892567;

Fax: 0258.3824410.

Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/

0210.3840504 Fax: 0210. 3840504.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Bản khai thông tin chung Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.
- Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.*
- Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.*
- Mục 1.1. Kê khai chính xác theo thông tin trên Căn cước công dân/Căn cước đối với cá nhân người Việt Nam/Hộ chiếu đối với cá nhân người nước ngoài.
- Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.
- Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.
- Mục 1.4. Kê khai số điện thoại/email liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.
- Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:
- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.
 - Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.
 - Đánh dấu "X" vào ô "Công dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.
- Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.
- Mục 3. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.
- Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:
- Đánh dấu "X" vào ô "01 lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.
- Ký tên, đóng dấu
- Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính.
 - + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh.
 - + Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép.
 - Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

**BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI, GIA HẠN
GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

1. GIA HẠN

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Thời gian đề nghị gia hạn ⁽³⁾	Số giấy phép viễn thông/ Số giấy phép hoạt động báo chí ⁽⁴⁾
...	...	...	

2. CẤP ĐỔI

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Lý do cấp đổi ⁽⁵⁾
...		

Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép

- (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn, cấp đổi
- (2). Mẫu giấy phép: Là mẫu theo quy định trên giấy phép đã được cấp (ví dụ: Mẫu 1a; Mẫu 1b, Mẫu 1c,...)
- (3). Thời gian đề nghị gia hạn: kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).
- (4). Số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí: kê khai số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí nếu giấy phép viễn thông/giấy phép hoạt động được cấp trước đây có thay đổi.
- (5). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,...)

53. Thủ tục sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu có hoạt động tuyến quốc tế

Trình tự thực hiện:	- Khi giấy phép còn hiệu lực, tổ chức, cá nhân có nhu cầu sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng) thì phải hoàn thiện hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu có hoạt động tuyến quốc tế theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i> và nộp hồ sơ đến <i>Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> (Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực). - Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu có hoạt động tuyến quốc tế hoặc từ chối sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân, Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (hoạt động tuyến quốc tế) hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng.
Cách thức thực hiện:	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i>

	+ <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i> - <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ:	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai thông tin chung và Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác đối với đài tàu theo Mẫu 1h quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP; - Tài liệu liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp phép (Trong trường hợp cơ quan cấp giấy phép cần phải xác minh lại thông tin trong bản khai đề nghị cấp phép để ấn định tần số vô tuyến điện và sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép) theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết:	- 11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:	Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1h quy định tại Phụ lục III của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP)
Lệ phí (nếu có):	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:	Bản khai thông tin chung và Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác đối với đài tàu theo Mẫu 1h quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm.

hành chính (nếu có):	- Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện. - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện. - Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải theo quy định.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG**

- CHÚ Ý:**
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện/ Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1 Số Căn cước công dân/ Định danh cá nhân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày sinh: Địa chỉ thường trú:	
1.2 Mã số thuế (đối với tổ chức):..... Địa chỉ trụ sở chính:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại/ Email:.....	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Cổng dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY:	
4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.	
4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	
4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.	
4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.	

4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

*(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền
đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)*

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,

115 Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: 024.35564919;

Fax: 024.35564913

Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lựu, phường Bình Trưng, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.37404179;

Fax: 028.37404966

Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.3933545;

Fax: 0236.3933707

Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: 0292.3832760;

Fax: 0292.3887087

Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0225.3827857/

Fax: 0225.3827420

Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0238.3833511;

Fax: 0238.3849518

Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258.3892567;

Fax: 0258.3824410.

Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/
0210.3840504 Fax: 0210. 3840504.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Bản khai thông tin chung	Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.
---------------------------------	--

- Số:** Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.
- Mục 1.** Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.
- Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.*
- Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.*
- Mục 1.1.** Kê khai chính xác theo thông tin trên Căn cước công dân/Căn cước đối với cá nhân người Việt Nam/Hộ chiếu đối với cá nhân người nước ngoài.
- Mục 1.2.** Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.
- Mục 1.3.** Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.
- Mục 1.4.** Kê khai số điện thoại/email liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.
- Mục 2.** Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:
- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.
 - Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.
 - Đánh dấu "X" vào ô "Cổng dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.
- Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.
- Mục 3.** Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.
- Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:
- Đánh dấu "X" vào ô "01 lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.
- Ký tên, đóng dấu** - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính.
- + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh.
- + Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép.

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1h

Áp dụng đối với đài tàu

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số

Tờ số:/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. TÊN CHỦ TÀU					
2. TÊN TÀU					
3. SỐ GỌI CHỌN (nếu có)					
4. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)					
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:.....					
5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN ĐẶT TRÊN TÀU					
LOẠI THIẾT BỊ (MF, HF, VHF,...)	TÊN THIẾT BỊ	CÔNG SUẤT PHÁT (W)	DẢI TẦN HOẠT ĐỘNG từ...đến... (kHz/MHz)	PHƯƠNG THỨC PHÁT	THÔNG TIN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
					☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị
					☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị
					☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị

					☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị
					☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị
					☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị
6. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)					

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật khai thác 1h

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp đối với đài tàu.

- Đánh dấu “X” vào ô “Cấp” nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép tần số vô tuyến điện hoặc đánh dấu “X” vào ô “Sửa đổi, bổ sung” và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1h dùng để kê khai cho một đài tàu. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều đài tàu. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ khai và tổng số tờ ở từng Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1h nếu đề nghị cấp. Các thiết bị cùng loại có thông số giống nhau có thể kê khai một lần và ghi rõ số lượng thiết bị.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1h sửa đổi, bổ sung.

7. TÊN CHỦ TÀU

Kê khai tên của chủ sở hữu (khuyến khích viết chữ in hoa, ví dụ: NGUYỄN VĂN A).

8. TÊN TÀU

Kê khai tên của đài tàu (khuyến khích viết chữ in hoa, ví dụ: VINALINES).

9. SỐ GỌI CHỌN

Kê khai dãy số gồm 9 chữ số do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp cho tàu.

10. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026” (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

11. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN ĐẶT TRÊN TÀU

Kê khai theo từng loại thiết bị, mỗi loại thiết bị kê khai vào một dòng

- Loại thiết bị: (ví dụ: HF, MF, VHF...)
- Tên thiết bị: kê khai đầy đủ tên thiết bị, gồm cả nhãn hiệu và model của thiết bị.
- Công suất phát (W): kê khai mức công suất phát của thiết bị
- Dải tần hoạt động: kê khai dải tần hoạt động của thiết bị (ví dụ: từ 5 MHz đến 10 MHz).
- Phương thức phát: Kê khai tất cả các phương thức phát đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo. Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E; 304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E;....

- Thông tin sửa đổi, bổ sung: chỉ kê khai đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép liên quan đến các trường thông tin thuộc Mục 5

+ Đánh dấu X vào ô “Bổ sung” đối với trường hợp thêm thiết bị mới vào giấy phép và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 5.

+ Đánh dấu X vào ô “Huỷ bỏ” đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ tên thiết bị, đặt tại đâu theo quy định của giấy phép đã được cấp.

+ Đánh dấu X vào ô “Thay thế” và điền tên thiết bị cũ đã được cấp phép và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 5.

12. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên (nếu có).

54. Thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá

Trình tự thực hiện	- Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá theo quy định tại khoản 1, khoản 2 tại Điều 6 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i> và nộp hồ sơ đến <i>Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> (Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực). - Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân, Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng.
Cách thức thực hiện	<i>T Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i>

	- <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP; - Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá theo Mẫu 1i quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP; - Bản sao hợp pháp hoặc bản sao điện tử hợp pháp Căn cước công dân hoặc Căn cước (đối với cá nhân là người Việt Nam đề nghị cấp giấy phép) hoặc Hộ chiếu còn thời hạn (đối với cá nhân là người nước ngoài đề nghị cấp giấy phép) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (đối với hộ kinh doanh đề nghị cấp giấy phép). Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ là Căn cước công dân, Căn cước, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh. Đối với căn cước công dân hoặc căn cước thì cơ quan giải quyết thủ tục hành chính thực hiện việc khai thác các thông tin, giấy tờ này từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính. - Tài liệu liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp phép (Trong trường hợp cơ quan cấp giấy phép cần phải xác minh lại thông tin trong bản khai đề nghị cấp phép đề ấn định tần số vô tuyến điện và cấp giấy phép) theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- 22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1i quy định tại Phụ lục III của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP)
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP; - Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá theo Mẫu 1i quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP;
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-

	BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.
--	---

Mẫu bản khai thông tin chung, Phụ lục II

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý:**
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện/ Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực...

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.3 Số Căn cước công dân/ Định danh cá nhân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày sinh: Địa chỉ thường trú:	
1.4 Mã số thuế (đối với tổ chức):..... Địa chỉ trụ sở chính:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại/ Email:.....	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Cổng dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY:	
4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.	
4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	
4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.	
4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.	
4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.
- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.
- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,

115 Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: 024.35564919;

Fax: 024.35564913

Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lưu, phường Bình Trưng, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.37404179;

Fax: 028.37404966

Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.3933545;

Fax: 0236.3933707

Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: 0292.3832760;

Fax: 0292.3887087

Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0225.3827857/

Fax: 0225.3827420

Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0238.3833511;

Fax: 0238.3849518

Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258.3892567;

Fax: 0258.3824410.

Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/

0210.3840504 Fax: 0210. 3840504.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Bản khai thông tin chung	Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.
---------------------------------	--

- Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.
- Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.
- Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.*
- Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.*
- Mục 1.1. Kê khai chính xác theo thông tin trên Căn cước công dân/Căn cước đối với cá nhân người Việt Nam/Hộ chiếu đối với cá nhân người nước ngoài.
- Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.
- Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.
- Mục 1.4. Kê khai số điện thoại/email liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.
- Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:
- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.
 - Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.
 - Đánh dấu "X" vào ô "Cổng dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.
- Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.
- Mục 3. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.
- Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:
- Đánh dấu "X" và ô "01 lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.
- Ký tên, - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính.
đóng dấu + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh.
- + Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép.

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

Mẫu 1i, Phụ lục II

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1i

Áp dụng đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số

Tờ số:/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG		
2. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)		
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐		
3. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN		
3.1. Tên thiết bị phát/ Hãng sản xuất		
3.2. Công suất phát tối đa		
3.3. Dải tần thiết bị (kHz)		
3.4. Ký hiệu phát xạ		
3.5. Tên/mã trạm (nếu có)		
3.6. Đối tượng liên lạc		
3.7. Địa điểm đặt	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:	
	Tỉnh/thành phố:	
4. ĂNG-TEN		
1.5 Kiểu (nhãn hiệu)		
1.6 Độ cao so với mặt đất (m)		
1.7 Vị trí (tọa độ)	Kinh độ:E/ Vĩ độ:.....N	
2 CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)		

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật khai thác 1i

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp cho đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá.

- Đánh dấu “X” vào ô “Cấp” nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép hoặc đánh dấu “X” vào ô “Sửa đổi, bổ sung” và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1i dùng để kê khai một đài vô tuyến điện. Có thể dùng nhiều Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1i nếu cần kê khai nhiều đài. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ khai, tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1i khi đề nghị cấp.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1i khi bổ sung, sửa đổi. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Kê khai mục đích sử dụng của đài, ví dụ liên lạc với phương tiện nghề cá của cá nhân, tổ chức đề nghị cấp giấy phép hay với phương tiện nghề cá của các cá nhân, tổ chức khác.

2. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP:

Đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026” (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

3. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

3.1. Kê khai tên thiết bị phát hoặc ký hiệu (model) của thiết bị, hãng sản xuất thiết bị.

3.2. Kê khai công suất phát tối đa của thiết bị.

3.3. Kê khai dải tần hoạt động của thiết bị (ví dụ: từ 1600 kHz đến 30000 kHz).

3.4. Kê khai các ký hiệu phát xạ đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E; 304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E,...

3.5. Kê khai tên/mã trạm do tổ chức, cá nhân tự đề nghị để thuận tiện trong công việc. Trường hợp không đề nghị tên/mã trạm sẽ do Cơ quan cấp phép quy định.

3.6. Kê khai tên/mã trạm của các đài vô tuyến điện có truyền thông tin vô tuyến điện với thiết bị vô tuyến điện/ đài vô tuyến điện đang đề nghị cấp phép.

3.7. Địa điểm đặt thiết bị: kê khai đầy đủ địa chỉ số nhà, đường phố, phường (xã), thành phố (tỉnh) và kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt.

4. ĂNG-TEN:

4.1. Kê khai tên, ký hiệu theo tài liệu kỹ thuật (VD: DB404, AD-22/C, ...). Trong trường hợp trên ăng-ten không hiển thị rõ tên ăng-ten thì phải ghi rõ loại ăng-ten (ví dụ: Loga-chu kỳ, Yagi, Dipole, ăng-ten khe nửa sóng, dàn chấn tử đồng pha, v.v...)

4.2. Độ cao so với mặt đất: là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất nơi đặt ăng-ten (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo đơn vị mét (m).

4.3. Kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của vị trí đặt ăng-ten.

5. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên (nếu có).

55. Thủ tục gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá

Trình tự thực hiện	- Trước khi hết hạn ít nhất 30 ngày, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i> và nộp hồ sơ đến <i>Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> (Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực). - Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân, Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i>

	+ <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i> - <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ - Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP; - Bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1i Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP)
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP; - Bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện;

	- Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết khiếu nại có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****Số:****BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG**

- CHÚ Ý:**
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện/ Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực...

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
2.1 Số Căn cước công dân/ Định danh cá nhân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày sinh: Địa chỉ thường trú:	
2.2 Mã số thuế (đối với tổ chức):..... Địa chỉ trụ sở chính:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại/ Email:.....	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Cổng dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY:	
4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.	
4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	
4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.	
4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.	
4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tồn số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tồn số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,

115 Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tồn số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: 024.35564919;

Fax: 024.35564913

Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lựu, phường Bình Trưng, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.37404179;

Fax: 028.37404966

Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.3933545;

Fax: 0236.3933707

Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: 0292.3832760;

Fax: 0292.3887087

Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0225.3827857/

Fax: 0225.3827420

Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0238.3833511;

Fax: 0238.3849518

Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258.3892567;

Fax: 0258.3824410.

Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/ 0210.3840504

Fax: 0210. 3840504.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Bản khai thông tin chung Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ

chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai chính xác theo thông tin trên Căn cước công dân/Căn cước đối với cá nhân người Việt Nam/Hộ chiếu đối với cá nhân người nước ngoài.

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại/email liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Công dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Công dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.

Mục 3. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

Đánh dấu "X" vào ô "01 lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính.

đóng dấu + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh.

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép.

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Công dịch vụ công quốc gia không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

Mẫu bản khai đề nghị gia hạn, Phụ lục II
BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI, GIA HẠN
GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

1. GIA HẠN

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Thời gian đề nghị gia hạn ⁽³⁾	Số giấy phép viễn thông/ Số giấy phép hoạt động báo chí ⁽⁴⁾
...	...	...	

2. CẤP ĐỔI

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Lý do cấp đổi ⁽⁵⁾
...		

Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép

- (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn, cấp đổi.
(2). Mẫu giấy phép: là mẫu theo quy định trên giấy phép đã được cấp (ví dụ: Mẫu 1a; Mẫu 1b, Mẫu 1c,...).
(3). Thời gian đề nghị gia hạn: kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).
(4). Số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí: kê khai số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí nếu giấy phép viễn thông/giấy phép hoạt động được cấp trước đây có thay đổi.
(5). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,...).

56. Thủ tục sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá

Trình tự thực hiện	- Khi giấy phép còn hiệu lực, tổ chức, cá nhân có nhu cầu sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng) thì phải hoàn thiện hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i> và nộp hồ sơ đến <i>Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> (Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực). - Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá hoặc từ chối sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân, Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đối mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i>

	+ <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i> - <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP; - Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá theo Mẫu 1i quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP; - Tài liệu liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp phép (Trong trường hợp cơ quan cấp giấy phép cần phải xác minh lại thông tin trong bản khai đề nghị cấp phép để ấn định tần số vô tuyến điện và cấp, sửa đổi bổ sung nội dung giấy phép) theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- 22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1i Phụ lục III của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP;)
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP;; - Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá theo Mẫu 1i quy định tại Phụ lục

	II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP;
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết khiếu nại có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.

Mẫu bản khai thông tin chung, Phụ lục II

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

CHÚ Ý:

1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện/ Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực...

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
2.3 Số Căn cước công dân/ Định danh cá nhân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày sinh: Địa chỉ thường trú:	
2.4 Mã số thuế (đối với tổ chức):..... Địa chỉ trụ sở chính:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại/ Email:.....	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Cổng dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY:	
4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.	
4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	
4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.	
4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.	
4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tồn số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tồn số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,

115 Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tồn số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: 024.35564919;

Fax: 024.35564913

Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lựu, phường Bình Trưng, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.37404179;

Fax: 028.37404966

Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.3933545;

Fax: 0236.3933707

Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: 0292.3832760;

Fax: 0292.3887087

Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0225.3827857/

Fax: 0225.3827420

Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0238.3833511;

Fax: 0238.3849518

Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258.3892567;

Fax: 0258.3824410.

Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/ 0210.3840504

Fax: 0210. 3840504.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Bản khai thông tin chung Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo

thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

- Mục 1.1. Kê khai chính xác theo thông tin trên Căn cước công dân/Căn cước đối với cá nhân người Việt Nam/Hộ chiếu đối với cá nhân người nước ngoài.
- Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.
- Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.
- Mục 1.4. Kê khai số điện thoại/email liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.
- Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:
- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.
 - Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.
 - Đánh dấu "X" vào ô "Công dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Công dịch vụ công quốc gia.
- Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.
- Mục 3. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp. Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:
- Đánh dấu "X" vào ô "01 lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.
- Ký tên, đóng dấu
- Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính.
 - + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh.
 - + Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép.
 - Trường hợp nộp hồ sơ qua Công dịch vụ công quốc gia không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

*Mẫu 1i, Phụ lục II***BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1i**

Áp dụng đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số

Tờ số:/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	
2. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)	
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:.....	
3. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN	
3.1. Tên thiết bị phát/ Hãng sản xuất	
3.2. Công suất phát tối đa	
3.3. Dải tần thiết bị (kHz)	
3.4. Ký hiệu phát xạ	
3.5. Tên/mã trạm (nếu có)	
3.6. Đối tượng liên lạc	
3.7. Địa điểm đặt	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:
	Tỉnh/thành phố:
4. ĂNG-TEN	
2.5 Kiểu (nhãn hiệu)	
2.6 Độ cao so với mặt đất (m)	
2.7 Vị trí (tọa độ)	Kinh độ:E/ Vĩ độ:.....N
3 CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)	

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật khai thác 1i

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp cho đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá.

- Đánh dấu “X” vào ô “Cấp” nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép hoặc đánh dấu “X” vào ô “Sửa đổi, bổ sung” và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1i dùng để kê khai một đài vô tuyến điện. Có thể dùng nhiều Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1i nếu cần kê khai nhiều đài. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ khai, tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1i khi đề nghị cấp.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1i khi bổ sung, sửa đổi. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Kê khai mục đích sử dụng của đài, ví dụ liên lạc với phương tiện nghề cá của cá nhân, tổ chức đề nghị cấp giấy phép hay với phương tiện nghề cá của các cá nhân, tổ chức khác.

2. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP:

Đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026” (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

3. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

- Kê khai tên thiết bị phát hoặc ký hiệu (model) của thiết bị, hãng sản xuất thiết bị.
- Kê khai công suất phát tối đa của thiết bị.
- Kê khai dải tần hoạt động của thiết bị (ví dụ: từ 1600 kHz đến 30000 kHz).
- Kê khai các ký hiệu phát xạ đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E; 304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E,...
- Kê khai tên/mã trạm do tổ chức, cá nhân tự đề nghị để thuận tiện trong công việc. Trường hợp không đề nghị tên/mã trạm sẽ do Cơ quan cấp phép quy định.
- Kê khai tên/mã trạm của các đài vô tuyến điện có truyền thông tin vô tuyến điện với thiết bị vô tuyến điện/ đài vô tuyến điện đang đề nghị cấp phép.
- Địa điểm đặt thiết bị: kê khai đầy đủ địa chỉ số nhà, đường phố, phường (xã), thành phố (tỉnh) và kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt.

4. ĂNG-TEN:

- Kê khai tên, ký hiệu theo tài liệu kỹ thuật (VD: DB404, AD-22/C, ...). Trong trường hợp trên ăng-ten không hiển thị rõ tên ăng-ten thì phải ghi rõ loại ăng-ten (ví dụ: Loga-chu kỳ, Yagi, Dipole, ăng-ten khe nửa sóng, dàn chấn tử đồng pha, v.v...)
- Độ cao so với mặt đất: là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất nơi đặt ăng-ten (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo đơn vị mét (m).
- Kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của vị trí đặt ăng-ten.

5. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên (nếu có).

57. Thủ tục cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của Trung tâm tần số khu vực cấp)

Trình tự thực hiện:	- Trường hợp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (đối với: đài truyền thanh không dây; đài tàu có hoạt động tuyến quốc tế; đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá) bị mất, bị hư hỏng, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i> và nộp hồ sơ đến <i>Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> (Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực). - Sau khi hồ sơ được tiếp nhận, Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực cấp đổi giấy phép sử dụng tần số trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - Trường hợp từ chối cấp đổi giấy phép, Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực thông báo và nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện:	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i> - <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ:	1. Thành phần hồ sơ: Bản khai thông tin chung và bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.

	2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết:	07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:	Trung tâm Tàn số khu vực
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:	Giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện (theo mẫu tương ứng cho từng loại thiết bị vô tuyến điện tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP)
Lệ phí (nếu có):	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:	Bản khai thông tin chung và bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):	Không
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản

	lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.
--	---

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****Số:****BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG**

- CHÚ Ý:**
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện/ Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực...

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
3.1 Số Căn cước công dân/ Định danh cá nhân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày sinh: Địa chỉ thường trú:	
3.2 Mã số thuế (đối với tổ chức):..... Địa chỉ trụ sở chính:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại/ Email:.....	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Cổng dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY:	
4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.	
4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	
4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.	
4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.	
4.5. kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.
- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.
- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,

115 Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

- | | |
|--|--|
| <p>Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Tp. Hà Nội.
Điện thoại: 024.35564919;
Fax: 024.35564913</p> <p>Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lữ, phường Bình Trưng, Tp. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.37404179;
Fax: 028.37404966</p> <p>Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.
Điện thoại: 0236.3933545;
Fax: 0236.3933707</p> <p>Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.
Điện thoại: 0292.3832760;
Fax: 0292.3887087</p> | <p>Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.
Điện thoại: 0225.3827857/
Fax: 0225.3827420</p> <p>Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.
Điện thoại: 0238.3833511;
Fax: 0238.3849518</p> <p>Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.
Điện thoại: 0258.3892567;
Fax: 0258.3824410.</p> <p>Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.
Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/ 0210.3840504
Fax: 0210. 3840504.</p> |
|--|--|

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

- Bản khai thông tin chung** Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.
- Số:** Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.
- Mục 1.** Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.
- Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.*
Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.
- Mục 1.1.** Kê khai chính xác theo thông tin trên Căn cước công dân/Căn cước đối với cá nhân người Việt Nam/Hộ chiếu đối với cá nhân người nước ngoài.
- Mục 1.2.** Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.
- Mục 1.3.** Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.
- Mục 1.4.** Kê khai số điện thoại/email liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.
- Mục 2.** Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:
- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Công dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.

Mục 3. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

Đánh dấu "X" vào ô "01 lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính.

đóng dấu + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh.

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép.

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

**BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI, GIA HẠN
GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

1. GIA HẠN

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Thời gian đề nghị gia hạn ⁽³⁾	Số giấy phép viễn thông/ Số giấy phép hoạt động báo chí ⁽⁴⁾
...	...	...	

2. CẤP ĐỔI

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Lý do cấp đổi ⁽⁵⁾
...		

Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép

(1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn, cấp đổi.

(2). Mẫu giấy phép: là mẫu theo quy định trên giấy phép đã được cấp (ví dụ: Mẫu 1a; Mẫu 1b, Mẫu 1c,...).

(3). Thời gian đề nghị gia hạn: kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).

(4). Số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí: kê khai số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí nếu giấy phép viễn thông/giấy phép hoạt động được cấp trước đây có thay đổi.

(5). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách, ..

58. Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, cấp giấy phép sử dụng băng tần thông qua thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với tổ chức chưa được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông hoặc tổ chức đề nghị cấp lại giấy kinh doanh dịch vụ viễn thông sử dụng băng tần (giấy phép viễn thông đã được cấp hết hạn 15 năm).

Trình tự thực hiện	I. Bước 1: Nộp hồ sơ thi tuyển Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày <i>Bộ Khoa học và Công nghệ</i> (Cục Tần số vô tuyến điện) thông báo công khai phương án tổ chức thi tuyển, tổ chức phải nộp hồ sơ thi tuyển theo thời gian, phương thức, địa điểm nộp hồ sơ thi tuyển tại phương án tổ chức thi tuyển. II. Bước 2: Mở hồ sơ thi tuyển 1. <i>Bộ Khoa học và Công nghệ</i> (Cục Tần số vô tuyến điện) tổ chức mở hồ sơ thi tuyển theo thời gian và địa điểm tại phương án tổ chức thi tuyển; 2. Các tổ chức tham gia thi tuyển cử đại diện đến tham dự mở hồ sơ thi tuyển. 3. Trình tự mở hồ sơ thi tuyển được thực hiện như sau: a) Thông báo thành phần tham dự; b) Thông báo số lượng hồ sơ thi tuyển và tên các tổ chức tham gia thi tuyển; c) Kiểm tra niêm phong của hồ sơ thi tuyển; d) Mở lần lượt các bộ hồ sơ và ghi vào biên bản mở hồ sơ thi tuyển các thông tin về: tên doanh nghiệp, số lượng bộ hồ sơ gốc và bộ lưu bằng phương tiện điện tử; đ) Thông qua biên bản mở hồ sơ thi tuyển; e) Đại diện của từng tổ chức và đại diện <i>Bộ Khoa học và Công nghệ</i> (Cục Tần số vô tuyến điện) ký xác nhận vào biên bản mở hồ sơ thi tuyển. Bản sao của biên bản mở hồ sơ thi tuyển được gửi cho tất cả các tổ chức tham gia thi tuyển; g) Sau khi mở hồ sơ thi tuyển, đại diện <i>Bộ Khoa học và Công nghệ</i> (Cục Tần số vô tuyến điện) ký xác nhận vào bản gốc của tất cả các hồ sơ thi tuyển và niêm phong 01 bộ hồ sơ bản gốc. Trên giấy niêm phong có chữ ký của đại diện <i>Bộ Khoa học và Công nghệ</i> (Cục Tần số vô tuyến điện) và đại diện của tổ chức tham gia thi tuyển có mặt.
--------------------	--

III. Bước 3: Xác định tổ chức đủ điều kiện tham gia thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện

- Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xác định tổ chức đủ điều kiện tham gia thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, Hội đồng đánh giá hồ sơ thi tuyển chấm điểm hồ sơ thi tuyển được thực hiện trên bản sao.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày mở hồ sơ thi tuyển, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thẩm định trình Bộ trưởng *Bộ Khoa học và Công nghệ* phê duyệt danh sách tổ chức đáp ứng điều kiện tham gia thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện. *Bộ Khoa học và Công nghệ* (Cục Viễn thông) có văn bản thông báo không đáp ứng điều kiện tham gia thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện cho tổ chức nộp hồ sơ thi tuyển nhưng không nằm trong danh sách nêu trên và nêu rõ lý do.

IV. Bước 4: Chấm điểm hồ sơ thi tuyển và xác định tổ chức trúng tuyển

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Bộ trưởng *Bộ Khoa học và Công nghệ* phê duyệt danh sách tổ chức đáp ứng điều kiện tham gia thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, Hội đồng đánh giá hồ sơ thi tuyển có trách nhiệm tổ chức thực hiện chấm điểm hồ sơ thi tuyển và báo cáo kết quả cho *Bộ Khoa học và Công nghệ*.

V. Bước 5: Phê duyệt kết quả trúng tuyển, cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép sử dụng băng tần.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả chấm điểm của Hội đồng đánh giá hồ sơ thi tuyển, Bộ trưởng *Bộ Khoa học và Công nghệ* ra Quyết định phê duyệt kết quả trúng tuyển.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt kết quả trúng tuyển, *Bộ Khoa học và Công nghệ* (Cục Tần số vô tuyến điện) thông báo cho tổ chức trúng tuyển mức thu tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, lệ phí, phí sử dụng tần số vô tuyến điện để được cấp giấy phép sử dụng băng tần; *Bộ Khoa học và Công nghệ* (Cục Viễn thông) thông báo cho tổ chức trúng tuyển lệ phí, phí cấp phép hoạt động viễn thông, để được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

	- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 54 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP, tổ chức đã nộp đủ các khoản tiền quy định tại khoản 3 Điều 30 Nghị định 63/2023/NĐ-CP được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép sử dụng băng tần.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới <i>Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)</i> theo phương thức, thời gian quy định tại phương án tổ chức thi tuyển đã được Bộ Khoa học và Công nghệ thông báo. <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ a) Đơn đăng ký tham gia thi tuyển theo Mẫu 04 quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 63/2023/NĐ-CP; b) Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo quy định của pháp luật về viễn thông đối với băng tần đề nghị cấp lại giấy phép sử dụng băng tần bao gồm: - Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP; - Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài (hoặc giấy chứng nhận, giấy phép tương đương hợp lệ khác theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật về doanh nghiệp) bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền in từ các văn bản điện tử từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc bản sao đối chiếu với bản chính. <i>Cơ quan tiếp nhận, giải</i>

	quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản để yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính. - Bản sao Điều lệ đang có hiệu lực của doanh nghiệp và có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp; - Kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp giấy phép theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP được sửa đổi theo Nghị định số 15/2026/NĐ-CP của Chính phủ. - Tài liệu chứng minh việc góp đủ vốn điều lệ quy định của pháp luật về doanh nghiệp; - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp tới ngày đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP; - Tài liệu chứng minh số tiền đã đầu tư để thiết lập mạng viễn thông trong trường hợp đã đầu tư thiết lập mạng viễn thông trước đó và cần xét đáp ứng quy định về vốn đầu tư trong điều kiện về triển khai mạng viễn thông. - Bản cam kết triển khai mạng viễn thông theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định Nghị định 63/2023/NĐ-CP. c) Cam kết đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 18a Luật Tần số vô tuyến điện được bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện; d) Tài liệu khác theo yêu cầu của phương án tổ chức thi tuyển. 2. Số lượng hồ sơ: 02 bộ gốc kèm bản lưu điện tử.
Thời hạn giải quyết	20 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định tại điểm a khoản 3

	Điều 54 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP, tổ chức đã nộp đủ các khoản tiền quy định tại khoản 3 Điều 30 Nghị định 63/2023/NĐ-CP được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép sử dụng băng tần.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức đề nghị cấp giấy phép sử dụng băng tần thông qua hình thức thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	- Cơ quan chủ trì cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông: Cục Viễn thông; cơ quan phối hợp: Cục Tần số vô tuyến điện. - Cơ quan chủ trì cấp giấy phép sử dụng băng tần: Cục Tần số vô tuyến điện; cơ quan phối hợp: Cục Viễn thông.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông. Giấy phép sử dụng băng tần.
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Đơn đăng ký tham gia thi tuyển theo Mẫu 04 quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 63/2023/NĐ-CP; - Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP. - Kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp giấy phép theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP được sửa đổi theo <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i> của Chính phủ. - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp tới ngày đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP - Bản cam kết triển khai mạng viễn thông theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 63/2023/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm. Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện.

	Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện. Đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính về viễn thông, tần số vô tuyến điện theo quy định của pháp luật. Điều kiện để được cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng sử dụng băng tần được cấp phép sử dụng thông qua thi tuyển như sau: - Đáp ứng điều kiện cấp lại hoặc sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo quy định của pháp luật về viễn thông;” - Kế hoạch kinh doanh, kế hoạch kỹ thuật sử dụng băng tần được cấp phép thông qua thi tuyển xây dựng chung cho các hoạt động kinh doanh dịch vụ viễn thông tại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và phù hợp với yêu cầu cam kết triển khai mạng viễn thông của băng tần được cấp phép thông qua thi tuyển; - Cam kết đáp ứng điều kiện triển khai mạng viễn thông đối với băng tần được cấp phép thông qua thi tuyển.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022. - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều và hướng dẫn thi hành Luật viễn thông. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ

	trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/06/2025 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông. - Thông tư số 03/2018/TT-BTC ngày 12/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 273/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i>
--	---

Mẫu 04 quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 63/2023/NĐ-CP

DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(Tên công ty)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐĂNG KÝ THAM GIA THI TUYỂN

Kính gửi: *Bộ Khoa học và Công nghệ*

Sau khi nghiên cứu các nội dung quy định tại Phương án tổ chức thi tuyển do *Bộ Khoa học và Công nghệ* phê duyệt (tại Quyết định số ngày....),

(Tên doanh nghiệp):

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Đăng ký tham gia thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với khối băng tần/kênh tần số

Nếu trúng tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện khối băng tần/kênh tần số....., (tên doanh nghiệp) cam kết triển khai mạng viễn thông theo Bản cam kết tại Hồ sơ thi tuyển và chấp hành quy định pháp luật về viễn thông và tần số vô tuyến điện.

Kèm theo Đơn đăng ký này là các tài liệu được chuẩn bị theo yêu cầu của Phương án tổ chức thi tuyển do Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt.

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong Đơn đăng ký này và các hồ sơ, tài liệu kèm theo.

Nơi nhận:

- Như trên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

TÊN DOANH NGHIỆP

Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 63/2013/NĐ-CP
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng năm ...

BẢN CAM KẾT TRIỂN KHAI MẠNG VIỄN THÔNG
SAU KHI TRÚNG ĐẦU GIÁ/THI TUYỂN/CẤP LẠI
QUYỀN SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN ĐỐI VỚI BĂNG TẦN

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ.

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư):

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: do cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ..., thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm

Điện thoại: Fax: Website

Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15, Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 Quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15; Luật Viễn thông và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Viễn thông; Quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt Phương án tổ chức (đấu giá/thi tuyển) quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với (băng tần) /hoặc thông báo của Bộ Khoa học và Công nghệ về yêu cầu cam kết triển khai mạng viễn thông đối với băng tần được cấp lại giấy phép, (Doanh nghiệp) cam kết triển khai mạng viễn thông sau khi (trúng đấu giá/ thi tuyển/ được cấp lại) quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với băng tần (khối băng tần) như sau:

TT	Tiêu chí	Nội dung triển khai
1	Tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới hoặc số lượng trạm phát sóng vô tuyến điện phải triển khai	
2	Vùng phủ sóng tính theo dân số hoặc theo khu vực địa lý	
3	Thời điểm chính thức cung cấp dịch vụ viễn thông tính từ thời điểm cấp phép	
4	Chất lượng dịch vụ viễn thông	
5	Chuyển vùng dịch vụ viễn thông	

Doanh nghiệp cam kết như sau: chịu trách nhiệm về nội dung đã cam kết trên đây và sẽ chịu xử lý theo quy định của pháp luật nếu vi phạm trong việc thực hiện nội dung cam kết nêu trên.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng phụ thuộc vào quy định và phương án tổ chức đấu giá/thi tuyển hoặc yêu cầu khi cấp lại của băng tần cụ thể.

TÊN DOANH NGHIỆP _____

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNGKính gửi: *Bộ Khoa học và Công nghệ* (Cục Viễn thông).

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

- Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)
- Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: do cấp lần đầu ngày ... tháng..... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại
- Điện thoại: Fax: Website

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép

☐ **Đề nghị cấp giấy phép lần đầu:** (Mô tả tóm tắt các thông tin về lý do, nhu cầu kinh doanh cần thiết phải đề nghị cấp giấy phép)

1. Loại giấy phép đề nghị được cấp phép:

- ☐ Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng (Điền tên dịch vụ, mạng theo quy định tại các Điều 4, Điều 5 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn Nghị định).
- ☐ Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng (Điền tên dịch vụ theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn Nghị định).

2. Thời hạn đề nghị cấp phép: ... năm ... tháng.

☐ Đề nghị cấp lại giấy phép:

1. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được cấp lại:

Giấy phép (tên giấy phép) số ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

2. Lý do đề nghị cấp lại giấy phép: (Mô tả tóm tắt các thông tin về lý do, nhu cầu kinh doanh cần thiết phải đề nghị cấp lại giấy phép)

- ☐ Cấp lại do giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông hết hạn.
- ☐ Cấp lại do thay đổi nội dung giấy phép thuộc trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 37 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

☐ Cấp lại do thay đổi nội dung giấy phép thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

☐ Cấp lại do thuộc trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 38 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

3. Thời hạn đề nghị cấp lại giấy phép: ... năm ... tháng.

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.

2.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.
2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.
3. Nếu được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

**KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ KỸ THUẬT TRONG 05 NĂM ĐẦU TIÊN KỂ
TỪ NGÀY ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP**

Từ tháng... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

PHẦN 1. KẾ HOẠCH KINH DOANH TRONG 05 NĂM ĐẦU TIÊN**I. Dự báo và phân tích thị trường**

1. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty, mục tiêu đặt ra cho 3 năm đầu tiên, 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
2. Phân tích đối thủ cạnh tranh chính.
3. Phân tích năng lực của công ty.
4. Phân tích thách thức khi tham gia thị trường.

II. Thông tin về doanh nghiệp

1. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp, trụ sở chính, chi nhánh và các công ty con, công ty thành viên (nếu có).
2. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp.

Họ và tên	Giới tính	Vị trí trong doanh nghiệp	Số căn cước/số hộ chiếu Nơi cấp, ngày cấp, ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ liên lạc

3. Danh sách các tổ chức, cá nhân sở hữu từ 20% vốn điều lệ của doanh nghiệp (tại thời điểm nộp hồ sơ, cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp).

TT	Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/ số căn cước/số hộ chiếu	Ngày cấp, nơi cấp và ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ giao dịch/ địa chỉ liên lạc	Tổng số vốn góp (trị giá bằng tiền và trị giá bằng % vốn điều lệ của doanh nghiệp)
1				
2				
3				
4				

Doanh nghiệp bổ sung tài liệu có liên quan trong trường hợp cần làm rõ các thông

tin về cơ cấu tổ chức, sở hữu của tổ chức, cá nhân trong doanh nghiệp, quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật, thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát của doanh nghiệp.

4. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty.

5. Mục tiêu đặt ra cho 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

6. Kế hoạch tuyển dụng nhân sự, năng lực của nhân sự: Năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật, kinh nghiệm kinh doanh của nhân sự trong lĩnh vực đề nghị cấp phép hoặc khả năng tuyển dụng/thuê mượn nguồn nhân lực có kinh nghiệm/kỹ năng cần thiết.

III. Kế hoạch kinh doanh trong 5 năm đầu tiên

Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng:

1. Loại mạng viễn thông công cộng và phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng.

2. Loại hình dịch vụ viễn thông, phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.

3. Kế hoạch thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

- a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
- b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
- c) Kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (nhà, trạm, cột, cống, bể cáp,...) để thiết lập mạng;
- d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- đ) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- e) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

4. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

5. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

6. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

7. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

8. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

Đối với hồ sơ đề nghị cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Dịch vụ viễn thông dự kiến cung cấp. Phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.

2. Kế hoạch cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được Giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

- a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
- b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
- c) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- đ) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

3. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

4. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

5. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

6. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

7. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

PHẦN 2. KẾ HOẠCH KỸ THUẬT TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Cấu hình mạng viễn thông

a) Cấu hình mạng viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Tổng thể cơ sở hạ tầng viễn thông (trong nước, quốc tế): dung lượng mạng, kế hoạch truyền dẫn, kế hoạch chuyển mạch, kế hoạch định tuyến, kế hoạch báo hiệu, kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng

Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị, chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác*).

3. Năng lực mạng viễn thông và thiết bị viễn thông

Phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng khi bắt đầu hoạt động và kế hoạch phát triển cho 5 năm đầu tiên; dung lượng ban đầu; dự kiến nâng cấp, mở rộng dung lượng trong các năm tiếp theo cho đến hết thời hạn của giấy phép.

4. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tần số vô tuyến điện cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

5. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

6. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng mạng lưới

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông/cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

7. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

8. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập, dự kiến thuê của doanh nghiệp viễn thông

a) Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm trong 05 năm đầu tiên, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị;

c) Dự kiến thuê mạng viễn thông, thiết bị viễn thông của doanh nghiệp viễn thông.

2. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

3. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống thiết bị để cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Chất lượng dịch vụ viễn thông tối thiểu;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

5. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

6. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép
kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi: *Bộ Khoa học và Công nghệ* (Cục Viễn thông).

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạngdo...cấp ngày...tháng...năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Dung lượng mạng

Chi tiết và năng lực truyền dẫn, chuyển mạch, định tuyến, báo hiệu, hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng viễn thông

a) Vị trí lắp đặt thiết bị;

b) Chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm cổng quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác, số thuê bao viễn thông đã được cấp và đưa vào sử dụng, tần số vô tuyến điện cần sử dụng...*).

3. Phạm vi phủ sóng của mạng viễn thông

Phạm vi phủ sóng phát triển qua từng năm.

4. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

5. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

d) Các vấn đề khác (nếu có).

6. Kết nối viễn thông

a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

7. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- a) Công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông công cộng;
 - b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;
 - c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu;
 - d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.
8. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.
9. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ.
- Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.
10. Báo cáo tài chính
- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.
11. Nhân lực
- Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.
12. Kết quả đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông
- Số tiền đã đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông.

Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

- 1. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.
 - 2. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp
 - a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;
 - b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;
 - c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;
 - d) Các vấn đề khác (nếu có).
 - 3. Kết nối viễn thông
 - a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;
 - b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.
 - 4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ
 - a) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;
 - b) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.
 - 5. Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.
 - 6. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.
 - 7. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ
- Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.
- 8. Báo cáo tài chính
- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

9. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.
Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

CAM KẾT THỰC HIỆN**ĐIỀU KIỆN VỀ TRIỂN KHAI MẠNG VIỄN THÔNG**

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

Kính gửi: *Bộ Khoa học và Công nghệ* (Cục Viễn thông).

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư): ...

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ..., *đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tại*

Điện thoại: Fax: Website

1. Chấp hành Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023, Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông, (*tên doanh nghiệp*):

2. Cam kết thực hiện đúng các quy định tại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng.

3. Trong vòng 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép, cam kết đầu tư với tổng số vốn đầu tư là ... để thiết lập mạng viễn thông theo quy định tại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được cấp.

(Tên doanh nghiệp) chịu trách nhiệm về nội dung đã cam kết trên đây và sẽ chịu xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật về viễn thông và quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính nếu vi phạm thực hiện giấy phép.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

59. Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, cấp giấy phép sử dụng băng tần thông qua thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với tổ chức đã được cấp phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sử dụng băng tần (giấy phép viễn thông còn hiệu lực).

Trình tự thực hiện	I. Bước 1: Nộp hồ sơ thi tuyển - Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày <i>Bộ Khoa học và Công nghệ</i> (Cục Tần số vô tuyến điện) thông báo công khai phương án tổ chức thi tuyển, tổ chức phải nộp hồ sơ thi tuyển theo thời gian, phương thức, địa điểm nộp hồ sơ thi tuyển tại phương án tổ chức thi tuyển. II. Bước 2: Mở hồ sơ thi tuyển 1. <i>Bộ Khoa học và Công nghệ</i> (Cục Tần số vô tuyến điện) tổ chức mở hồ sơ thi tuyển theo thời gian và địa điểm tại phương án tổ chức thi tuyển; Các tổ chức tham gia thi tuyển cử đại diện đến tham dự mở hồ sơ thi tuyển. 2. Các tổ chức tham gia thi tuyển cử đại diện đến tham dự mở hồ sơ thi tuyển. 3. Trình tự mở hồ sơ thi tuyển được thực hiện như sau: a) Thông báo thành phần tham dự; b) Thông báo số lượng hồ sơ thi tuyển và tên các tổ chức tham gia thi tuyển; c) Kiểm tra niêm phong của hồ sơ thi tuyển; d) Mở lần lượt các bộ hồ sơ và ghi vào biên bản mở hồ sơ thi tuyển các thông tin về: tên doanh nghiệp, số lượng bộ hồ sơ gốc và bộ lưu bằng phương tiện điện tử; đ) Thông qua biên bản mở hồ sơ thi tuyển; e) Đại diện của từng tổ chức và đại diện <i>Bộ Khoa học và Công nghệ</i> (Cục Tần số Vô tuyến điện) ký xác nhận vào biên bản mở hồ sơ thi tuyển. Bản sao của biên bản mở hồ sơ thi tuyển được gửi cho tất cả các tổ chức tham gia thi tuyển; g) Sau khi mở hồ sơ thi tuyển, đại diện <i>Bộ Khoa học và Công nghệ</i> (Cục Tần số vô tuyến điện) ký xác nhận vào bản gốc của tất cả các hồ sơ thi tuyển và niêm phong 01 bộ hồ sơ bản gốc. Trên giấy niêm phong có chữ ký của đại diện <i>Bộ Khoa học và Công nghệ</i> (Cục Tần số vô tuyến điện) và đại diện của tổ chức tham gia thi tuyển có mặt.
--------------------	---

III. Bước 3: Xác định tổ chức đủ điều kiện tham gia thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện

Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xác định tổ chức đủ điều kiện tham gia thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, Hội đồng đánh giá hồ sơ thi tuyển chấm điểm hồ sơ thi tuyển được thực hiện trên bản sao.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày mở hồ sơ thi tuyển, *Bộ Khoa học và Công nghệ* (Cục Viễn thông) thẩm định trình Bộ trưởng *Bộ Khoa học và Công nghệ* phê duyệt danh sách tổ chức đáp ứng điều kiện tham gia thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện. *Bộ Khoa học và Công nghệ* (Cục Viễn thông) có văn bản thông báo không đáp ứng điều kiện tham gia thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện cho tổ chức nộp hồ sơ thi tuyển nhưng không nằm trong danh sách nêu trên và nêu rõ lý do.

IV. Bước 4: Chấm điểm hồ sơ thi tuyển và xác định tổ chức trúng tuyển

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày *Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ* phê duyệt danh sách tổ chức đáp ứng điều kiện tham gia thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, Hội đồng đánh giá hồ sơ thi tuyển có trách nhiệm tổ chức thực hiện chấm điểm hồ sơ thi tuyển và báo cáo kết quả cho *Bộ Khoa học và Công nghệ*.

V. Bước 5: Phê duyệt kết quả trúng tuyển, cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép sử dụng băng tần.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả chấm điểm của Hội đồng đánh giá hồ sơ thi tuyển, Bộ trưởng *Bộ Khoa học và Công nghệ* ra Quyết định phê duyệt kết quả trúng tuyển.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt kết quả trúng tuyển, *Bộ Khoa học và Công nghệ* (Cục Tần số vô tuyến điện) thông báo cho tổ chức trúng tuyển mức thu tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, lệ phí, phí sử dụng tần số vô tuyến điện để được cấp giấy phép sử dụng băng tần; *Bộ Khoa học và Công nghệ* (Cục Viễn thông) thông báo cho tổ chức trúng tuyển lệ phí, phí cấp phép hoạt động viễn thông, để được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định tại

	điểm a khoản 3 Điều 54 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP, tổ chức đã nộp đủ các khoản tiền quy định tại khoản 3 Điều 30 Nghị định 63/2023/NĐ-CP được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép sử dụng băng tần.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới <i>Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)</i> theo phương thức, thời gian quy định tại phương án tổ chức thi tuyển đã được Bộ Khoa học và Công nghệ thông báo. (Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ: + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ a) Đơn đăng ký tham gia thi tuyển theo Mẫu 04 quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 63/2023/NĐ-CP; b) Hồ sơ đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo quy định của pháp luật về viễn thông đối với băng tần đề nghị cấp lại giấy phép sử dụng băng tần bao gồm: - Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP; - Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài (hoặc giấy chứng nhận, giấy phép tương đương hợp lệ khác theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật về doanh nghiệp) bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền in từ các văn bản điện tử từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc bản sao đối chiếu với bản chính. <i>Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu</i>

	<i>công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính.</i> - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kể từ ngày được cấp giấy phép đến ngày nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP; - Kế hoạch kinh doanh và kế hoạch kỹ thuật sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP được sửa đổi theo <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP của Chính phủ.</i> c) Bản cam kết triển khai mạng viễn thông theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 63/2023/NĐ-CP 2. Số lượng hồ sơ: 02 bộ gốc kèm bản lưu điện tử.
Thời hạn giải quyết	20 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 54 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP, tổ chức đã nộp đủ các khoản tiền quy định tại khoản 3 Điều 30 Nghị định 63/2023/NĐ-CP được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép sử dụng băng tần.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức đề nghị cấp giấy phép sử dụng băng tần thông qua hình thức thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	- Cơ quan chủ trì cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông: Cục Viễn thông; cơ quan phối hợp: Cục Tần số vô tuyến điện; - Cơ quan chủ trì cấp giấy phép sử dụng băng tần: Cục Tần số vô tuyến điện; cơ quan phối hợp: Cục Viễn thông.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	- Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông. - Giấy phép sử dụng băng tần.
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Đơn đăng ký tham gia thi tuyển theo Mẫu 04 quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 63/2023/NĐ-CP.

	- Bản cam kết triển khai mạng viễn thông sau khi trúng tuyển theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 63/2013/NĐ-CP. - Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP; - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kể từ ngày được cấp giấy phép đến ngày nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP; - Kế hoạch kinh doanh và kế hoạch kỹ thuật sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP <i>được sửa đổi theo Nghị định số 15/2026/NĐ-CP của Chính phủ.</i>
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết khiếu nại có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện; Đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính về viễn thông, tần số vô tuyến điện theo quy định của pháp luật; Điều kiện để được cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông sử dụng băng tần được cấp phép sử dụng thông qua thi tuyển như sau: - Đáp ứng điều kiện cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo quy định của pháp luật về viễn thông; - Kế hoạch kinh doanh, kế hoạch kỹ thuật sử dụng băng tần được cấp phép thông qua thi tuyển xây dựng chung cho các hoạt động kinh doanh dịch vụ viễn thông tại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và phù hợp với yêu cầu cam kết triển khai mạng viễn thông của băng tần được cấp phép thông qua thi tuyển;

	- Cam kết đáp ứng điều kiện triển khai mạng viễn thông đối với băng tần được cấp phép thông qua thi tuyển.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023; - Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật viễn thông. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/06/2025 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông. - Thông tư số 03/2018/TT-BTC ngày 12/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 273/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i>

Mẫu 04 quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 63/2023/NĐ-CP

DOANH NGHIỆP

(Tên công ty)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐĂNG KÝ THAM GIA THI TUYỂN

Kính gửi: *Bộ Khoa học và Công nghệ*

Sau khi nghiên cứu các nội dung quy định tại Phương án tổ chức thi tuyển do Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt (tại Quyết định số ngày....),

(Tên doanh nghiệp):

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Đăng ký tham gia thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với khối băng tần/kênh tần số

Nếu trúng tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện khối băng tần/kênh tần số....., (tên doanh nghiệp) cam kết triển khai mạng viễn thông theo Bản cam kết tại Hồ sơ thi tuyển và chấp hành quy định pháp luật về viễn thông và tần số vô tuyến điện.

Kèm theo Đơn đăng ký này là các tài liệu được chuẩn bị theo yêu cầu của Phương án tổ chức thi tuyển do *Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt*.

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong Đơn đăng ký này và các hồ sơ, tài liệu kèm theo.

Nơi nhận:

Như trên;

...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

TÊN DOANH NGHIỆP

Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 63/2013/NĐ-CP
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng năm ...

**BẢN CAM KẾT TRIỂN KHAI MẠNG VIỄN THÔNG
 SAU KHI TRÚNG ĐẦU GIÁ/THI TUYỂN/CẤP LẠI
 QUYỀN SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN ĐỐI VỚI BĂNG TẦN**

Kính gửi: *Bộ Khoa học và Công nghệ.*

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư):

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: do cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ..., thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm

Điện thoại:..... Fax: Website

Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15, Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 Quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15; Luật Viễn thông và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Viễn thông; Quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt Phương án tổ chức (*đấu giá/thi tuyển*) quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với (băng tần) /hoặc thông báo của Bộ Khoa học và Công nghệ về yêu cầu cam kết triển khai mạng viễn thông đối với băng tần được cấp lại giấy phép, (Doanh nghiệp) cam kết triển khai mạng viễn thông sau khi (*trúng đấu giá/ thi tuyển/ được cấp lại*) quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với băng tần (*khối băng tần*) như sau:

TT	Tiêu chí	Nội dung triển khai
1	Tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới hoặc số lượng trạm phát sóng vô tuyến điện phải triển khai	
2	Vùng phủ sóng tính theo dân số hoặc theo khu vực địa lý	
3	Thời điểm chính thức cung cấp dịch vụ viễn thông tính từ thời điểm cấp phép	
4	Chất lượng dịch vụ viễn thông	
5	Chuyển vùng dịch vụ viễn thông	

Doanh nghiệp cam kết như sau: chịu trách nhiệm về nội dung đã cam kết trên đây và sẽ chịu xử lý theo quy định của pháp luật nếu vi phạm trong việc thực hiện nội dung cam kết nêu trên.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
 CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng phụ thuộc vào quy định và phương án tổ chức đấu giá/thi tuyển hoặc yêu cầu khi cấp lại của băng tần cụ thể.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép
kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi: *Bộ khoa học và Công nghệ* (Cục Viễn thông).

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạngdo...cấp ngày...tháng...năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Dung lượng mạng

Chi tiết và năng lực truyền dẫn, chuyển mạch, định tuyến, báo hiệu, hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng viễn thông

a) Vị trí lắp đặt thiết bị;

b) Chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác, số thuê bao viễn thông đã được cấp và đưa vào sử dụng, tần số vô tuyến điện cần sử dụng...*).

3. Phạm vi phủ sóng của mạng viễn thông

Phạm vi phủ sóng phát triển qua từng năm.

4. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

5. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

....., ngày tháng năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Kính gửi: *Bộ khoa học và Công nghệ* (Cục Viễn thông).

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

.....

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư):

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do..... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

5. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được sửa đổi bổ sung:

Giấy phép (tên giấy phép) số ... cấp ngày ... tháng ... năm...

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép

Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung:

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.....

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

**KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ KỸ THUẬT TRONG 05 NĂM ĐẦU TIÊN KỂ
TỪ NGÀY ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP**

Từ tháng... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

PHẦN 1. KẾ HOẠCH KINH DOANH TRONG 05 NĂM ĐẦU TIÊN**I. Dự báo và phân tích thị trường**

1. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty, mục tiêu đặt ra cho 3 năm đầu tiên, 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
2. Phân tích đối thủ cạnh tranh chính.
3. Phân tích năng lực của công ty.
4. Phân tích thách thức khi tham gia thị trường.

II. Thông tin về doanh nghiệp

1. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp, trụ sở chính, chi nhánh và các công ty con, công ty thành viên (nếu có).

2. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp.

Họ và tên	Giới tính	Vị trí trong doanh nghiệp	Số căn cước/số hộ chiếu Nơi cấp, ngày cấp, ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ liên lạc

3. Danh sách các tổ chức, cá nhân sở hữu từ 20% vốn điều lệ của doanh nghiệp (tại thời điểm nộp hồ sơ, cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp).

TT	Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/ số căn cước/số hộ chiếu	Ngày cấp, nơi cấp và ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ giao dịch/ địa chỉ liên lạc	Tổng số vốn góp (trị giá bằng tiền và trị giá bằng % vốn điều lệ của doanh nghiệp)
1				
2				
3				
4				

Doanh nghiệp bổ sung tài liệu có liên quan trong trường hợp cần làm rõ các thông

tin về cơ cấu tổ chức, sở hữu của tổ chức, cá nhân trong doanh nghiệp, quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật, thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát của doanh nghiệp.

4. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty.

5. Mục tiêu đặt ra cho 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

6. Kế hoạch tuyển dụng nhân sự, năng lực của nhân sự: Năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật, kinh nghiệm kinh doanh của nhân sự trong lĩnh vực đề nghị cấp phép hoặc khả năng tuyển dụng/thuê mượn nguồn nhân lực có kinh nghiệm/kỹ năng cần thiết.

III. Kế hoạch kinh doanh trong 5 năm đầu tiên

Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng:

1. Loại mạng viễn thông công cộng và phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng.

2. Loại hình dịch vụ viễn thông, phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.

3. Kế hoạch thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;

b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;

c) Kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (nhà, trạm, cột, cống, bể cáp,...) để thiết lập mạng;

d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);

đ) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;

e) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

4. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thỏa thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

5. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

6. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

7. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

8. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

Đối với hồ sơ đề nghị cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Dịch vụ viễn thông dự kiến cung cấp. Phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.

2. Kế hoạch cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được Giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

- a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
- b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
- c) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- đ) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

3. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thỏa thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

4. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

5. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

6. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

7. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

PHẦN 2. KẾ HOẠCH KỸ THUẬT TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Cấu hình mạng viễn thông

a) Cấu hình mạng viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Tổng thể cơ sở hạ tầng viễn thông (trong nước, quốc tế): dung lượng mạng, kế hoạch truyền dẫn, kế hoạch chuyển mạch, kế hoạch định tuyến, kế hoạch báo hiệu, kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng

Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị, chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác*).

3. Năng lực mạng viễn thông và thiết bị viễn thông

Phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng khi bắt đầu hoạt động và kế hoạch phát triển cho 5 năm đầu tiên; dung lượng ban đầu; dự kiến nâng cấp, mở rộng dung lượng trong các năm tiếp theo cho đến hết thời hạn của giấy phép.

4. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tần số vô tuyến điện cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

5. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

6. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng mạng lưới

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông/cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

7. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

8. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập, dự kiến thuê của doanh nghiệp viễn thông

a) Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm trong 05 năm đầu tiên, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị;

c) Dự kiến thuê mạng viễn thông, thiết bị viễn thông của doanh nghiệp viễn thông.

2. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

3. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống thiết bị để cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Chất lượng dịch vụ viễn thông tối thiểu;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

5. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

6. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

60. Thủ tục cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với doanh nghiệp được triển khai thí điểm có kiểm soát dịch vụ viễn thông sử dụng công nghệ vệ tinh quỹ đạo tầm thấp.

Trình tự thực hiện:	- Doanh nghiệp nộp đến <i>Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> (Cục Tần số vô tuyến điện) 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với doanh nghiệp được triển khai thí điểm có kiểm soát dịch vụ viễn thông sử dụng công nghệ vệ tinh quỹ đạo tầm thấp. - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện thông báo, hướng dẫn doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Cục Tần số vô tuyến điện cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với doanh nghiệp được triển khai thí điểm có kiểm soát dịch vụ viễn thông sử dụng công nghệ vệ tinh quỹ đạo tầm thấp hoặc từ chối cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép và nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện:	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đối mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i> - <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ:	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 88/2025/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết:	14 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện thủ	Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông sử dụng công nghệ vệ tinh quỹ đạo tầm thấp (Theo khoản 1, Điều 13, Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội).

tục hành chính:	
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với doanh nghiệp được triển khai thí điểm có kiểm soát dịch vụ viễn thông sử dụng công nghệ vệ tinh quỹ đạo tầm thấp (theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 88/2025/NĐ-CP).
Lệ phí (nếu có):	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục):	Bản khai đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 88/2025/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):	- Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện tử theo quy định. - Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện. - Tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật và khai thác theo quy định của Liên minh viễn thông quốc tế đối với hoạt động của vệ tinh phi địa tĩnh. - Thực hiện phối hợp với các hệ thống vệ tinh mà Việt Nam đã đăng ký hoặc sẽ đăng ký với Liên minh Viễn thông quốc tế; không gây cản trở hoặc ảnh hưởng bất lợi đến việc triển khai trong tương lai hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh của Việt Nam. - Việc sử dụng tần số phải bảo đảm không gây nhiễu có hại cho và không được bảo vệ khỏi nhiễu từ các thiết bị vô tuyến điện được cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện tại Việt Nam và các hệ thống thông tin liên lạc phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh; trường hợp gây nhiễu có hại phải ngừng ngay việc sử dụng cho đến khi khắc phục được nhiễu có hại. Việc sử dụng tần số và xử lý nhiễu có hại giữa các hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh thực hiện theo quy định của Liên minh Viễn thông quốc tế. - Lưu trữ, cung cấp thông tin về thông số kỹ thuật, khai thác của thiết bị vô tuyến điện bao gồm cả vị trí của thiết bị cố định, khu vực hoạt động và số đăng ký của phương tiện đặt thiết bị khi có yêu cầu của cơ quan quản lý. - Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:	- Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 09/2022/QH15 ngày 09 tháng 11 năm 2022. - Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. - Nghị định số 88/2025/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 (Thông tư số 265/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung). - Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i>
---	--

Mẫu số 05. Bản khai đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

**BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ
VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện.

1. TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ		
1.1. Mã số thuế (đối với tổ chức):		
Địa chỉ trụ sở chính:		
Cơ quan quản lý thuế:		
1.2. Địa chỉ liên lạc:		
1.3. Số điện thoại liên hệ:		
1.4. Email:		
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Trực tuyến	
3. ĐÀU MỐI LIÊN LẠC TRONG TRƯỜNG HỢP XẢY RA NHIỀU CÓ HẠI		
3.1. Điện thoại:		
3.2. Email:		
4. BẢN KHAI	☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số.....	
5. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG THEO QUY ĐỊNH	Số: . Ngày cấp: Ngày hết hạn:	
6. CÁC LOẠI THIẾT BỊ ĐÀU CUỐI		
LOẠI THIẾT BỊ THỨ... (NHẤT, HAI,...)	☐ Cố định ☐ Di động	
a) Tên thiết bị		
b) Công suất phát lớn nhất (W)/EIRP lớn nhất (dBW)		
c) Dải tần phát (MHz)	Từ (MHz) đến (MHz)	
d) Dải tần thu (MHz)	Từ (MHz) đến (MHz)	
đ) Ký hiệu phát xạ		
e) Ăng ten	Kích thước (cm)	
	Hệ số khuếch đại (dBi)	Phát: /Thu:
	Phân cực phát	
	Phân cực thu	
	Góc ngảng nhỏ nhất (°) đối với thiết bị đặt cố định trên mặt đất	
7. THÔNG TIN VỀ VỆ TINH (ĐÀI KHÔNG GIAN)		
7.1. Tên đăng ký của vệ tinh với ITU:		
7.2. Tên thương mại của vệ tinh:		
7.3. Số hồ sơ đăng ký với ITU:		
8. CÁC THÔNG TIN KHÁC		
9. TỔ CHỨC ... CAM KẾT:		
9.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ theo quy định.		

- 9.2. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.
- 9.3. Tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật và khai thác theo quy định của Liên minh viễn thông quốc tế đối với hoạt động của vệ tinh phi địa tĩnh.
- 9.4. Thực hiện phối hợp với các hệ thống vệ tinh mà Việt Nam đã đăng ký hoặc sẽ đăng ký với Liên minh Viễn thông quốc tế; không gây cản trở hoặc ảnh hưởng bất lợi đến việc triển khai trong tương lai hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh của Việt Nam.
- 9.5. Việc sử dụng tần số phải bảo đảm không gây nhiễu có hại cho và không được bảo vệ khỏi nhiễu từ các thiết bị vô tuyến, điện được cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện tại Việt Nam và các hệ thống thông tin liên lạc phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh; trường hợp gây nhiễu có hại phải ngừng ngay việc sử dụng cho đến khi khắc phục được nhiễu có hại. Việc sử dụng tần số và xử lý nhiễu có hại giữa các hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh thực hiện theo quy định của Liên minh Viễn thông quốc tế.
- 9.6. Lưu trữ, cung cấp thông tin về thông số kỹ thuật, khai thác của thiết bị vô tuyến điện bao gồm cả vị trí của thiết bị cố định, khu vực hoạt động và số đăng ký của phương tiện đặt thiết bị khi có yêu cầu của cơ quan quản lý.
- 9.7. kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

....., ngày tháng năm

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

*(Chữ ký của người có thẩm quyền
đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)*

Họ và tên

B. Thủ tục hành chính cấp tỉnh

1. Thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá

Trình tự thực hiện:	- Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá quy định khoản 1 Mục I Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Cách thức thực hiện:	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).
Thành phần, số lượng hồ sơ:	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai thông tin chung và bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1c đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá quy định tại khoản 1 và khoản 3 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết:	- 11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. (Việc cấp giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương bất kỳ thực hiện).
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1c quy định tại khoản 7 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP)
Lệ phí (nếu có):	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Bản khai thông tin chung và bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1c quy định tại khoản 1 và khoản 3 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: **BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG**

- CHÚ Ý**
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi:

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số Định danh cá nhân/Căn cước công dân/Hộ chiếu (đối với cá nhân):	
Ngày sinh:	
Địa chỉ thường trú:	
1.2. Mã số thuế (đối với tổ chức):	
Địa chỉ trụ sở chính:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại liên hệ:	
1.5. Email :	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY:	
4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.	
4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	
4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.	
4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.	
4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày tháng năm

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.
- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Bản khai thông tin chung Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 1.5. Kê khai email của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong bốn hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu “X” vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên,
đóng dấu

- Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

+ Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

Mẫu bản khai 1c

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1c

Áp dụng đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số

Tờ số:/tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. TÊN CHỦ TÀU CÁ				
2. SỐ ĐĂNG KÝ TÀU CÁ				
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)				
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:				
4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN HOẠT ĐỘNG TRÊN CÁC BẢNG TÀN QUY HOẠCH CHO PHƯƠNG TIỆN NGHỀ CÁ				
LOẠI THIẾT BỊ (MF, HF, VHF)	TÊN THIẾT BỊ	CÔNG SUẤT PHÁT (W)	DẢI TẦN HOẠT ĐỘNG từ... đến... (MHz)	THÔNG TIN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
				☐ Bổ sung ☐ Hủy Bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị
				☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị
				☐ Bổ sung ☐ Hủy Bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị
5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN GIÁM SÁT HÀNH TRÌNH TÀU CÁ QUA VỆ TINH				
5.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất		 /		
5.2. Dải tần số phát đề nghị (MHz)		từ đến (MHz)		
5.3. Dải tần số thu đề nghị (MHz)		từ đến (MHz)		
5.4. Tên vệ tinh liên lạc				
5.5. Vị trí quỹ đạo của vệ tinh (°)				
5.6. Thông tin sửa đổi, bổ sung		☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị		
6. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)				

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1c

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá

- Đánh dấu “X” vào ô “Cấp” nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép hoặc đánh dấu “X” vào ô “Sửa đổi, bổ sung” và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Mỗi tàu cá kê khai trong một tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai cho nhiều tàu cá. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của từng tờ kèm theo tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1c.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1c khi đề nghị cấp.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1c khi bổ sung, sửa đổi. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. TÊN CHỦ TÀU CÁ

Ghi tên chủ của tàu cá.

2. SỐ ĐĂNG KÝ TÀU CÁ

Ghi số đăng ký tàu cá.

3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026” (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN HOẠT ĐỘNG TRÊN CÁC BẢNG TẦN QUY HOẠCH CHO ĐÀI VÔ TUYẾN ĐIỆN ĐẶT TRÊN PHƯƠNG TIỆN NGHỀ CÁ

- Kê khai loại thiết bị, ví dụ: MF/HF, VHF,...

- Kê khai tên của thiết bị, ví dụ: Yeasu FT-450, Vertex VX-1700,...

- Kê khai công suất phát theo thiết kế chế tạo của thiết bị của thiết bị theo đơn vị Watt (W)

- Kê khai dải tần số phát, thu mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

Chỉ kê khai đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép liên quan đến các trường thông tin thuộc Mục 4

+ Đánh dấu “X” vào ô “Bổ sung” đối với trường hợp thêm thiết bị mới vào mạng và khai đầy đủ các thông số thuộc mục 4.

+ Đánh dấu “X” vào ô “Hủy bỏ” đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ tên thiết bị.

+ Đánh dấu “X” vào ô “Thay thế cho thiết bị” và điền tên thiết bị cũ đã được cấp phép và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 4

5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN GIÁM SÁT HÀNH TRÌNH TÀU CÁ QUA VỆ TINH

5.1. Kê khai tên thiết bị phát hoặc ký hiệu (model) của thiết bị, hãng sản xuất thiết bị. Ví dụ: MARINESTAR MNB-01, ST6100, BK88VN, BA-SAT- 01,...

5.2. Kê khai dải tần số phát đề nghị theo đơn vị MHz, ví dụ: 1616-1626,5MHz; 1626,5-1660,5MHz.

5.3. Kê khai dải tần số thu đề nghị theo đơn vị MHz, ví dụ: 1616- 1626,5MHz; 1525-1559MHz.

5.4. Kê khai tên vệ tinh liên lạc. Ví dụ: Inmarsat-I4, Thuraya,...

5.5. Kê khai vị trí quỹ đạo của vệ tinh theo độ, phút, giây. Ví dụ: 143,5°E

5.6. Chỉ kê khai đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép liên quan đến các trường thông tin thuộc Mục 5

- Đánh dấu “X” vào ô “Bổ sung” đối với trường hợp thêm thiết bị mới vào mạng và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 5.

- Đánh dấu “X” vào ô “Hủy bỏ” đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ tên thiết bị, đặt tại đâu theo quy định của giấy phép đã được cấp.

- Đánh dấu “X” vào ô “Thay thế cho thiết bị” và điền tên thiết bị cũ đã được cấp phép và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 5.

6. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên nếu có.

2. Thủ tục gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá.

Trình tự thực hiện:	- Trước khi hết hạn ít nhất 30 ngày và tổng thời hạn cấp lần đầu và các lần gia hạn giấy phép không vượt quá 10 năm, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá theo quy định tại khoản 1 Mục II Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến <i>Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)</i>. - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá hoặc từ chối gia hạn giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Cách thức thực hiện:	<i>Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:</i> - <i>Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ:	1. Thành phần hồ sơ: Bản khai thông tin chung và bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định tại khoản 1 và khoản 6 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết:	- 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. (Việc gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện).
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1c quy định tại khoản 7 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP).
Lệ phí (nếu có):	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Bản khai thông tin chung và bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo quy định tại khoản 1 và khoản 6 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý**
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi:

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số Định danh cá nhân/Căn cước công dân/Hộ chiếu (đối với cá nhân):	
Ngày sinh:	
Địa chỉ thường trú:	
1.2. Mã số thuế (đối với tổ chức):	
Địa chỉ trụ sở chính:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại liên hệ:	
1.5. Email :	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY:	
4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.	
4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	
4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết khiếu nại, tố cáo và an toàn bức xạ vô tuyến điện.	
4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.	
4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày tháng năm

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.
- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Bản khai thông tin chung Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 1.5. Kê khai email của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong bốn hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu “X” vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

đóng dấu + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Công dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

Mẫu bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn

**BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI, GIA HẠN
GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

1. GIA HẠN

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Thời gian đề nghị gia hạn ⁽³⁾	Số giấy phép viễn thông/ Số giấy phép hoạt động báo chí ⁽⁴⁾
...	...	...	

2. CẤP ĐỔI

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Lý do cấp đổi ⁽⁵⁾
...		

Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép

- (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn, cấp đổi.
- (2). Mẫu giấy phép: là mẫu theo quy định trên giấy phép đã được cấp (ví dụ: Mẫu 1a; Mẫu 1b, Mẫu 1c,...).
- (3). Thời gian đề nghị gia hạn: kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).
- (4). Số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí: kê khai số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí nếu giấy phép viễn thông/giấy phép hoạt động được cấp trước đây có thay đổi.
- (5). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,...).

3. Thủ tục cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá.

Trình tự thực hiện:	Trường hợp giấy phép giấy bị mất hoặc bị hư hỏng, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá theo quy định tại khoản 1 Mục II Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá hoặc từ chối cấp đổi giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Cách thức thực hiện:	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).
Thành phần, số lượng hồ sơ:	1. Thành phần hồ sơ Bản khai thông tin chung và bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định tại khoản 1 và khoản 6 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết:	- 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. (Việc cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện).
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1h quy định tại khoản 7 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP)
Lệ phí (nếu có):	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Bản khai thông tin chung và bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định tại khoản 1 và khoản 6 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết khiếu nại có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện; - Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải theo quy định.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa

	đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.
--	---

Mẫu bản khai thông tin chung
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý**
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi:

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số Định danh cá nhân/Căn cước công dân/Hộ chiếu (đối với cá nhân):	
Ngày sinh:	
Địa chỉ thường trú:	
1.2. Mã số thuế (đối với tổ chức):	
Địa chỉ trụ sở chính:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại liên hệ:	
1.5. Email :	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY:	
4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.	
4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	
4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.	
4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.	
4.5. kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày tháng năm
QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.
- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Bản khai thông tin chung Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 1.5. Kê khai email của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong bốn hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu “X” vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

đóng dấu + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Công dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

Mẫu bản khai thông tin chung

**BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI, GIA HẠN
GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

1. GIA HẠN

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Thời gian đề nghị gia hạn ⁽³⁾	Số giấy phép viễn thông/ Số giấy phép hoạt động báo chí ⁽⁴⁾
...	...	...	

2. CẤP ĐỔI

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Lý do cấp đổi ⁽⁵⁾
...		

Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép

- (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn, cấp đổi.
- (2). Mẫu giấy phép: là mẫu theo quy định trên giấy phép đã được cấp (ví dụ: Mẫu 1a; Mẫu 1b, Mẫu 1c,...).
- (3). Thời gian đề nghị gia hạn: kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).
- (4). Số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí: kê khai số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí nếu giấy phép viễn thông/giấy phép hoạt động được cấp trước đây có thay đổi.
- (5). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,...).

4. Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá

Trình tự thực hiện:	- Khi giấy phép còn hiệu lực, tổ chức, cá nhân có nhu cầu sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng) thì phải hoàn thiện hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá theo quy định tại khoản 1 Mục III Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá hoặc từ chối sửa đổi, bổ sung giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Cách thức thực hiện:	<i>Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:</i> - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).
Thành phần, số lượng hồ sơ:	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai thông tin chung và bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1c đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá quy định tại khoản 1 và khoản 3 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết:	- 11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. (Việc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện).
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1c quy định tại khoản 7 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP)
Lệ phí (nếu có):	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Bản khai thông tin chung và bản khai thông số kỹ thuật, khai thác đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá theo Mẫu 1c quy định tại khoản 1 và khoản 3 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý**
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi:

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số Định danh cá nhân/Căn cước công dân/Hộ chiếu (đối với cá nhân):	
Ngày sinh:	
Địa chỉ thường trú:	
1.2. Mã số thuế (đối với tổ chức):	
Địa chỉ trụ sở chính:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại liên hệ:	
1.5. Email :	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY:	
4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.	
4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	
4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.	
4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.	
4.5. kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày tháng năm

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.
- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Bản khai thông tin chung Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

- Số:** Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.
- Mục 1.** Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.
- Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.
 Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.
- Mục 1.1.** Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân
- Mục 1.2.** Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.
- Mục 1.3.** Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.
- Mục 1.4.** Kê khai số điện thoại liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.
- Mục 1.5.** Kê khai email của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.
- Mục 2.** Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong bốn hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:
- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.
 - Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.
 - Đánh dấu "X" vào ô "Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.
- Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.

- Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.
- Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:
- Đánh dấu “X” vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.
- Ký tên, - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:
đóng dấu + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh
- + Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép
- Trường hợp nộp hồ sơ qua Công dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1c

Áp dụng đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số

Tờ số:/tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. TÊN CHỦ TÀU CÁ				
2. SỐ ĐĂNG KÝ TÀU CÁ				
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)				
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:				
4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN HOẠT ĐỘNG TRÊN CÁC BẢNG TÀN QUY HOẠCH CHO PHƯƠNG TIỆN NGHỀ CÁ				
LOẠI THIẾT BỊ (MF, HF, VHF)	TÊN THIẾT BỊ	CÔNG SUẤT PHÁT (W)	DẢI TẦN HOẠT ĐỘNG từ... đến... (MHz)	THÔNG TIN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
				☐ Bổ sung ☐ Hủy Bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị
				☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị
				☐ Bổ sung ☐ Hủy Bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị
				☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị
5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN GIÁM SÁT HÀNH TRÌNH TÀU CÁ QUA VỆ TINH				
5.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất		 /		
5.2. Dải tần số phát đề nghị (MHz)		từ đến (MHz)		
5.3. Dải tần số thu đề nghị (MHz)		từ đến (MHz)		
5.4. Tên vệ tinh liên lạc				
5.5. Vị trí quỹ đạo của vệ tinh (°)				
5.6. Thông tin sửa đổi, bổ sung		☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị		
6. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)				

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1c

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá

- Đánh dấu “X” vào ô “Cấp” nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép hoặc đánh dấu “X” vào ô “Sửa đổi, bổ sung” và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Mỗi tàu cá kê khai trong một tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai cho nhiều tàu cá. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của từng tờ kèm theo tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1c.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1c khi đề nghị cấp.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1c khi bổ sung, sửa đổi. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. TÊN CHỦ TÀU CÁ

Ghi tên chủ của tàu cá.

2. SỐ ĐĂNG KÝ TÀU CÁ

Ghi số đăng ký tàu cá.

3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026” (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN HOẠT ĐỘNG TRÊN CÁC BẢNG TẦN QUY HOẠCH CHO ĐÀI VÔ TUYẾN ĐIỆN ĐẶT TRÊN PHƯƠNG TIỆN NGHỀ CÁ

- Kê khai loại thiết bị, ví dụ: MF/HF, VHF,...

- Kê khai tên của thiết bị, ví dụ: Yeasu FT-450, Vertex VX-1700,...

- Kê khai công suất phát theo thiết kế chế tạo của thiết bị của thiết bị theo đơn vị Watt (W)

- Kê khai dải tần số phát, thu mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

Chỉ kê khai đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép liên quan đến các trường thông tin thuộc Mục 4

+ Đánh dấu “X” vào ô “Bổ sung” đối với trường hợp thêm thiết bị mới vào mạng và khai đầy đủ các thông số thuộc mục 4.

+ Đánh dấu “X” vào ô “Hủy bỏ” đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ tên thiết bị.

+ Đánh dấu “X” vào ô “Thay thế cho thiết bị” và điền tên thiết bị cũ đã được cấp phép và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 4

5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN GIÁM SÁT HÀNH TRÌNH TÀU CÁ QUA VỆ TINH

5.1. Kê khai tên thiết bị phát hoặc ký hiệu (model) của thiết bị, hãng sản xuất thiết bị. Ví dụ: MARINESTAR MNB-01, ST6100, BK88VN, BA-SAT- 01,...

5.2. Kê khai dải tần số phát đề nghị theo đơn vị MHz, ví dụ: 1616-1626,5MHz; 1626,5-1660,5MHz.

5.3. Kê khai dải tần số thu đề nghị theo đơn vị MHz, ví dụ: 1616- 1626,5MHz; 1525-1559MHz.

5.4. Kê khai tên vệ tinh liên lạc. Ví dụ: Inmarsat-I4, Thuraya,...

5.5. Kê khai vị trí quỹ đạo của vệ tinh theo độ, phút, giây. Ví dụ: 143,5°E

5.6. Chỉ kê khai đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép liên quan đến các trường thông tin thuộc Mục 5

- Đánh dấu “X” vào ô “Bổ sung” đối với trường hợp thêm thiết bị mới vào mạng và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 5.

- Đánh dấu “X” vào ô “Hủy bỏ” đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ tên thiết bị, đặt tại đâu theo quy định của giấy phép đã được cấp.

- Đánh dấu “X” vào ô “Thay thế cho thiết bị” và điền tên thiết bị cũ đã được cấp phép và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 5.

6. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên nếu có.

5. Thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số và đài vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư

Trình tự thực hiện:	- Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư theo quy định tại khoản 1 Mục IV Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến <i>Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)</i>. - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Cách thức thực hiện:	<i>Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:</i> - <i>Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ:	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai thông tin chung và Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1b đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư quy định tại khoản 1 và khoản 2 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP; - Bản sao Chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư hoặc thông tin liên quan đến Chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư theo quy định của nước sở tại của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép; - Người nước ngoài đề nghị cấp giấy phép đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư được phép nộp bản sao Hộ chiếu còn thời hạn và phải xuất trình bản chính khi nhận giấy phép. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết:	11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. (Việc cấp giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của tỉnh bất kỳ thực hiện)
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1b quy định tại khoản 7 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP)
Phí, lệ phí	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Bản khai thông tin chung và Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư 1b quy định tại khoản 1 và khoản 2 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết khiếu nại có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện; - Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư có Chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư theo quy định.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

	- Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.
--	---

Mẫu bản khai thông tin chung
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý**
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi:

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số Định danh cá nhân/Căn cước công dân/Hộ chiếu (đối với cá nhân):	
Ngày sinh:	
Địa chỉ thường trú:	
1.2. Mã số thuế (đối với tổ chức):	
Địa chỉ trụ sở chính:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại liên hệ:	
1.5. Email :	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY:	
4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.	
4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	
4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.	
4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.	
4.5. kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày tháng năm

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.
- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Bản khai thông tin chung Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

- Số:** Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.
- Mục 1.** Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.
- Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.
 Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.
- Mục 1.1.** Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân
- Mục 1.2.** Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.
- Mục 1.3.** Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.
- Mục 1.4.** Kê khai số điện thoại liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.
- Mục 1.5.** Kê khai email của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.
- Mục 2.** Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong bốn hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:
- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.
 - Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.
 - Đánh dấu "X" vào ô "Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.
- Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.

- Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.
- Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:
- Đánh dấu “X” vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.
- Ký tên,
đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:
- + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh
 - + Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép
 - Trường hợp nộp hồ sơ qua Công dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1b

Áp dụng đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số

Tờ số:/tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG		☐ Vô tuyến điện nghiệp dư		☐ Vô tuyến điện nghiệp dư qua vệ tinh	
2. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)					
☐ 1 năm		☐ 2 năm		☐ 3 năm	
		☐ 10 năm		☐ Khác:	
3. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN					
3.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất					
3.2. Thông số kỹ thuật		Băng tần hoặc tần số (kHz/MHz)	Phương thức phát/ Kiểu điều chế	Công suất phát (W)	
Các dải tần số của thiết bị					
Các dải tần số/tần số đề nghị					
3.3. Địa điểm đặt thiết bị					
3.4. Vệ tinh liên lạc (đối với vô tuyến điện nghiệp dư qua vệ tinh)		Tên vệ tinh:.....		Quỹ đạo:	
4. HỒ HIỆU ĐỀ NGHỊ (nếu có)					
5. ĐÀI LIÊN LẠC					
6. CHỨNG CHỈ					
6.1. Loại					
6.2. Ngày cấp			6.3. Ngày hết hiệu lực		
7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)					
8. ĐỐI VỚI KHAI THÁC VIÊN VÔ TUYẾN ĐIỆN NGHIỆP DƯ LÀ NGƯỜI NƯỚC NGOÀI					
Xác nhận của tổ chức được công nhận đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư đối với chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư nước ngoài của khai thác viên vô tuyến điện nghiệp dư đến từ những nước chưa ký thỏa thuận công nhận lẫn nhau về hoạt động vô tuyến điện nghiệp dư với Việt Nam					
.....					
.....					
.....					
QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (Chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu của tổ chức)					
Họ và tên					

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT KHAI THÁC 1b

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư.

- Đánh dấu “X” vào ô “Cấp” nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép hoặc đánh dấu “X” vào ô “Sửa đổi, bổ sung” và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1b được dùng để kê khai cho 1 đài vô tuyến điện. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều đài. Lưu ý ghi rõ số thứ tự tờ và tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1b.

- Kê khai tất cả các thông số trong Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1b khi đề nghị cấp.

- Chỉ kê khai thông số sửa đổi, bổ sung trong Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1b khi đề nghị sửa đổi, bổ sung. Các thông số giữ nguyên không cần kê khai.

1. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Đánh dấu “X” vào ô vô tuyến điện nghiệp dư nếu giấy phép được dùng để khai thác nghiệp vụ nghiệp dư. Đánh dấu “X” vào ô vô tuyến điện nghiệp dư qua vệ tinh nếu giấy phép được dùng để khai thác nghiệp vụ nghiệp dư qua vệ tinh.

2. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026” (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

3. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

3.1. Kê khai tên thiết bị phát hoặc ký hiệu (model) của thiết bị, hãng sản xuất thiết bị.

3.2. Ghi thông số kỹ thuật vào các cột tương ứng.

- Bảng tần hoặc tần số: kê khai băng tần số hoặc tần số mà thiết bị được chế tạo làm việc; băng tần hoặc tần số mà tổ chức, cá nhân đề nghị.

- Phương thức phát/Kiểu điều chế: kê khai tất cả các phương thức phát đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: A1A; F2B; F3C; F8E; J3E;.... hoặc ghi Kiểu điều chế đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị trong trường hợp không có thông tin về phương thức phát của thiết bị như SSB, AM,....

- Công suất phát: kê khai các mức công suất được thiết kế, chế tạo của thiết bị.

3.3. Địa điểm đặt thiết bị: kê khai đầy đủ địa chỉ số nhà, đường phố, phường (xã), thành phố (tỉnh).

3.4. Vệ tinh liên lạc:

- Tên vệ tinh: tên đăng ký của vệ tinh với ITU là tên của vệ tinh (satellite network) đã được đăng ký với ITU. Tên thương mại là tên của vệ tinh mà nhà cung cấp dung lượng vệ tinh hay sử dụng khi làm việc với đối tác. (Ví dụ: Vệ tinh ở vị trí 174°E của Intelsat có tên thương mại là IS802@174°E khác với tên đã đăng ký với ITU là INTELSAT8 174E), ví dụ cách ghi: INTELSAT8 174E /IS802@174°E.

- Quỹ đạo: ghi rõ vị trí quỹ đạo của vệ tinh theo độ, phút, giây.

4. HỒ HIỆU ĐỀ NGHỊ

Kê khai hồ hiệu theo dãy hồ hiệu Vô tuyến điện nghiệp dư được Quốc tế phân chia cho Việt Nam sử dụng. Trường hợp không kê khai thông tin này, hồ hiệu sẽ do Cơ quan quản lý quy định.

5. ĐÀI LIÊN LẠC

Kê khai hồ hiệu hoặc tên của các đài vô tuyến điện nghiệp dư có thiết lập liên lạc vô tuyến điện với đài đề nghị cấp giấy phép.

6. CHỨNG CHỈ

Văn bản do các tổ chức được Bộ Khoa học và Công nghệ công nhận đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư hoặc văn bản do Cơ quan quản lý có thẩm quyền của nước ngoài cấp.

6.1. Ghi rõ trình độ của Chứng chỉ khai thác viên vô tuyến điện nghiệp dư (cấp 1/cấp 2/cấp 3/cấp 4) đối với chứng chỉ do Việt Nam cấp.

Hệ thống Chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư gồm:

a) Chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư cấp 1: Người có chứng chỉ này được quyền khai thác các loại thiết bị vô tuyến điện của một đài vô tuyến điện nghiệp dư trên tất cả các phương thức phát với công suất phát ra ăng-ten không vượt quá 1 kW, làm việc trên tất cả các băng tần quy định cho nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư;

b) Chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư cấp 2: Người có chứng chỉ này được quyền khai thác các loại thiết bị vô tuyến điện của một đài vô tuyến điện nghiệp dư trên tất cả các phương thức phát với công suất phát ra ăng-ten không vượt quá 200 W, làm việc trên tất cả các băng tần quy định cho nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư;

c) Chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư cấp 3: Người có chứng chỉ này được quyền khai thác các loại thiết bị vô tuyến điện của một đài vô tuyến điện nghiệp dư trên tất cả các phương thức phát với công suất phát ra ăng-ten không vượt quá 50 W, làm việc trên tất cả các băng tần quy định cho nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư;

d) Chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư cấp 4: Người có chứng chỉ này được quyền khai thác các loại thiết bị vô tuyến điện của một đài vô tuyến điện nghiệp dư trên tất cả các phương thức phát (trừ phương thức phát điện báo CW) với công suất phát ra ăng-ten không vượt quá 20 W, làm việc trên tất cả các băng tần quy định cho nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư.

6.2. Ghi rõ ngày cấp.

6.3. Ghi rõ ngày hết hiệu lực của chứng chỉ.

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên nếu có.

8. Đối với các trường hợp Chứng chỉ khai thác viên vô tuyến điện nghiệp dư nước ngoài đến từ những nước chưa ký thỏa thuận công nhận lẫn nhau về hoạt động vô tuyến điện nghiệp dư với Việt Nam thì phải có xác nhận của tổ chức được công nhận đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư.

6. Thủ tục gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư

Trình tự thực hiện:	- Trước khi hết hạn ít nhất 30 ngày và tổng thời hạn cấp lần đầu và các lần gia hạn giấy phép không vượt quá 10 năm, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư theo quy định tại khoản 1 Mục V Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư hoặc từ chối gia hạn giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Cách thức thực hiện:	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).
Thành phần, số lượng hồ sơ:	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai thông tin chung và bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định tại khoản 1 và khoản 6 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết:	07 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. (Việc gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện).
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1b quy định tại khoản 7 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP)
Phí, lệ phí (nếu có):	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Bản khai thông tin chung và bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo quy định tại khoản 1 và khoản 6 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện; - Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và

	phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.
--	--

Mẫu bản khai thông tin chung
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý**
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi:

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số Định danh cá nhân/Căn cước công dân/Hộ chiếu (đối với cá nhân):	
Ngày sinh:	
Địa chỉ thường trú:	
1.2. Mã số thuế (đối với tổ chức):	
Địa chỉ trụ sở chính:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại liên hệ:	
1.5. Email :	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY:	
4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.	
4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	
4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.	
4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.	
4.5. kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày tháng năm

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.
- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Bản khai thông tin chung Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

- Số:** Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.
- Mục 1.** Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.
- Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.
- Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.
- Mục 1.1.** Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân
- Mục 1.2.** Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.
- Mục 1.3.** Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.
- Mục 1.4.** Kê khai số điện thoại liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.
- Mục 1.5.** Kê khai email của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.
- Mục 2.** Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong bốn hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:
- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.
 - Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.
 - Đánh dấu "X" vào ô "Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu “X” vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

đóng dấu + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

Mẫu bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn

**BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI, GIA HẠN
GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

1. GIA HẠN

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Thời gian đề nghị gia hạn ⁽³⁾	Số giấy phép viễn thông/ Số giấy phép hoạt động báo chí ⁽⁴⁾
...	...	...	

2. CẤP ĐỔI

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Lý do cấp đổi ⁽⁵⁾
...		

Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép

- (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn, cấp đổi.
- (2). Mẫu giấy phép: là mẫu theo quy định trên giấy phép đã được cấp (ví dụ: Mẫu 1a; Mẫu 1b, Mẫu 1c,...).
- (3). Thời gian đề nghị gia hạn: kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).
- (4). Số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí: kê khai số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí nếu giấy phép viễn thông/giấy phép hoạt động được cấp trước đây có thay đổi.
- (5). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,...).

7. Thủ tục cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư

Trình tự thực hiện:	Trường hợp giấy phép giấy bị mất hoặc bị hư hỏng, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư theo quy định tại khoản 1 Mục V Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến <i>Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)</i>. - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với vô tuyến điện nghiệp dư hoặc từ chối cấp đổi giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Cách thức thực hiện:	<i>Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:</i> - <i>Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ:	1. Thành phần hồ sơ Bản khai thông tin chung và bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định tại khoản 1 và khoản 6 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết:	- 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. (Việc cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện).
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1h quy định tại khoản 7 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP)
Lệ phí (nếu có):	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Bản khai thông tin chung và bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định tại khoản 1 và khoản 6 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết khiếu nại có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện; - Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải theo quy định.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-

	BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.
--	---

Mẫu bản khai thông tin chung
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý**
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi:

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số Định danh cá nhân/Căn cước công dân/Hộ chiếu (đối với cá nhân):	
Ngày sinh:	
Địa chỉ thường trú:	
1.2. Mã số thuế (đối với tổ chức):	
Địa chỉ trụ sở chính:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại liên hệ:	
1.5. Email :	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY:	
4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.	
4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	
4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.	
4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.	
4.5. kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày tháng năm

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.
- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Bản khai thông tin chung Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

- Số:** Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.
- Mục 1.** Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.
- Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.
 Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.
- Mục 1.1.** Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân
- Mục 1.2.** Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.
- Mục 1.3.** Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.
- Mục 1.4.** Kê khai số điện thoại liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.
- Mục 1.5.** Kê khai email của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.
- Mục 2.** Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong bốn hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:
- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.
 - Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.
 - Đánh dấu "X" vào ô "Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.
- Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.

- Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.
- Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:
- Đánh dấu “X” vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.
- Ký tên,
đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:
- + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh
 - + Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép
 - Trường hợp nộp hồ sơ qua Công dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

Mẫu bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép

**BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI, GIA HẠN
GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

1. GIA HẠN

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Thời gian đề nghị gia hạn ⁽³⁾	Số giấy phép viễn thông/ Số giấy phép hoạt động báo chí ⁽⁴⁾
...	...	...	

2. CẤP ĐỔI

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Lý do cấp đổi ⁽⁵⁾
...		

Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép

- (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn, cấp đổi.
- (2). Mẫu giấy phép: là mẫu theo quy định trên giấy phép đã được cấp (ví dụ: Mẫu 1a; Mẫu 1b, Mẫu 1c,...).
- (3). Thời gian đề nghị gia hạn: kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).
- (4). Số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí: kê khai số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí nếu giấy phép viễn thông/giấy phép hoạt động được cấp trước đây có thay đổi.
- (5). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,...).

8. Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư

Trình tự thực hiện:	- Khi giấy phép còn hiệu lực, tổ chức, cá nhân có nhu cầu sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng) thì phải hoàn thiện hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư theo quy định tại khoản 1 Mục VI Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư hoặc từ chối sửa đổi, bổ sung giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Cách thức thực hiện:	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).
Thành phần, số lượng hồ sơ:	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai thông tin chung và bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1b đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư quy định tại khoản 1 và khoản 2 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết:	11 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam

thủ tục hành chính:	
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. (Việc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện).
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1b quy định tại khoản 7 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP).
Phí, lệ phí (nếu có):	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Bản khai thông tin chung và bản khai thông số kỹ thuật, khai thác đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư 1b quy định tại khoản 1 và khoản 2 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện; - Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

	- Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.
--	---

Mẫu bản khai thông tin chung
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý**
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi:

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số Định danh cá nhân/Căn cước công dân/Hộ chiếu (đối với cá nhân):	
Ngày sinh:	
Địa chỉ thường trú:	
1.2. Mã số thuế (đối với tổ chức):	
Địa chỉ trụ sở chính:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại liên hệ:	
1.5. Email :	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY:	
4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.	
4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	
4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.	
4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.	
4.5. kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày tháng năm

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.
- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Bản khai thông tin chung Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 1.5. Kê khai email của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong bốn hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu “X” vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

đóng dấu + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1b

Áp dụng đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số

Tờ số:/tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG		☐ Vô tuyến điện nghiệp dư		☐ Vô tuyến điện nghiệp dư qua vệ tinh	
2. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)					
☐ 1 năm		☐ 2 năm		☐ 3 năm	
				☐ 10 năm	
		☐ Khác:			
3. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN					
3.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất					
3.2. Thông số kỹ thuật		Băng tần hoặc tần số (kHz/MHz)		Phương thức phát/ Kiểu điều chế	
Các dải tần số của thiết bị				Công suất phát (W)	
Các dải tần số/tần số đề nghị					
3.3. Địa điểm đặt thiết bị					
3.4. Vệ tinh liên lạc (đối với vô tuyến điện nghiệp dư qua vệ tinh)		Tên vệ tinh:.....		Quỹ đạo:	
4. HỒ HIỆU ĐỀ NGHỊ (nếu có)					
5. ĐÀI LIÊN LẠC					
6. CHỨNG CHỈ					
6.1. Loại					
6.2. Ngày cấp				6.3. Ngày hết hiệu lực	
7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)					
8. ĐỐI VỚI KHAI THÁC VIÊN VÔ TUYẾN ĐIỆN NGHIỆP DƯ LÀ NGƯỜI NƯỚC NGOÀI					
Xác nhận của tổ chức được công nhận đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư đối với chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư nước ngoài của khai thác viên vô tuyến điện nghiệp dư đến từ những nước chưa ký thỏa thuận công nhận lẫn nhau về hoạt động vô tuyến điện nghiệp dư với Việt Nam					
.....					
.....					
.....					
QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (Chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu của tổ chức)					
Họ và tên					

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT KHAI THÁC 1b

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư.

- Đánh dấu “X” vào ô “Cấp” nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép hoặc đánh dấu “X” vào ô “Sửa đổi, bổ sung” và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1b được dùng để kê khai cho 1 đài vô tuyến điện. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều đài. Lưu ý ghi rõ số thứ tự tờ và tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1b.

- Kê khai tất cả các thông số trong Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1b khi đề nghị cấp.

- Chỉ kê khai thông số sửa đổi, bổ sung trong Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1b khi đề nghị sửa đổi, bổ sung. Các thông số giữ nguyên không cần kê khai.

1. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Đánh dấu “X” vào ô vô tuyến điện nghiệp dư nếu giấy phép được dùng để khai thác nghiệp vụ nghiệp dư. Đánh dấu “X” vào ô vô tuyến điện nghiệp dư qua vệ tinh nếu giấy phép được dùng để khai thác nghiệp vụ nghiệp dư qua vệ tinh.

2. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026” (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

3. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

3.1. Kê khai tên thiết bị phát hoặc ký hiệu (model) của thiết bị, hãng sản xuất thiết bị.

3.2. Ghi thông số kỹ thuật vào các cột tương ứng.

- Bảng tần hoặc tần số: kê khai băng tần số hoặc tần số mà thiết bị được chế tạo làm việc; băng tần hoặc tần số mà tổ chức, cá nhân đề nghị.

- Phương thức phát/Kiểu điều chế: kê khai tất cả các phương thức phát đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: A1A; F2B; F3C; F8E; J3E;.... hoặc ghi Kiểu điều chế đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị trong trường hợp không có thông tin về phương thức phát của thiết bị như SSB, AM,....

- Công suất phát: kê khai các mức công suất được thiết kế, chế tạo của thiết bị.

3.3. Địa điểm đặt thiết bị: kê khai đầy đủ địa chỉ số nhà, đường phố, phường (xã), thành phố (tỉnh).

3.4. Vệ tinh liên lạc:

- Tên vệ tinh: tên đăng ký của vệ tinh với ITU là tên của vệ tinh (satellite network) đã được đăng ký với ITU. Tên thương mại là tên của vệ tinh mà nhà cung cấp dung lượng vệ tinh hay sử dụng khi làm việc với đối tác. (Ví dụ: Vệ tinh ở vị trí 174°E của Intelsat có tên thương mại là IS802@174°E khác với tên đã đăng ký với ITU là INTELSAT8 174E), ví dụ cách ghi: INTELSAT8 174E /IS802@174°E.

- Quỹ đạo: ghi rõ vị trí quỹ đạo của vệ tinh theo độ, phút, giây.

4. HỒ HIỆU ĐỀ NGHỊ

Kê khai hồ hiệu theo dãy hồ hiệu Vô tuyến điện nghiệp dư được Quốc tế phân chia cho Việt Nam sử dụng. Trường hợp không kê khai thông tin này, hồ hiệu sẽ do Cơ quan quản lý quy định.

5. ĐÀI LIÊN LẠC

Kê khai hồ hiệu hoặc tên của các đài vô tuyến điện nghiệp dư có thiết lập liên lạc vô tuyến điện với đài đề nghị cấp giấy phép.

6. CHỨNG CHỈ

Văn bản do các tổ chức được Bộ Khoa học và Công nghệ công nhận đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư hoặc văn bản do Cơ quan quản lý có thẩm quyền của nước ngoài cấp.

6.1. Ghi rõ trình độ của Chứng chỉ khai thác viên vô tuyến điện nghiệp dư (cấp 1/cấp 2/cấp 3/cấp 4) đối với chứng chỉ do Việt Nam cấp.

Hệ thống Chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư gồm:

a) Chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư cấp 1: Người có chứng chỉ này được quyền khai thác các loại thiết bị vô tuyến điện của một đài vô tuyến điện nghiệp dư trên tất cả các phương thức phát với công suất phát ra ăng-ten không vượt quá 1 kW, làm việc trên tất cả các băng tần quy định cho nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư;

b) Chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư cấp 2: Người có chứng chỉ này được quyền khai thác các loại thiết bị vô tuyến điện của một đài vô tuyến điện nghiệp dư trên tất cả các phương thức phát với công suất phát ra ăng-ten không vượt quá 200 W, làm việc trên tất cả các băng tần quy định cho nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư;

c) Chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư cấp 3: Người có chứng chỉ này được quyền khai thác các loại thiết bị vô tuyến điện của một đài vô tuyến điện nghiệp dư trên tất cả các phương thức phát với công suất phát ra ăng-ten không vượt quá 50 W, làm việc trên tất cả các băng tần quy định cho nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư;

d) Chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư cấp 4: Người có chứng chỉ này được quyền khai thác các loại thiết bị vô tuyến điện của một đài vô tuyến điện nghiệp dư trên tất cả các phương thức phát (trừ phương thức phát điện báo CW) với công suất phát ra ăng-ten không vượt quá 20 W, làm việc trên tất cả các băng tần quy định cho nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư.

6.2. Ghi rõ ngày cấp.

6.3. Ghi rõ ngày hết hiệu lực của chứng chỉ.

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên nếu có.

8. Đối với các trường hợp Chứng chỉ khai thác viên vô tuyến điện nghiệp dư nước ngoài đến từ những nước chưa ký thỏa thuận công nhận lẫn nhau về hoạt động vô tuyến điện nghiệp dư với Việt Nam thì phải có xác nhận của tổ chức được công nhận đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư.

9. Thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)

Trình tự thực hiện:	- Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế) theo quy định tại khoản 1 Mục VII Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế) hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Cách thức thực hiện:	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).
Thành phần, số lượng hồ sơ:	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai thông tin chung và Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1h đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế) quy định tại khoản 1 và khoản 4 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP; 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết:	- 11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. (Việc cấp giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của tỉnh bất kỳ thực hiện).
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1h quy định tại khoản 7 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i>)
Lệ phí (nếu có):	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Bản khai thông tin chung và Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1h đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế) quy định tại khoản 1 và khoản 4 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i> .
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện; - Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải theo quy định.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i>

	- Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.
--	---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý**
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi:

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số Định danh cá nhân/Căn cước công dân/Hộ chiếu (đối với cá nhân): Ngày sinh: Địa chỉ thường trú:	
1.2. Mã số thuế (đối với tổ chức): Địa chỉ trụ sở chính:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại liên hệ:	
1.5. Email :	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY:	
4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.	
4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	
4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.	
4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.	
4.5. kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày tháng năm

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.
- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Bản khai thông tin chung Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 1.5. Kê khai email của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong bốn hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu “X” vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

đóng dấu + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1h

Áp dụng đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số

Tờ số:/tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. TÊN CHỦ TÀU					
2. TÊN TÀU					
3. SỐ GỌI CHỌN (nếu có)					
4. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)					
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:					
5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN ĐẶT TRÊN TÀU					
LOẠI THIẾT BỊ (MF, HF, VHF,...)	TÊN THIẾT BỊ	CÔNG SUẤT PHÁT (W)	DẢI TẦN HOẠT ĐỘNG từ....đến.... (kHz/MHz)	PHƯƠNG THỨC PHÁT	THÔNG TIN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
					☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị
					☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị
					☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị
					☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị
					☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị
					☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị
6. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)					

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT KHAI THÁC 1h

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp đối với đài tàu.

- Đánh dấu “X” vào ô “Cấp” nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép tần số vô tuyến điện hoặc đánh dấu “X” vào ô “Sửa đổi, bổ sung” và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1h dùng để kê khai cho một đài tàu. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều đài tàu. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ khai và tổng số tờ ở từng Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1h nếu đề nghị cấp. Các thiết bị cùng loại có thông số giống nhau có thể kê khai một lần và ghi rõ số lượng thiết bị.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1h sửa đổi, bổ sung.

1. TÊN CHỦ TÀU

Kê khai tên của chủ sở hữu (khuyến khích viết chữ in hoa, ví dụ: NGUYỄN VĂN A).

2. TÊN TÀU

Kê khai tên của đài tàu (khuyến khích viết chữ in hoa, ví dụ: VINALINES).

3. SỐ GỌI CHỌN

Kê khai dãy số gồm 9 chữ số do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp cho tàu.

4. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026” (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN ĐẶT TRÊN TÀU

Kê khai theo từng loại thiết bị, mỗi loại thiết bị kê khai vào một dòng

- Loại thiết bị: (ví dụ: HF, MF, VHF...)
- Tên thiết bị: kê khai đầy đủ tên thiết bị, gồm cả nhãn hiệu và model của thiết bị.
- Công suất phát (W): kê khai mức công suất phát của thiết bị
- Dải tần hoạt động: kê khai dải tần hoạt động của thiết bị (ví dụ: từ 5 MHz đến 10 MHz).
- Phương thức phát: Kê khai tất cả các phương thức phát đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo. Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E; 304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E;...
- Thông tin sửa đổi, bổ sung: chỉ kê khai đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép liên quan đến các trường thông tin thuộc Mục 5
- + Đánh dấu X vào ô “Bổ sung” đối với trường hợp thêm thiết bị mới vào giấy phép và kê khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 5.
- + Đánh dấu X vào ô “Hủy bỏ” đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ tên thiết bị, đặt tại đâu theo quy định của giấy phép đã được cấp.
- + Đánh dấu X vào ô “Thay thế” và điền tên thiết bị cũ đã được cấp phép và kê khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 5.

6. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên (nếu có).

10. Thủ tục gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)

Trình tự thực hiện:	- Trước khi hết hạn ít nhất 30 ngày và tổng thời hạn cấp lần đầu và các lần gia hạn giấy phép không vượt quá 10 năm, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế) theo quy định tại khoản 1 Mục VIII Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế) hoặc từ chối gia hạn giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Cách thức thực hiện:	<i>Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:</i> - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).
Thành phần, số lượng hồ sơ:	1. Thành phần hồ sơ Bản khai thông tin chung và bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định tại khoản 1 và khoản 6 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết:	- 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Đối tượng thực hiện thủ	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

tục hành chính:	
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. (Việc gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện).
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1h quy định tại khoản 7 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP).
Lệ phí (nếu có):	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm	Bản khai thông tin chung và bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định tại khoản 1 và khoản 6 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện; - Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải theo quy định.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i>

	- Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.
--	---

Mẫu bản khai thông tin chung
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý**
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi:

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số Định danh cá nhân/Căn cước công dân/Hộ chiếu (đối với cá nhân):	
Ngày sinh:	
Địa chỉ thường trú:	
1.2. Mã số thuế (đối với tổ chức):	
Địa chỉ trụ sở chính:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại liên hệ:	
1.5. Email :	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY:	
4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.	
4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	
4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.	
4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.	
4.5. kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày tháng năm
QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.
- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Bản khai thông tin chung Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

- Số:** Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.
- Mục 1.** Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.
- Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.
 Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.
- Mục 1.1.** Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân
- Mục 1.2.** Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.
- Mục 1.3.** Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.
- Mục 1.4.** Kê khai số điện thoại liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.
- Mục 1.5.** Kê khai email của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.
- Mục 2.** Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong bốn hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:
- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.
 - Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.
 - Đánh dấu "X" vào ô "Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.
- Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.

- Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.
- Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:
- Đánh dấu “X” vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.
- Ký tên,
đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:
- + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh
 - + Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép
 - Trường hợp nộp hồ sơ qua Công dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

Mẫu bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn

**BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI, GIA HẠN
GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

1. GIA HẠN

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Thời gian đề nghị gia hạn ⁽³⁾	Số giấy phép viễn thông/ Số giấy phép hoạt động báo chí ⁽⁴⁾
...	...	...	

2. CẤP ĐỔI

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Lý do cấp đổi ⁽⁵⁾
...		

Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép

- (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn, cấp đổi.
- (2). Mẫu giấy phép: là mẫu theo quy định trên giấy phép đã được cấp (ví dụ: Mẫu 1a; Mẫu 1b, Mẫu 1c,...).
- (3). Thời gian đề nghị gia hạn: kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).
- (4). Số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí: kê khai số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí nếu giấy phép viễn thông/giấy phép hoạt động được cấp trước đây có thay đổi.
- (5). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,...).

11. Thủ tục cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)

Trình tự thực hiện:	Trường hợp giấy phép giấy bị mất hoặc bị hư hỏng, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế) theo quy định tại khoản 1 Mục VIII Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế) hoặc từ chối cấp đổi giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Cách thức thực hiện:	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).
Thành phần, số lượng hồ sơ:	1. Thành phần hồ sơ Bản khai thông tin chung và bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định tại khoản 1 và khoản 6 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết:	- 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. (Việc cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện).
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1h quy định tại khoản 7 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP)
Lệ phí (nếu có):	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Bản khai thông tin chung và bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định tại khoản 1 và khoản 6 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết khiếu nại có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện; - Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải theo quy định.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện

	và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.
--	---

Mẫu bản khai thông tin chung
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý**
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi:

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số Định danh cá nhân/Căn cước công dân/Hộ chiếu (đối với cá nhân):	
Ngày sinh:	
Địa chỉ thường trú:	
1.2. Mã số thuế (đối với tổ chức):	
Địa chỉ trụ sở chính:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại liên hệ:	
1.5. Email :	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY:	
4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.	
4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	
4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.	
4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.	
4.5. kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày tháng..... năm

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.
- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Bản khai thông tin chung Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

- Số:** Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.
- Mục 1.** Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.
- Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.
 Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.
- Mục 1.1.** Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân
- Mục 1.2.** Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.
- Mục 1.3.** Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.
- Mục 1.4.** Kê khai số điện thoại liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.
- Mục 1.5.** Kê khai email của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.
- Mục 2.** Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong bốn hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:
- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.
 - Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.
 - Đánh dấu "X" vào ô "Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.
- Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.

- Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.
- Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:
- Đánh dấu “X” vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.
- Ký tên, - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:
đóng dấu + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh
- + Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép
- Trường hợp nộp hồ sơ qua Công dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

Mẫu bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn

**BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI, GIA HẠN
GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

1. GIA HẠN

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Thời gian đề nghị gia hạn ⁽³⁾	Số giấy phép viễn thông/ Số giấy phép hoạt động báo chí ⁽⁴⁾
...	...	...	

2. CẤP ĐỔI

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Lý do cấp đổi ⁽⁵⁾
...		

Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép

- (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn, cấp đổi.
- (2). Mẫu giấy phép: là mẫu theo quy định trên giấy phép đã được cấp (ví dụ: Mẫu 1a; Mẫu 1b, Mẫu 1c,...).
- (3). Thời gian đề nghị gia hạn: kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).
- (4). Số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí: kê khai số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí nếu giấy phép viễn thông/giấy phép hoạt động được cấp trước đây có thay đổi.
- (5). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,...).

12. Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)

Trình tự thực hiện:	- Khi giấy phép còn hiệu lực, tổ chức, cá nhân có nhu cầu sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng) thì phải hoàn thiện hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế) theo quy định tại khoản 1 Mục IX Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế) hoặc từ chối sửa đổi, bổ sung giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Cách thức thực hiện:	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).
Thành phần, số lượng hồ sơ:	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai thông tin chung và Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1h đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế) quy định tại khoản 1 và khoản 4 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết:	- 11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Đối tượng thực hiện thủ	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

tục hành chính:	
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Việc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện).
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1h quy định tại khoản 7 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP).
Lệ phí (nếu có):	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm	Bản khai thông tin chung và Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1h đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế) quy định tại khoản 1 và khoản 4 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm. - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện. - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện. - Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải theo quy định.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

	- Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.
--	---

Mẫu bản khai thông tin chung
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý**
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi:

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số Định danh cá nhân/Căn cước công dân/Hộ chiếu (đối với cá nhân):	
Ngày sinh:	
Địa chỉ thường trú:	
1.2. Mã số thuế (đối với tổ chức):	
Địa chỉ trụ sở chính:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại liên hệ:	
1.5. Email :	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY:	
4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.	
4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	
4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.	
4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.	
4.5. kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày tháng năm

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Bản khai thông tin chung Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 1.5. Kê khai email của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong bốn hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu “X” vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

đóng dấu + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

Mẫu bản khai 1h

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1h

Áp dụng đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)

- ☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số
- Tờ số:/tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. TÊN CHỦ TÀU					
2. TÊN TÀU					
3. SỐ GỌI CHỌN (nếu có)					
4. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)					
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:					
5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN ĐẶT TRÊN TÀU					
LOẠI THIẾT BỊ (MF, HF, VHF,...)	TÊN THIẾT BỊ	CÔNG SUẤT PHÁT (W)	DẢI TẦN HOẠT ĐỘNG từ....đến.... (kHz/MHz)	PHƯƠNG THỨC PHÁT	THÔNG TIN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
					☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị
					☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị
					☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị
					☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị
					☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị
					☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị
6. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)					

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT KHAI THÁC 1h

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp đối với đài tàu.

- Đánh dấu “X” vào ô “Cấp” nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép tần số vô tuyến điện hoặc đánh dấu “X” vào ô “Sửa đổi, bổ sung” và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1h dùng để kê khai cho một đài tàu. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều đài tàu. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ khai và tổng số tờ ở từng Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1h nếu đề nghị cấp. Các thiết bị cùng loại có thông số giống nhau có thể kê khai một lần và ghi rõ số lượng thiết bị.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1h sửa đổi, bổ sung.

1. TÊN CHỦ TÀU

Kê khai tên của chủ sở hữu (khuyến khích viết chữ in hoa, ví dụ: NGUYỄN VĂN A).

2. TÊN TÀU

Kê khai tên của đài tàu (khuyến khích viết chữ in hoa, ví dụ: VINALINES).

3. SỐ GỌI CHỌN

Kê khai dãy số gồm 9 chữ số do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp cho tàu.

4. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026” (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN ĐẶT TRÊN TÀU

Kê khai theo từng loại thiết bị, mỗi loại thiết bị kê khai vào một dòng

- Loại thiết bị: (ví dụ: HF, MF, VHF...)
- Tên thiết bị: kê khai đầy đủ tên thiết bị, gồm cả nhãn hiệu và model của thiết bị.
- Công suất phát (W): kê khai mức công suất phát của thiết bị
- Dải tần hoạt động: kê khai dải tần hoạt động của thiết bị (ví dụ: từ 5 MHz đến 10 MHz).
- Phương thức phát: Kê khai tất cả các phương thức phát đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo. Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E; 304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E;...

- Thông tin sửa đổi, bổ sung: chỉ kê khai đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép liên quan đến các trường thông tin thuộc Mục 5

+ Đánh dấu X vào ô “Bổ sung” đối với trường hợp thêm thiết bị mới vào giấy phép và kê khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 5.

+ Đánh dấu X vào ô “Hủy bỏ” đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ tên thiết bị, đặt tại đâu theo quy định của giấy phép đã được cấp.

+ Đánh dấu X vào ô “Thay thế” và điền tên thiết bị cũ đã được cấp phép và kê khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 5.

6. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên (nếu có).

13. Thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ

Trình tự thực hiện:	- Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ theo quy định tại khoản 1 Mục X Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Cách thức thực hiện:	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).
Thành phần hồ sơ; số lượng hồ sơ:	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai thông tin chung và Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g2 đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ quy định tại khoản 1 và khoản 5 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP; 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết:	- 22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
Cơ quan thực hiện	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

thủ tục hành chính:	(Việc cấp giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của tỉnh bất kỳ thực hiện).
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1g2 quy định tại khoản 7 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i>).
Lệ phí (nếu có):	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm	Bản khai thông tin chung và Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g2 đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ quy định tại khoản 1 và khoản 5 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i> .
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.

	- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.
--	---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý**
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi:

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số Định danh cá nhân/Căn cước công dân/Hộ chiếu (đối với cá nhân):	
Ngày sinh:	
Địa chỉ thường trú:	
1.2. Mã số thuế (đối với tổ chức):	
Địa chỉ trụ sở chính:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại liên hệ:	
1.5. Email :	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY:	
4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.	
4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	
4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.	
4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.	
4.5. kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày tháng năm

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.
- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Bản khai thông tin chung Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 1.5. Kê khai email của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong bốn hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu “X” vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

đóng dấu + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1g2

Áp dụng đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ

- ☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số
 Tờ số:/tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG		☐ Liên lạc nội bộ ☐ Điều hành sản xuất ☐ Bảo vệ ☐ Liên lạc trong nhà hàng, khách sạn ☐ Khác:	
2. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)			
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:			
3. TỔNG SỐ THIẾT BỊ			
4. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG	Địa chỉ		
	Vị trí (tọa độ)	Kinh độ: E	Vĩ độ: N
5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN			
5.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất			
5.2. Các mức công suất phát (W)			
5.3. Ký hiệu phát xạ			
5.4. Dải tần thiết bị (MHz)			
5.5. Độ cao sử dụng tối đa so với mặt đất (m)			
5.6. Thông tin sửa đổi, bổ sung		☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị	☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị
6. TẦN SỐ ĐỀ NGHỊ (nếu có)			
7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)			

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1g2

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ.

- Đánh dấu “X” vào ô “Cấp” nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp hoặc đánh dấu “X” vào ô “Sửa đổi, bổ sung” và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g2 dùng để kê khai cho một mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều mạng. Lưu ý ghi rõ số thứ tự tờ khai, tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

- Kê khai tất cả các thông số trong Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g2 khi đề nghị cấp.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g2 khi bổ sung, sửa đổi. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Đánh dấu “X” mục đích sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện tương ứng hoặc ghi rõ mục đích sử dụng mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ nếu khác với các lựa chọn đã có.

2. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026” (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

3. TỔNG SỐ THIẾT BỊ

Kê khai tổng số thiết bị trong mạng.

4. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

Khai đầy đủ địa chỉ số nhà, đường phố, phường (xã), thành phố (tỉnh) và kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt.

5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

5.1. Kê khai tên thiết bị hoặc ký hiệu (model) của thiết bị, hãng sản xuất thiết bị.

5.2. Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo của thiết bị như: công suất lớn nhất, công suất nhỏ nhất, các mức công suất khác,...

5.3. Kê khai các ký hiệu phát xạ đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 4K00F1E; 7K60FXE; 11K0F3E; ...

5.4. Kê khai dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

5.5. Kê khai độ cao lớn nhất so với mặt đất khi sử dụng thiết bị, tính theo mét (m).

5.6. Chỉ kê khai đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép liên quan đến các trường thông tin thuộc Mục 5

- Đánh dấu “X” vào ô “Bổ sung” đối với trường hợp thêm thiết bị mới vào mạng và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 5.

- Đánh dấu “X” vào ô “Hủy bỏ” đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ tên thiết bị.

- Đánh dấu “X” vào ô “Thay thế cho thiết bị” và điền tên thiết bị cũ đã được cấp phép và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 5.

6. TẦN SỐ ĐỀ NGHỊ

Kê khai tần số theo mong muốn được sử dụng (không bắt buộc).

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin khác chưa có trong bản khai (nếu có).

14. Thủ tục gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ

Trình tự thực hiện:	- Trước khi hết hạn ít nhất 30 ngày và tổng thời hạn cấp lần đầu và các lần gia hạn giấy phép không vượt quá 10 năm, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ theo quy định tại khoản 1 Mục XI Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến <i>Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)</i>. - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ hoặc từ chối gia hạn giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Cách thức thực hiện:	<i>Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:</i> - <i>Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ:	1. Thành phần hồ sơ Bản khai thông tin chung và bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định tại khoản 1 và khoản 6 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết:	- 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. (Việc gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện).
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1g2 quy định tại khoản 7 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP)
Lệ phí (nếu có):	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Bản khai thông tin chung và bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định tại khoản 1 và khoản 6 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.

	- Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. - Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. - Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm tiếp tục tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.
--	--

Mẫu bản khai thông tin chung
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý**
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi:

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số Định danh cá nhân/Căn cước công dân/Hộ chiếu (đối với cá nhân):	
Ngày sinh:	
Địa chỉ thường trú:	
1.2. Mã số thuế (đối với tổ chức):	
Địa chỉ trụ sở chính:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại liên hệ:	
1.5. Email :	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY:	
4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.	
4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	
4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.	
4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.	
4.5. kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày tháng năm
QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.
- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Bản khai thông tin chung Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 1.5. Kê khai email của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong bốn hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu “X” vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

đóng dấu + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

Mẫu bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn

**BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI, GIA HẠN
GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TÀN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

1. GIA HẠN

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Thời gian đề nghị gia hạn ⁽³⁾	Số giấy phép viễn thông/ Số giấy phép hoạt động báo chí ⁽⁴⁾
...	...	...	

2. CẤP ĐỔI

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Lý do cấp đổi ⁽⁵⁾
...		

Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép

- (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn, cấp đổi.
- (2). Mẫu giấy phép: là mẫu theo quy định trên giấy phép đã được cấp (ví dụ: Mẫu 1a; Mẫu 1b, Mẫu 1c,...).
- (3). Thời gian đề nghị gia hạn: kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).
- (4). Số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí: kê khai số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí nếu giấy phép viễn thông/giấy phép hoạt động được cấp trước đây có thay đổi.
- (5). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,...).

15. Thủ tục cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ

Trình tự thực hiện:	Trường hợp giấy phép giấy bị mất hoặc bị hư hỏng, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ theo quy định tại khoản 1 Mục XI Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ hoặc từ chối cấp đổi giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Cách thức thực hiện:	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).
Thành phần, số lượng hồ sơ:	1. Thành phần hồ sơ Bản khai thông tin chung và bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định tại khoản 1 và khoản 6 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết:	- 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. (Việc cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện).
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1h quy định tại khoản 7 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP)
Lệ phí (nếu có):	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Bản khai thông tin chung và bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định tại khoản 1 và khoản 6 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết khiếu nại có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện; - Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải theo quy định.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-

	BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.
--	---

Mẫu bản khai thông tin chung
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý**
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi:

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số Định danh cá nhân/Căn cước công dân/Hộ chiếu (đối với cá nhân):	
Ngày sinh:	
Địa chỉ thường trú:	
1.2. Mã số thuế (đối với tổ chức):	
Địa chỉ trụ sở chính:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại liên hệ:	
1.5. Email :	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY:	
4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.	
4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	
4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.	
4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.	
4.5. kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày tháng năm
QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.
- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Bản khai thông tin chung Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 1.5. Kê khai email của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong bốn hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu “X” vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

đóng dấu + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

Mẫu bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn

**BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI, GIA HẠN
GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

1. GIA HẠN

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Thời gian đề nghị gia hạn ⁽³⁾	Số giấy phép viễn thông/ Số giấy phép hoạt động báo chí ⁽⁴⁾
...	...	...	

2. CẤP ĐỔI

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Lý do cấp đổi ⁽⁵⁾
...		

Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép

- (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn, cấp đổi.
- (2). Mẫu giấy phép: là mẫu theo quy định trên giấy phép đã được cấp (ví dụ: Mẫu 1a; Mẫu 1b, Mẫu 1c,...).
- (3). Thời gian đề nghị gia hạn: kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).
- (4). Số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí: kê khai số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí nếu giấy phép viễn thông/giấy phép hoạt động được cấp trước đây có thay đổi.
- (5). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,...).

16. Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ

Trình tự thực hiện:	- Khi giấy phép còn hiệu lực, tổ chức, cá nhân có nhu cầu sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng) thì phải hoàn thiện hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ theo quy định tại khoản 1 Mục XII Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ hoặc từ chối sửa đổi, bổ sung giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Cách thức thực hiện:	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).
Thành phần, số lượng hồ sơ:	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai thông tin chung và bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g2 đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ quy định tại khoản 1 và khoản 5 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết:	- 22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. (Việc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện).
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1g2 quy định tại khoản 7 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP)
Lệ phí (nếu có):	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Bản khai thông tin chung và bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g2 đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ quy định tại khoản 1 và khoản 5 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết khiếu nại có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21

	tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.
--	---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG**

- CHÚ Ý**
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi:

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số Định danh cá nhân/Căn cước công dân/Hộ chiếu (đối với cá nhân):	
Ngày sinh:	
Địa chỉ thường trú:	
1.2. Mã số thuế (đối với tổ chức):	
Địa chỉ trụ sở chính:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại liên hệ:	
1.5. Email :	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY:	
4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.	
4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	
4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.	
4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.	
4.5. kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày tháng năm

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.
- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Bản khai thông tin chung Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

- Số:** Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.
- Mục 1.** Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.
- Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.
- Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.
- Mục 1.1.** Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân
- Mục 1.2.** Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.
- Mục 1.3.** Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.
- Mục 1.4.** Kê khai số điện thoại liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.
- Mục 1.5.** Kê khai email của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.
- Mục 2.** Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong bốn hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:
- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.
 - Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.
 - Đánh dấu "X" vào ô "Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu “X” vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

đóng dấu + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1g2

Áp dụng đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ

- ☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số
- Tờ số:/tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG		☐ Liên lạc nội bộ ☐ Điều hành sản xuất ☐ Bảo vệ ☐ Liên lạc trong nhà hàng, khách sạn ☐ Khác:	
2. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)			
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:			
3. TỔNG SỐ THIẾT BỊ			
4. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG	Địa chỉ		
	Vị trí (tọa độ)	Kinh độ: E	Vĩ độ: N
5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN			
5.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất			
5.2. Các mức công suất phát (W)			
5.3. Ký hiệu phát xạ			
5.4. Dải tần thiết bị (MHz)			
5.5. Độ cao sử dụng tối đa so với mặt đất (m)			
5.6. Thông tin sửa đổi, bổ sung	☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị	☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị	☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị
6. TẦN SỐ ĐỀ NGHỊ (nếu có)			
7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)			

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1g2

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ.

- Đánh dấu “X” vào ô “Cấp” nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp hoặc đánh dấu “X” vào ô “Sửa đổi, bổ sung” và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g2 dùng để kê khai cho một mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều mạng. Lưu ý ghi rõ số thứ tự tờ khai, tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

- Kê khai tất cả các thông số trong Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g2 khi đề nghị cấp.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g2 khi bổ sung, sửa đổi. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Đánh dấu “X” mục đích sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện tương ứng hoặc ghi rõ mục đích sử dụng mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ nếu khác với các lựa chọn đã có.

2. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026” (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

3. TỔNG SỐ THIẾT BỊ

Kê khai tổng số thiết bị trong mạng.

4. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

Khai đầy đủ địa chỉ số nhà, đường phố, phường (xã), thành phố (tỉnh) và kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt.

5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

5.1. Kê khai tên thiết bị hoặc ký hiệu (model) của thiết bị, hãng sản xuất thiết bị.

5.2. Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo của thiết bị như: công suất lớn nhất, công suất nhỏ nhất, các mức công suất khác,...

5.3. Kê khai các ký hiệu phát xạ đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 4K00F1E; 7K60FXE; 11K0F3E; ...

5.4. Kê khai dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

5.5. Kê khai độ cao lớn nhất so với mặt đất khi sử dụng thiết bị, tính theo mét (m).

5.6. Chỉ kê khai đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép liên quan đến các trường thông tin thuộc Mục 5

- Đánh dấu “X” vào ô “Bổ sung” đối với trường hợp thêm thiết bị mới vào mạng và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 5.

- Đánh dấu “X” vào ô “Hủy bỏ” đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ tên thiết bị.

- Đánh dấu “X” vào ô “Thay thế cho thiết bị” và điền tên thiết bị cũ đã được cấp phép và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 5.

6. TẦN SỐ ĐỀ NGHỊ

Kê khai tần số theo mong muốn được sử dụng (không bắt buộc).

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin khác chưa có trong bản khai (nếu có).

17. Thủ tục cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư

Trình tự thực hiện	1. Tổ chức nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư đến <i>Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)</i>. 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo, hướng dẫn tổ chức bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. 3. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức đánh giá, xác minh thực tế các điều kiện quy định tại khoản 2 Phụ lục II.2 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP và cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư theo Mẫu 03 Phụ lục II.5 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP hoặc từ chối cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư và nêu rõ lý do. 4. Kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư được gửi tới tổ chức qua một trong các phương thức sau: trả kết quả qua đường bưu chính hoặc trả trực tiếp tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc trả theo hình thức trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:</i> - <i>Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - Văn bản đề nghị cấp giấy công nhận theo Mẫu 01 Phụ lục II.5 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Báo cáo thuyết minh đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 2 Phụ lục II.2 theo Mẫu 02 Phụ lục II.5 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Bộ câu hỏi thi lý thuyết vô tuyến điện nghiệp dư. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời hạn giải quyết	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức trong nước
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Việc cấp giấy công nhận do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính thực hiện).
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư (Mẫu 03 Phụ lục II.5 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP).
Phí, lệ phí (nếu có)	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Văn bản đề nghị cấp giấy công nhận theo Mẫu 01 Phụ lục II.5 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Báo cáo thuyết minh đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 2 Phụ lục II.2 theo Mẫu 02 Phụ lục II.5 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Tổ chức được công nhận là tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư khi đáp ứng các điều kiện sau: 1. Có đài vô tuyến điện nghiệp dư được cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đảm bảo đáp ứng yêu cầu thi thực hành của người dự thi với loại chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư tương ứng. 2. Có bộ câu hỏi thi lý thuyết vô tuyến điện nghiệp dư phù hợp với cơ cấu bài thi lý thuyết theo quy định tại khoản 4 Phụ lục II.2 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP. 3. Yêu cầu đối với người tham gia hoạt động tổ chức thi vô tuyến điện nghiệp dư: a) Tốt nghiệp đại học trở lên một trong các chuyên ngành vô tuyến điện, điện tử, viễn thông hoặc tương đương; b) Có chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư cao hơn người dự thi; hoặc Có chứng chỉ cùng bậc với người dự thi nhưng phải trải qua ít nhất 01 năm khai thác đài vô tuyến điện nghiệp dư kể từ ngày chấm thi trở về trước; hoặc Đã trải qua ít nhất 01 năm làm nghề điện báo (có khả năng nhận bằng tay và gửi bằng tay các bản tin dưới dạng mã Móc-xơ quốc tế thông qua máy thu phát vô tuyến điện).

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i>
--	--

Mẫu 01: Mẫu văn bản đề nghị cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư

TÊN TỔ CHỨC

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:
V/v đề nghị cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư

....., ngày tháng ... năm ...

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh...

Tên tổ chức:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax: Website:.....

Giấy phép/Quyết định thành lập số Ngày cấp:.....

Cơ quan cấp:.....

Họ và tên người đứng đầu tổ chức:.....

Địa chỉ:.....

Số CMND/CCCD:.....

.....(1) đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh.... cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư cấp ..(2).....

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và chính xác của nội dung văn bản đề nghị, hồ sơ kèm theo.

Hồ sơ kèm theo gồm:

- Báo cáo thuyết minh các điều kiện đảm bảo cho hoạt động cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư;
- Bộ câu hỏi thi lý thuyết vô tuyến điện nghiệp dư.

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu: VT,

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký, họ và tên của người có thẩm quyền và đóng dấu/chữ ký số của tổ chức)

Hướng dẫn:

(1): Ghi tên của tổ chức đề nghị cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư.

(2): Ghi cấp độ chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư đề nghị cấp.

Mẫu 02: Mẫu báo cáo thuyết minh các điều kiện đảm bảo cho hoạt động cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng ... năm ...

BÁO CÁO

Thuyết minh các điều kiện đảm bảo cho hoạt động cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư cấp ...(1)....

.....(2)..... xin báo cáo thực trạng các điều kiện đảm bảo cho hoạt động cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư cấp ...(3).... như sau:

I. Cơ sở vật chất, trang thiết bị

Báo cáo về cơ sở vật chất, trang thiết bị: đài vô tuyến điện nghiệp dư kèm theo sổ giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện.

II. Bộ câu hỏi thi lý thuyết vô tuyến điện nghiệp dư

Hồ sơ bao gồm:

- Quyết định ban hành Bộ câu hỏi thi lý thuyết vô tuyến điện nghiệp dư của người đứng đầu tổ chức;
- Bộ câu hỏi thi lý thuyết vô tuyến điện nghiệp dư.

III. Người tham gia hoạt động tổ chức thi vô tuyến điện nghiệp dư ⁽⁴⁾

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư	Kinh nghiệm làm nghề điện báo/Kinh nghiệm khai thác đài vô tuyến điện nghiệp dư
1				
...				

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu: VT,

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký, họ và tên của người có thẩm quyền và đóng dấu/chữ ký số của tổ chức)

Hướng dẫn:

(1) và (3): Ghi cấp độ chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư đề nghị cấp.

(2): Ghi tên của tổ chức đề nghị cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư.

(4): Đối với từng người tham gia hoạt động tổ chức thi vô tuyến điện nghiệp dư phải nộp kèm theo hồ sơ gồm bản sao hợp pháp các tài liệu sau:

- Bằng tốt nghiệp đại học trở lên một trong các chuyên ngành vô tuyến điện, điện tử, viễn thông hoặc các ngành tương đương;
- Chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư hoặc giấy tờ thể hiện là người đã trải qua ít nhất 1 năm làm nghề điện báo (có khả năng nhận bằng tay và gửi bằng tay các bản tin dưới dạng mã Móc-xơ quốc tế thông qua máy thu phát vô tuyến điện).

18. Thủ tục cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư

Trình tự thực hiện	1. Tổ chức nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư đến <i>Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)</i>. 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo, hướng dẫn tổ chức bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. 3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư theo Mẫu 04 Phụ lục II.5 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP hoặc từ chối cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư và nêu rõ lý do. 4. Kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư được gửi tới tổ chức qua một trong các phương thức sau: trả kết quả qua đường bưu chính hoặc trả trực tiếp tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc trả theo hình thức trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:</i> - <i>Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - Văn bản đề nghị cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư theo Mẫu 05 Phụ lục II.5 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức trong nước
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Việc cấp đổi giấy công nhận do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy công nhận thực hiện)
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư (Mẫu 04 Phụ lục II.5 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP).
Phí, lệ phí (nếu có)	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Văn bản đề nghị cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư theo Mẫu 05 Phụ lục II.5 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i>

Mẫu 05: Mẫu văn bản đề nghị cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư

TÊN TỔ CHỨC

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:
V/v đề nghị cấp đổi giấy
công nhận tổ chức đủ điều kiện
cấp chứng chỉ vô tuyến điện
nghiệp dư

..., ngày tháng ... năm ...

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh....

Tên tổ chức:
Địa chỉ trụ sở chính:
Điện thoại:; Fax:; Website:.....
Giấy phép/Quyết định thành lập số..... Ngày cấp:.....
Cơ quan cấp:.....
Họ và tên người đứng đầu tổ chức:.....
Địa chỉ:.....
Số CMND/CCCD:.....
.....(1)..... đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh.... cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư số(2)..... ngày cấp.....
Thông tin đề nghị thay đổi (3):.....
Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và chính xác của nội dung văn bản đề nghị, hồ sơ kèm theo.

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu: VT,

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký, họ và tên của người có thẩm quyền
và đóng dấu/chữ ký số của tổ chức)

Hướng dẫn:

- (1): Ghi tên của tổ chức đề nghị cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư.
- (2): Ghi số giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư đề nghị cấp đổi.
- (3) Ghi thông tin đề nghị thay đổi trên giấy công nhận đối với trường hợp tổ chức có sự thay đổi thông tin.

19. Thủ tục cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải

Trình tự thực hiện	1. Tổ chức nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải đến <i>Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)</i>. 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo, hướng dẫn tổ chức bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. 3. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức đánh giá, xác minh thực tế các điều kiện quy định tại khoản 2 Phụ lục II.3 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP và cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải theo Mẫu 08 Phụ lục II.5 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP hoặc từ chối cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải và nêu rõ lý do. 4. Kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải được gửi tới tổ chức qua một trong các phương thức sau: trả kết quả qua đường bưu chính hoặc trả trực tiếp tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:</i> - <i>Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - Văn bản đề nghị cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải theo Mẫu 06 Phụ lục II.5 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Báo cáo thuyết minh đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 2 Phụ lục II.3 theo Mẫu 07 Phụ lục II.5 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Chương trình đào tạo vô tuyến điện viên hàng hải đã được tổ chức phê duyệt.

	2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức trong nước
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Việc cấp giấy công nhận do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính thực hiện).
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp hàng hải (Mẫu 08 Phụ lục II.5 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP).
Phí, lệ phí (nếu có)	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Văn bản đề nghị cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải theo Mẫu 06 Phụ lục II.5 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Báo cáo thuyết minh đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 2 Phụ lục II.3 theo Mẫu 07 Phụ lục II.5 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	1. Yêu cầu về cơ sở vật chất và trang thiết bị giảng dạy gồm: a) Phòng học tiêu chuẩn có trang thiết bị cần thiết cho việc giảng dạy; b) Thiết bị thực hành tối thiểu 01 máy cho 04 học viên đối với hệ thống thiết bị đầu cuối mô phỏng, 01 máy cho 02 học viên đối với hệ thống mô phỏng trên máy vi tính; c) Thiết bị thực hành phải có khả năng mô phỏng các thiết bị sau: máy thu phát MF/HF có trục canh DSC, điện thoại và NBDP; phao EPIRB 406MHz; thiết bị phát đáp tín hiệu ra-đa tìm kiếm cứu nạn SART hoặc thiết bị nhận dạng tự động phát báo tìm kiếm cứu nạn AIS-SART; thiết bị có khả năng thu EGC; nôm báo động cấp cứu đối với các thiết bị huấn luyện hoặc thiết bị mô phỏng VHF-DSC, HF/MF-DSC, Inmarsat-C hoặc hệ thống liên lạc vệ tinh quỹ đạo thấp Iridium; máy thu NAVTEX; máy thu phát VHF có chức năng thoại và DSC, kết hợp với máy thu trục canh DSC kênh 70; máy VHF cầm tay hai chiều; Inmarsat-C hoặc hệ thống liên lạc vệ tinh quỹ đạo thấp Iridium; các thiết bị cần thiết khác theo yêu cầu của Công ước quốc tế về An toàn sinh mạng trên biển năm 1974 và các sửa đổi (SOLAS 74 và các sửa đổi).

	2. Yêu cầu về tài liệu giảng dạy gồm: a) Giáo trình vô tuyến điện viên hàng hải đối với mỗi loại hình đào tạo; b) Giáo trình hướng dẫn khai thác thiết bị GMDSS đối với mỗi loại hình đào tạo; c) Danh bạ các đài duyên hải (ITU list of Coast Stations, Admiralty list of Radio Signal – vol.1, vol.5 ...); d) Danh bạ đài tàu (ITU list of Ship Stations); đ) Danh bạ các đài vô tuyến xác định và các trạm làm nghiệp vụ đặc biệt; e) Thẻ lệ vô tuyến điện của Liên minh Viễn thông quốc tế; g) Sổ tay tìm kiếm cứu nạn hàng không, hàng hải quốc tế (IAMSAR); h) Tài liệu hướng dẫn ghi nhật ký GMDSS; i) Tài liệu tham khảo của Tổ chức Hàng hải quốc tế và các tài liệu tham khảo cần thiết khác. 3. Yêu cầu về chương trình đào tạo: Chương trình và nội dung của các khóa đào tạo phải phù hợp với chương trình mẫu hiện hành của Tổ chức Hàng hải quốc tế. 4. Yêu cầu đối với giảng viên tham gia giảng dạy: Giảng viên tham gia giảng dạy phải đáp ứng các điều kiện sau: a) Tốt nghiệp đại học trở lên một trong các chuyên ngành vô tuyến điện, điện tử, viễn thông, điều khiển tàu biển hoặc hàng hải; b) Có trình độ ngoại ngữ phù hợp với chương trình đào tạo; c) Có chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải phù hợp với chương trình đào tạo (chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải của giáo viên phải có hạng cao hơn hoặc bằng hạng mà giáo viên tham gia giảng dạy) hoặc đã tham gia đào tạo vô tuyến điện viên hàng hải hạng tương đương từ 03 năm trở lên.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tàn số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tàn số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i>

Mẫu 06: Mẫu văn bản đề nghị cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải

TÊN TỔ CHỨC

Số :.....

V/v đề nghị cấp giấy công nhận
tổ chức đủ điều kiện đào tạo,
cấp chứng chỉ vô tuyến điện
viên hàng hải

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh....

Tên tổ chức:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:.....; Fax:.....; Website:.....

Địa chỉ phân hiệu/địa điểm đào tạo khác (nếu có):

Giấy phép/Quyết định thành lập số:..... Ngày cấp:

Cơ quan cấp:

Họ và tên người đứng đầu tổ chức:.....

Địa chỉ:.....

Số CMND/CCCD:.....

.....(1)..... đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh.... cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải hạng.....(2).....

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và chính xác của nội dung văn bản đề nghị, hồ sơ kèm theo.

Hồ sơ kèm theo gồm:

- Báo cáo thuyết minh các điều kiện đảm bảo cho hoạt động đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải;
- Chương trình đào tạo vô tuyến điện viên hàng hải của tổ chức.

Nơi nhận:

- Như trên;

-.....

- Lưu: VT,

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký, họ và tên của người có thẩm quyền
và đóng dấu/chữ ký số của tổ chức)

Hướng dẫn:

(1): Ghi tên của tổ chức đề nghị cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải.

(2): Ghi hạng chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải đề nghị cấp.

Mẫu 07: Mẫu báo cáo thuyết minh các điều kiện đảm bảo cho hoạt động đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải

TÊN TỔ CHỨC

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng ... năm ...

BÁO CÁO

**Thuyết minh các điều kiện đảm bảo cho hoạt động đào tạo,
cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải⁽¹⁾**

I. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài liệu giảng dạy

1. Địa điểm đào tạo:.....

2. Cơ sở vật chất và trang thiết bị giảng dạy

a) Cơ sở vật chất

- Số phòng học lý thuyết

- Số phòng học thực hành

b) Trang thiết bị giảng dạy

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1				
....				

3. Tài liệu giảng dạy: liệt kê chi tiết các tài liệu dùng để giảng dạy

II. Chương trình đào tạo

Một chương trình bao gồm:

- Quyết định ban hành chương trình của người đứng đầu tổ chức;

- Chương trình đào tạo vô tuyến điện viên hàng hải chi tiết gửi kèm theo hồ sơ.

III. Giảng viên tham gia giảng dạy ⁽²⁾

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải	Kinh nghiệm tham gia đào tạo vô tuyến điện viên hàng hải
1					
...					

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu: VT,

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký, họ và tên của người có thẩm quyền
và đóng dấu/chữ ký số của tổ chức)

Hướng dẫn:

(1) Nếu tổ chức có nhiều chi nhánh thì phải lập báo cáo riêng cho từng chi nhánh.

(2) Đối với mỗi giảng viên phải nộp kèm theo hồ sơ gồm bản sao hợp pháp các tài liệu sau:

- Quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động;

- Văn bằng đào tạo chuyên môn;

- Chứng chỉ ngoại ngữ;

- Chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải phù hợp với chương trình tham gia đào tạo hoặc các giấy tờ chứng minh đã tham gia đào tạo vô tuyến điện viên hàng hải hạng tương đương từ 03 năm trở lên.

20. Thủ tục cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải

Trình tự thực hiện	1. Tổ chức nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải đến <i>Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)</i>. 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo, hướng dẫn tổ chức bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. 3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải theo Mẫu 09 Phụ lục II.5 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP hoặc từ chối cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải và nêu rõ lý do. 4. Kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện hàng hải được gửi tới tổ chức qua một trong các phương thức sau: trả kết quả qua đường bưu chính hoặc trả trực tiếp tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc trả theo hình thức trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:</i> - <i>Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện hàng hải theo Mẫu 10 Phụ lục II.5 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức trong nước

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Việc cấp đổi giấy công nhận do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy công nhận thực hiện).
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp hàng hải (Mẫu 09 Phụ lục II.5 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP <i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i>).
Phí, lệ phí (nếu có)	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Văn bản đề nghị cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện hàng hải theo Mẫu 10 Phụ lục II.5 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tàn số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tàn số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i>

Mẫu 10: Mẫu văn bản đề nghị cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số :.....

..., ngày ... tháng ... năm ...

V/v đề nghị cấp đổi giấy công
nhận tổ chức đủ điều kiện đào
tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến
điện viên hàng hải

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh....

Tên tổ chức:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:.....; Fax:.....; Website:.....

Địa chỉ phân hiệu/địa điểm đào tạo khác (nếu có):

Giấy phép/Quyết định thành lập số:..... Ngày cấp.....

Cơ quan cấp:

Họ và tên người đứng đầu tổ chức:

Địa chỉ:.....

Số CMND/CCCD:.....

.....(1)..... đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh.... cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải số(2)..... cấp ngày.....

Thông tin đề nghị thay đổi (3):.....

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và chính xác của nội dung văn bản đề nghị, hồ sơ kèm theo.

Nơi nhận:

- Như trên;

-.....

- Lưu: VT,

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký, họ và tên của người có thẩm quyền
và đóng dấu/chữ ký số của tổ chức)

Hướng dẫn:

(1): Ghi tên của tổ chức đề nghị cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải.

(2): Ghi số giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải đề nghị cấp đổi.

(3) Ghi thông tin đề nghị thay đổi trên giấy công nhận đối với trường hợp tổ chức có sự thay đổi thông tin.